

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

---

**TÀI LIỆU**  
**TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ**  
**XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP,**  
**GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Theo Quyết định số 4072/QĐ-BN-VPĐP ngày 05/10/2016  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**NHÓM 1**  
**KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chuyên đề 1 - Tổng quan Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và nội dung Chương trình giai đoạn 2016-2020</b> .....	<b>2</b>
<b>Chuyên đề 2 - Một số kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới</b> .....	<b>37</b>
<b>Chuyên đề 3 - Vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp và các tổ chức trong xây dựng nông thôn mới</b> .....	<b>73</b>

## MỞ ĐẦU

Theo Quyết định số 4072/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Chương trình khung tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM các cấp thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020, Nhóm “**Kiến thức cơ bản về xây dựng nông thôn mới**” gồm 03 chuyên đề, với các nội dung chính như sau:

- **Chuyên đề 1 “Tổng quan Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và nội dung Chương trình giai đoạn 2016-2020”:**

- + Phần 1: Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015
- + Phần 2: Sự cần thiết của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020
- + Phần 3: Mục tiêu, nguyên tắc và nội dung thực hiện
- + Phần 4: Bộ máy chỉ đạo và điều hành ở các cấp
- + Phần 5: Nguồn lực xây dựng NTM
- + Phần 6: Quy trình đánh giá và xét công nhận địa phương đạt chuẩn NTM.

- **Chuyên đề 2 “Một số kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới”:**

- + Phần 1: Một số kinh nghiệm trong nước
- + Phần 2: Một số kinh nghiệm các nước Châu Á

- **Chuyên đề 3 “Vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp và các tổ chức trong xây dựng nông thôn mới”:**

- + Phần 1: Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý xây dựng NTM
- + Phần 2: Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM
- + Phần 3: Vai trò, trách nhiệm của Ban phát triển thôn trong xây dựng NTM
- + Phần 4: Vai trò của cộng đồng dân cư trong xây dựng NTM
- + Phần 5: Vai trò của doanh nghiệp trong xây dựng NTM
- + Phần 6: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong xây dựng NTM

Hy vọng, đây sẽ là tài liệu hữu ích, giúp đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp có thêm thông tin, bài học kinh nghiệm cần thiết để tham mưu, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới hiệu quả ở mỗi địa phương. Trong quá trình biên soạn tài liệu, không tránh khỏi những sai sót, hạn chế, các tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của

**CHUYÊN ĐỀ 1**

**TỔNG QUAN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU  
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH  
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

## **GIỚI THIỆU CHUNG**

Chuyên đề “Tổng quan Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nội dung Chương trình giai đoạn 2016-2020” giúp người đọc nắm được thông tin tổng quan về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2011-2015 và những nội dung cơ bản của Chương trình trong giai đoạn 2016-2020, đồng thời cung cấp thông tin về quy trình đánh giá và xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.

Căn cứ vào nội dung của chuyên đề, người đọc có thể đối chiếu, so sánh với kết quả triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn, từ đó có thể rút ra các bài học kinh nghiệm của bản thân. Đồng thời, trên cơ sở nắm bắt được những thông tin cơ bản về Chương trình trong giai đoạn 2016-2020, người đọc chủ động vận dụng trong tham mưu tổ chức triển khai Chương trình để phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Người đọc cần nắm vững quy trình đánh giá, xét công nhận địa phương đạt chuẩn để có thể tham mưu triển khai theo đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo nghiêm túc, chặt chẽ.

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>ANNT</b>	An ninh trật tự
<b>ĐBSCL</b>	Đồng bằng sông Cửu Long
<b>ĐBSH</b>	Đồng bằng sông Hồng
<b>ĐTPT</b>	Đầu tư phát triển
<b>MTQG</b>	Mục tiêu quốc gia
<b>NTM</b>	Nông thôn mới
<b>PTNT</b>	Phát triển nông thôn
<b>SNKT</b>	Sự nghiệp kinh tế
<b>UBND</b>	Ủy ban Nhân dân
<b>XD NTM</b>	Xây dựng nông thôn mới

## PHẦN 1 - KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2011-2015

**1. Mục tiêu tổng quát:** Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

Mục tiêu cụ thể: Đến năm 2015 có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### 2. Một số kết quả cơ bản

**2.1.** Chương trình đã làm thay đổi nhận thức của đa số người dân, lôi cuốn họ tham gia vào xây dựng NTM. Từ chỗ số đông còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào đầu tư của nhà nước đã chuyển sang chủ động, tự tin tham gia tích cực vào xây dựng NTM. Xây dựng NTM đã trở thành phong trào sôi động khắp cả nước. Hệ thống hạ tầng nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi bộ mặt nhiều vùng nông thôn. Điều kiện sống cả về vật chất và tinh thần của số lượng lớn dân cư nông thôn được nâng cao rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa từng bước được coi trọng và có chuyển biến, góp phần tích cực nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn.

**2.2.** Hình thành bộ máy chỉ đạo và tham mưu giúp việc đồng bộ từ Trung ương tới cơ sở, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, là nòng cốt tổ chức thực hiện Chương trình với hiệu quả cao, chất lượng. Đội ngũ cán bộ vận hành Chương trình, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở đã có tiến bộ rõ rệt, nhận thức đầy đủ hơn và chỉ đạo Chương trình có hiệu quả hơn, nhất là trong việc xây dựng dự án, vận động quần chúng và tổ chức, thực hiện dự án, thực hành dân chủ ở nông thôn. Đến nay, chưa có một Chương trình MTQG nào chỉ trong một thời gian ngắn đã hình thành được bộ máy chỉ đạo, điều hành đồng bộ, thống nhất và xuyên suốt từ Trung ương xuống địa phương (*tỉnh, huyện, xã và thôn/bản*).

**2.3.** Hình thành được cơ bản Bộ tiêu chí, hệ thống cơ chế, chính sách để vận hành Chương trình. Nhiều địa phương đã cụ thể hóa các chính sách của Trung ương, chủ động ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương. Cơ chế trao quyền tự quyết cho cộng đồng (*thôn, xã*) đã phát huy sự năng động, sáng tạo của các địa phương, sự tham gia của người dân tạo nên sức mạnh to lớn của Chương trình. Sự hỗ trợ của nhà nước tuy hạn chế nhưng đã được sử dụng có hiệu quả cao, kết hợp với sự đóng góp của nhân dân.

Trong 5 năm, cả nước đã huy động được khoảng 851.380 tỷ đồng đầu tư cho Chương trình. Trong đó, ngân sách nhà nước (*bao gồm các chương trình, dự án khác*) 266.785 tỷ đồng (31,3%), tín dụng 434.950 tỷ đồng (51%), doanh nghiệp 42.198 tỷ đồng (4,9%), người dân và cộng đồng đóng góp 107.447 tỷ đồng (12,6%). Riêng ngân

sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình 98.664 tỷ đồng (11,6%). Trong đó, ngân sách Trung ương 16.400 tỷ đồng (SNKT 3.480 tỷ đồng, ĐTPT 2.420 tỷ đồng, Trái phiếu Chính phủ 10.500 tỷ đồng), ngân sách địa phương các cấp 82.264 tỷ đồng.

**2.4.** NTM đã trở thành hiện thực. Đến tháng 12/2015, cả nước đã có 1.532 xã (17,1%) đã có quyết định công nhận đạt chuẩn NTM; còn 326 xã (chiếm 3,9%) dưới 5 tiêu chí. Bình quân tiêu chí/xã: 12,9 tiêu chí, tăng 8,2 tiêu chí so với năm 2011. Có 15 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định công nhận đạt chuẩn NTM. Việc một số huyện đạt tiêu chí NTM trong giai đoạn 2011-2015 là bước phát triển quan trọng của Chương trình.

**2.5.** Nhìn chung, cả hệ thống chính trị đã tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở nhiều nơi được phát huy, dân chủ ở nông thôn được nâng lên về chất. Thông qua thực hiện Chương trình, đội ngũ cán bộ, đảng viên gần dân hơn. Các tổ chức chính trị - xã hội qua tham gia trực tiếp vào Chương trình có điều kiện để củng cố lại hoạt động của tổ chức mình một cách cụ thể hơn, hiệu quả hơn.

Ở những nơi xây dựng NTM thành công, niềm tin của người dân vào các chủ trương, chính sách, sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền được nâng cao. Người dân tự thấy được và được thực hiện những hành động cụ thể đóng góp xây dựng quê hương mình.

### **3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM**

#### **3.1. Công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch**

Đến hết tháng 12/2015, cả nước đã cơ bản hoàn thành công tác quy hoạch, nhiều địa phương đã triển khai, hoàn thành quy hoạch cho phù hợp yêu cầu mới, nhất là về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phù hợp với cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn; các đề án được xây dựng đồng bộ; có 98,8% số xã đạt tiêu chí quy hoạch.

#### **3.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**

Đây là khâu đột phá, được nhân dân đặc biệt quan tâm. Sau 5 năm thực hiện, hạ tầng nông thôn đã có những bước phát triển vượt bậc.

**3.2.1. Về giao thông nông thôn:** 38,9% số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông nông thôn. Cả nước đã xây dựng mới được 47.436 km đường giao thông các loại đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải (bình quân mỗi xã có thêm 5,3 km đường/xã), tăng 10.251 km so với cả giai đoạn 2001-2010; cải tạo sửa chữa 103.394 km đường, xây dựng mới và cải tạo sửa chữa 26.997 cầu... Như vậy, trong 5 năm vừa qua, chúng ta đã hoàn thành khối lượng về giao thông gấp 05 lần của cả giai đoạn 2001-2010.

**3.2.2. Về Thủy lợi:** Đến nay cả nước có 64,6% số xã đạt tiêu chí về thủy lợi. Số kênh mương do xã quản lý đã kiên cố hóa được trên 50.246 km kênh mương các loại; xây dựng, tu bổ, sửa chữa, nâng cấp được hơn 28.765 công trình thủy lợi (gồm: bờ



bao, cống, trạm bơm phục vụ tưới tiêu) và 6.070 km đê bao, bờ bao chống lũ trong phạm vi xã quản lý.

**3.2.3. Về Điện:** Đến nay, cả nước có 7.359 xã (82,2%) đạt tiêu chí số 4 về điện nông thôn. Nhiều thôn, bản vùng cao chưa có điện lưới quốc gia đã được hỗ trợ bằng máy phát điện nhỏ; đến nay có 98,82% số hộ dùng điện lưới quốc gia.

**3.2.4. Về Trường học các cấp:** Đã có 42,6% số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học. Cơ sở vật chất trường học các cấp trên địa bàn xã đã được các địa phương tập trung đầu tư xây dựng, nhất là các trường mẫu giáo, trường học nội trú, cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

**3.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa:** Đến nay đã có khoảng 34,9% số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa. Cả nước hiện có 4.998 xã có Trung tâm văn hóa – thể thao, trong đó khoảng 30% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 54.391/118.034 thôn, bản, ấp (46%) có nhà văn hóa, trong đó đã đạt chuẩn là 47%.

**3.2.6. Về Chợ nông thôn:** Đã có 5.177 xã (61,6%) đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn, trong đó một số nơi xây dựng chợ liên xã. Một số địa phương đã có cơ chế ngân sách hỗ trợ một phần vốn (20-30%) nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn nông thôn.

**3.2.7. Về trạm y tế:** Đến nay đã có 68,2% số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế. Hầu hết các xã đã có trạm y tế; đa số trạm y tế xã có bác sĩ trực thường xuyên, 95% trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi để chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và trẻ em. Tại một số địa phương, trạm y tế xã đã có cán bộ y học dân tộc, cán bộ được trình độ từ dược tá trở lên. Đối với y tế dưới cấp xã (thôn, ấp), khoảng 90% ấp, cụm dân cư có cán bộ y tế.

**3.2.8. Về Bưu điện và hạ tầng công nghệ thông tin nông thôn:** Có 93,1% số xã đạt tiêu chí số 8 về Bưu điện. Internet tốc độ cao đã đến được hầu hết các điểm bưu điện văn hóa xã, khoảng 55% số xã có điểm truy cập Internet công cộng, vùng phủ sóng 3G đã đạt trên 80% dân số; tỷ lệ xã có điện thoại công cộng là 97%. Hầu hết người dân khu vực nông thôn được sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập.

Có thể nói, sau 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng NTM, thành tựu nổi bật nhất là phát triển cơ sở hạ tầng, đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Do vậy, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội mà còn tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân. Nhiều tiêu chí đã có mức tăng cao (tiêu chí giao thông năm 2010 có 3,23% số xã đạt đến nay là 38,9%; cơ sở vật chất văn hóa từ 2,3% tăng lên 34,9%...). Nhiều địa phương dành 70-75% kinh phí xây dựng NTM cho phát triển hạ tầng và hầu hết đóng góp của người dân cũng dành cho lĩnh vực này.

### **3.3. Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, giảm nghèo**

Hầu hết các xã đều có Đề án phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa dựa vào lợi thế. Việc tổ chức thực hiện được tiến hành bằng cách xây dựng mô hình và hỗ trợ nhân

ra diện rộng. Đến nay, cả nước đã có khoảng 22.500 mô hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hiệu quả.

Nhiều địa phương đã tổ chức thực hiện dồn điền, đổi thửa, thiết kế lại hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng... chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho việc đưa cơ giới hóa vào đồng ruộng, tiêu biểu là các tỉnh, thành phố: Thái Bình, Hà Nam, Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa... Chính sách hỗ trợ dân mua máy cày, máy gặt, máy sấy đã được nhiều tỉnh triển khai mạnh mẽ, đưa tỷ lệ cơ giới hóa các khâu này tăng từ 40% - 50% lên 80% - 90% như Thái Bình, Hà Tĩnh, An Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp... Nhiều địa phương đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp nên đạt giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp rất cao như Tp. Hồ Chí Minh năm 2015 đạt bình quân 375 triệu đồng/ha/năm, Hà Nội đạt 233 triệu đồng/ha (*Hà Nội có 1.000 ha rau đạt giá trị sản xuất 01 tỷ đồng/ha/năm*)...

Nhiều địa phương đã quan tâm chỉ đạo kiện toàn tổ chức sản xuất, cùng với việc tăng cường hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, mô hình “cánh đồng lớn” được 43 tỉnh trong cả nước áp dụng. Đến nay, có khoảng 556.000 ha với 2.500 mô hình hợp tác, liên kết theo mô hình “cánh đồng lớn”.

Nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp, mô hình tổ, đội sản xuất trong khai thác thủy sản... đã được thiết lập và hoạt động có hiệu quả.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn bước đầu phát huy hiệu quả. Đến hết năm 2015 đã có khoảng 2,42 triệu người được hỗ trợ đào tạo nghề, trong đó khoảng 1,02 triệu người học nghề nông nghiệp và 1,4 triệu người học nghề phi nông nghiệp.

Khoảng 60.000 hộ nghèo có người tham gia học nghề có việc làm đã thoát nghèo và gần 100.000 hộ có người tham gia học nghề và có việc làm với thu nhập cao hơn mức bình quân tại địa phương (*trở thành hộ khá*).

Nhờ các hoạt động nêu trên, đến tháng 9/2016 đã có 58,9% số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập (*tăng 2,4% so với cuối năm 2015*); 88,2% số xã đạt tiêu chí số 12 về tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên (*tăng 2,7% so với cuối năm 2015*). Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 17,4% năm 2010 xuống còn khoảng 8,2%<sup>1</sup> (*bình quân giảm 1,84%/năm*); tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 50,07% cuối năm 2011 xuống còn 32,59% cuối năm 2014 (*bình quân giảm trên 5%/năm*); có 50,4% số xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo (*giảm 3% so với năm 2015*).

Riêng những xã đã đạt chuẩn NTM, khi bắt đầu thực hiện Chương trình, thu nhập bình quân là 16 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 11,6%, đến nay, thu nhập bình quân đạt 28,4 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,6%. Ở các huyện đạt chuẩn NTM, thu nhập bình quân đạt trên 30 triệu đồng/người/năm.

---

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 1294/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/9/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Số hộ nghèo khu vực nông thôn của cả nước năm 2014 là 1.312.656 hộ, chiếm 92,29% hộ nghèo của cả nước.

### **3.4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường**

**3.4.1. Về phát triển giáo dục:** Công tác giáo dục các cấp ở cơ sở tiếp tục được chú trọng. Đến nay, đã có 5.943 xã (78,9%) đạt tiêu chí số 14 về giáo dục. Chính sách hỗ trợ học phí cho con em đồng bào dân tộc; chính sách cho vay vốn để học tập được điều chỉnh, bổ sung tạo thuận lợi cho học sinh, sinh viên từ các vùng nông thôn.

**3.4.2. Về nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần người dân nông thôn:** Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đang được tiếp tục nâng cao về chất, đã động viên, khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, chung sức xây dựng NTM. Có 66,7% số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa và khoảng 40,8 triệu lượt người tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt câu lạc bộ ở nông thôn (*các tỉnh đồng bằng có 27% số người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao; ở miền núi là 11%*). Ở Hải Hậu, Nam Định hiện nay gần 200 đội kèn đồng được thành lập; ở Thái Bình, các chiếu đào được tái hồi trở lại; ở ĐBSCL, rất nhiều mô hình và những hội đờn ca tài tử được quan tâm phục hồi và phát triển; những lễ hội lành mạnh từ tam giác mạch ở Hà Giang, cây ăn quả ở Bắc Giang được hình thành trong những năm qua... cho thấy đời sống tinh thần của người dân nông thôn đang được cải thiện một bước.

**3.4.3. Về cảnh quan và môi trường nông thôn:** Đã xây dựng được hơn 1.000 công trình nước sạch tập trung, 500 bãi thu gom rác thải, 1.200 công rãnh thoát nước thải vệ sinh. Đến năm 2015, tỷ lệ số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt khoảng 86%, trong đó 45% đạt QCVN 02/2009/BYT của Bộ Y tế; khoảng 65% nhà tiêu đạt tiêu chuẩn hợp vệ sinh; 93% trường học mầm non, phổ thông và 95% trạm y tế xã có công trình nước sạch vệ sinh.

### **3.5. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội**

**3.5.1. Về xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh:** Nhiều tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn đã thực sự đóng vai trò là hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng NTM. Đại hội Đảng bộ các cấp vừa qua đều quan tâm, đánh giá cao tác động xây dựng NTM và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của các tổ chức Đảng trong nhiệm kỳ tới. Thông qua những hoạt động thực tiễn, đội ngũ cán bộ xã đã có bước trưởng thành nhanh về tổ chức và quản lý đời sống xã hội nông thôn, năng lực, tinh thần trách nhiệm, kỹ năng vận động quần chúng được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở đạt chuẩn được quan tâm. Nhiều nơi đã thực hiện luân chuyển, tăng cường cán bộ về xã. Sự phối hợp giữa Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong chỉ đạo thực hiện Chương trình ngày càng cụ thể và hiệu quả, với việc phân công từng tổ chức phụ trách từng tiêu chí cụ thể. Đã có 72,4% số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống tổ chức chính trị - xã hội.

**3.5.2. Về đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn:** Chú trọng tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nội dung yêu cầu của tiêu chí an ninh, trật tự xã hội được giữ vững trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, tích cực tham gia phong trào “Toàn dân bảo

vệ an ninh Tổ quốc”; xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình tự quản về an ninh, trật tự, như: “Nông dân với pháp luật”, “Xóm đạo bình yên”, “Dòng tộc không có tội phạm và tệ nạn xã hội”... Gắn kết phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” với phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự khu vực nông thôn.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thường xuyên nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân ở các vùng nông thôn, làm tốt công tác bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, nhiều địa phương tổ chức có hiệu quả mô hình tự quản về ANTT, bước đầu đã có sức lan tỏa trong cộng đồng (*Thái Bình, Bình Thuận, Quảng Nam...*). Đến nay, 92% số xã trên cả nước đạt tiêu chí số 19 về an ninh trật tự xã hội.

#### **4. Một số vấn đề tồn tại, hạn chế**

**4.1.** Đến tháng 12/2015, Chương trình chưa đạt được mục tiêu tới năm 2015 có 20% số xã cả nước đạt chuẩn NTM (*thực tế mới đạt 17,1%*). Hơn nữa, kết quả thực hiện tại các vùng, miền có sự chênh lệch rõ rệt: Số xã đạt tiêu chí NTM ở Đông Nam Bộ là 42,4%, Đồng bằng sông Hồng là 27,2%, Miền núi phía Bắc chỉ đạt 8,1%, Tây Nguyên đạt 11,5%, Đồng bằng sông Cửu Long đạt 14,9%. Đây là vấn đề lớn về chênh lệch giữa nông thôn đồng bằng và miền núi.

**4.2.** Bộ tiêu chí quốc gia về NTM được ban hành từ tháng 4/2009 và Quyết định về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM của Thủ tướng Chính phủ được ban hành từ tháng 6/2010, nhưng các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành để triển khai thực hiện còn chậm ban hành, thiếu đồng bộ.

Việc chậm trễ, thiếu đồng bộ trong ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện đã ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình. Bộ tiêu chí quốc gia về NTM cho giai đoạn 2011-2015 mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung, tuy nhiên, vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tế, điều kiện của các vùng, miền, địa phương<sup>2</sup>.

**4.3.** Việc triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình MTQG xây dựng NTM còn nhiều bất cập, hạn chế; khi quy hoạch xây dựng NTM chưa gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Một số địa phương mới chủ yếu tập trung vào đầu tư kết cấu hạ tầng mà chưa coi trọng phát triển sản xuất; việc phát triển các thương hiệu hàng hóa nông sản triển khai còn chậm và nhiều hạn chế. An toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường nông thôn đang là vấn đề bức xúc tại nhiều địa phương.

**4.4.** Một số địa phương chạy theo thành tích nên có biểu hiện huy động quá sức

---

<sup>2</sup>Trong năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg, do vậy đã khắc phục được những bất cập của Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn trước.

dân, hoặc nợ đọng xây dựng cơ bản lớn<sup>3</sup>, hoặc khi đánh giá chất lượng tiêu chí chưa nghiêm túc, thiếu chặt chẽ.

#### **4.5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, vướng mắc nêu trên**

**4.5.1. Về khách quan:** Xuất phát điểm của đa số các xã còn thấp, nhất là các xã vùng miền núi, trong khi nguồn lực của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp còn hạn chế. Chương trình triển khai vào thời kỳ suy thoái kinh tế nên việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới gặp nhiều khó khăn.

**4.5.2. Về chủ quan:** Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng thụ động, trông đợi vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nhất là ngân sách Trung ương. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền thiếu sâu sát, chưa quyết liệt, một bộ phận lại quá nôn nóng; sự tham gia của một số tổ chức đoàn thể còn hạn chế. Công tác phối hợp giữa các ngành liên quan trong việc ban hành các chính sách thiếu đồng bộ, còn mang tính biệt lập theo quản lý ngành; trách nhiệm quản lý nhà nước của các ngành đối với từng tiêu chí chưa được làm rõ. Một số địa phương vận dụng các tiêu chí một cách máy móc, thiếu giải pháp và cách làm phù hợp với tình hình thực tế.

### **5. Một số kinh nghiệm rút ra từ giai đoạn 2011-2015**

**5.1.** Xác định Chương trình MTQG XDNTM là chương trình phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, toàn diện, lâu dài tại nông thôn, cần sự tập trung cao độ, thực hiện kiên trì, bền bỉ của cả hệ thống chính trị, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể. Qua quá trình thực hiện thời gian qua cho thấy, nơi nào cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự quan tâm vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì nơi đó có sự chuyển biến thực sự rõ nét.

**5.2.** Xây dựng nông thôn mới được tiến hành trên địa bàn các xã, trước tiên phải làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, tạo sự đồng thuận cao và đồng sức, đồng lòng thực hiện; phải thực sự phát huy vai trò làm chủ của người dân.

**5.3.** Phải coi trọng công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở.

**5.4.** Cần có giải pháp huy động và bố trí nguồn lực hợp lý để đạt mục tiêu, phát huy vai trò vốn nhà nước là vốn môi thu hút các nguồn vốn khác, nhất là vốn huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

**5.5.** Xây dựng nông thôn mới phải phát huy cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của địa phương, tránh nôn nóng thực hiện để đạt thành tích. Thường xuyên tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, phổ biến mô hình tốt, cách

---

<sup>3</sup>Đến tháng 12/2015, cả nước có 53/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM với tổng số 15.277 tỷ đồng.

làm hay, gương điển hình tiên tiến để nhân rộng. Chú trọng công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm; đề cao vai trò giám sát của cộng đồng dân cư đối với việc thực hiện Chương trình.

**5.6.** Xây dựng nông thôn mới phải gắn kết chặt chẽ với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp để đạt mục tiêu vừa thay đổi diện mạo nông thôn vừa phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập và đời sống người dân để phát triển bền vững; đẩy mạnh liên kết theo chuỗi giá trị, phát huy vai trò hợp tác xã là cầu nối hiệu quả giữa doanh nghiệp với nông dân.

## **PHẦN 2 - SỰ CẦN THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XDNTM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **1. Căn cứ pháp lý**

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa 13.

Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội khóa 13 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020.

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện NTM;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020.

### **2. Căn cứ thực tiễn**

Xây dựng NTM là giải pháp chủ yếu, quan trọng và có tính chiến lược để thực hiện thành công Nghị quyết 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; là một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng, nhà nước, đã được nhân dân đồng tình và hưởng ứng tích cực. Chương trình MTQG xây dựng NTM là nội dung cụ thể của tiến trình cơ cấu lại kinh tế trên địa bàn nông thôn và tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; việc xây dựng NTM với các chỉ tiêu tổng hợp cũng chính là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện và chăm lo đời sống nhân dân, phát triển bền vững trên địa bàn nông thôn.

Xây dựng NTM theo Bộ tiêu chí quốc gia đòi hỏi phải có quá trình thực hiện lâu dài, liên tục và được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của

Đảng, Nhà nước, là sự nghiệp của toàn dân trong giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo để đạt mục tiêu đề ra. Những kết quả đạt được của Chương trình trong giai đoạn 2011-2015 mới là bước đầu; do vậy, cần phải tiếp tục triển khai Chương trình để đạt 50% số xã trong cả nước đạt chuẩn vào năm 2020 như mục tiêu đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 12 của Đảng.

Việc triển khai Chương trình trong giai đoạn 2016-2020 cũng là tiếp tục thực hiện một số nội dung quan trọng liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn được chuyển tiếp từ các Chương trình MTQG giai đoạn 2011-2015 trước đây.

NTM đã trở thành hiện thực, được cả hệ thống chính trị và người dân đồng tình, hưởng ứng; được các cấp ủy Đảng đưa vào Chương trình nghị sự của Đại hội Đảng các cấp. Chương trình ngày càng thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp dân cư, qua đó đã phát huy được nhiều cách làm sáng tạo góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng NTM.

### **PHẦN 3 - MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN**

#### **1. Mục tiêu**

##### **1.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng NTM để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

##### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1.** Đến năm 2020 số xã đạt tiêu chuẩn NTM khoảng 50% (trong đó, mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 28%; Đồng bằng sông Hồng: 80%; Bắc Trung Bộ: 59%; Duyên hải Nam Trung Bộ: 60%; Tây Nguyên 43%; Đông Nam Bộ: 80%; Đồng bằng sông Cửu Long: 51%); khuyến khích mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phấn đấu có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn NTM;

**1.2.2.** Bình quân cả nước đạt 15 tiêu chí/xã (trong đó, mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 13,8; Đồng bằng sông Hồng: 18,0; Bắc Trung Bộ: 16,5; Duyên hải Nam Trung Bộ: 16,5; Tây Nguyên: 15,2; Đông Nam Bộ: 17,5; Đồng bằng sông Cửu Long: 16,6); cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí;

**1.2.3.** Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã;

**1.2.4.** Nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân, thu nhập tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015.

## **2. Nguyên tắc thực hiện**

**2.1.** Các nội dung, hoạt động triển khai Chương trình xây dựng NTM phải bám sát Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về phê duyệt Chương trình; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về ban hành tiêu chí huyện NTM và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

**2.2.** Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định, tổ chức thực hiện và giám sát Chương trình.

**2.3.** Gắn kết với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và 21 chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn.

**2.4.** Thực hiện Chương trình xây dựng NTM phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với quy hoạch xây dựng NTM đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**2.5.** Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, dự án của Chương trình xây dựng NTM; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

**2.6.** Xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp ủy đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NTM.

## **3. Các nội dung của Chương trình**

### **3.1. Quy hoạch xây dựng NTM**

**3.1.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 01 về quy hoạch và thực hiện quy hoạch trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2018, có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 01 về quy hoạch.

#### **3.1.2. Nội dung**

a) Nội dung 01: Quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí huyện



NTM và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

b) Nội dung số 02: Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã NTM gắn với cơ cấu lại nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh; bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt từng vùng, miền.

c) Nội dung số 03: Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội – môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã NTM đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

### **3.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**

**3.2.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

#### **3.2.2. Nội dung**

a) Nội dung số 01: Hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn thôn, xã.

b) Nội dung số 02: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng.

c) Nội dung số 03: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn.

d) Nội dung số 04: Xây dựng hoàn chỉnh các công trình đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Hỗ trợ xây dựng trường mầm non cho các xã thuộc vùng khó khăn chưa có trường mầm non công lập.

đ) Nội dung số 05: Hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa – thể thao, Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn, bản.

e) Nội dung số 06: Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân.

g) Nội dung số 07: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trong đó ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã hải đảo, các xã thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

h) Nội dung số 08: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở.

i) Nội dung số 09: Hoàn chỉnh các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân.

### **3.3. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân**

**3.3.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động có việc làm, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã

NTM, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã thông qua tăng cường năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động, kinh doanh cho các HTX, tổ hợp tác.

### **3.3.2. Nội dung**

a) Nội dung số 01: Triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

b) Nội dung số 02: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020; tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

c) Nội dung số 03: Tiếp tục thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, trong đó chú trọng công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp thu hút nhiều lao động.

d) Nội dung số 04: Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

đ) Nội dung số 05: Phát triển ngành nghề nông thôn bao gồm: Bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích phát triển mỗi làng một nghề; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm cho sản phẩm làng nghề.

e) Nội dung số 06: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

### **3.4. Giảm nghèo và an sinh xã hội**

**3.4.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 về hộ nghèo trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

#### **3.4.2. Nội dung**

a) Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

b) Nội dung 02: Thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn.

### **3.5. Phát triển giáo dục ở nông thôn**

**3.5.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 về Giáo dục trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

#### **3.5.2. Nội dung**

a) Nội dung số 01: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi. Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 02 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.

b) Nội dung số 02: Xóa mù chữ và chống tái mù chữ.

c) Nội dung số 03: Phổ cập giáo dục tiểu học.

d) Nội dung số 04: Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

### **3.6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn**

**3.6.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 về Y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

**3.6.2. Nội dung:** Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

### **3.7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn**

**3.7.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 về văn hóa của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

#### **3.7.2. Nội dung**

a) Nội dung 01: Xây dựng, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hóa, thể thao. Góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và tham gia các hoạt động thể thao của các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

b) Nội dung 02: Tập trung nghiên cứu, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.

### **3.8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề**

**3.8.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 về môi trường trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

#### **3.8.2. Nội dung**

a) Nội dung số 01: Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn.

b) Nội dung số 02: Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn.

c) Nội dung số 03: Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

### **3.9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân**

**3.9.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

#### **3.9.2. Nội dung**

a) Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã.

b) Nội dung 02: MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng NTM theo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”.

c) Nội dung số 03: Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp.

d) Nội dung số 04: Các Bộ, ngành, cơ quan đoàn thể và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM”.

đ) Nội dung số 05: Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công.

e) Nội dung số 06: Đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

g) Nội dung số 07: Thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

### **3.10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**

**3.10.1. Mục tiêu:** Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

#### **3.10.2 Nội dung**

a) Nội dung số 01: Đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn.

b) Nội dung số 02: Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nhất là các xã vùng trọng điểm (*biên giới, hải đảo*) đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia.

### **3.11. Nâng cao năng lực xây dựng NTM và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng NTM**

**3.11.1. Mục tiêu:** Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM.

### **3.11.2. Nội dung**

a) Nội dung số 01: Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cộng đồng và người dân, nhất là ở các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, để hiểu đầy đủ hơn về nội dung, phương pháp, cách làm NTM.

b) Nội dung số 02: Ban hành Bộ tài liệu chuẩn phục vụ cho công tác đào tạo, tập huấn kiến thức cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp. Tăng cường tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng NTM các cấp (*nhất là cán bộ huyện, xã và thôn, bản, cán bộ hợp tác xã, chủ trang trại*).

c) Nội dung số 03: Xây dựng và triển khai có hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin.

d) Nội dung số 04: Truyền thông về xây dựng NTM.

## **PHẦN 4 - BỘ MÁY CHỈ ĐẠO VÀ ĐIỀU HÀNH Ở CÁC CẤP**

### **1. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia**

**1.1. Cấp Trung ương:** Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 10/8/2016 thành lập một Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban, giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương, bao gồm: (i) Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách có liên quan để thực hiện mục tiêu xây dựng NTM và mục tiêu giảm nghèo bền vững; (ii) Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp thực hiện các mục tiêu của Chương trình MTQG XDNTM; (iii) Giúp Thủ tướng Chính phủ điều phối hoạt động giữa các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; (iv) Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương trong việc xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý, điều hành các Chương trình MTQG; kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong quá trình thực hiện các Chương trình MTQG.

**1.2. Cấp tỉnh:** UBND cấp tỉnh thành lập một Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG do Chủ tịch UBND cấp tỉnh làm Trưởng Ban, giúp UBND cấp tỉnh chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn.

**1.3. Cấp huyện:** UBND cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện.

**1.4. Cấp xã:** UBND cấp xã thành lập một Ban Quản lý cấp xã, do Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng Ban, để tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn xã. Thành viên Ban Quản lý cấp xã bao gồm: Cán bộ chuyên môn thuộc UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể và đại diện cộng đồng dân cư.

Cơ chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình: Thực hiện theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Văn phòng Điều phối NTM các cấp**

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối NTM các cấp.

### **2.1. Cấp Trung ương**

**2.1.1.** Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đặt tại Bộ Nông nghiệp và PTNT, giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương và trực tiếp giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên phạm vi cả nước.

#### **2.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Điều phối NTM Trung ương**

a) Chủ trì, xây dựng Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 (*gọi tắt là Chương trình*), kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương; chuẩn bị nội dung, chương trình của hội nghị, hội thảo và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương;

b) Chủ trì, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; kế hoạch phối hợp, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương tham gia thực hiện Chương trình;

c) Tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác để xây dựng NTM;

d) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình trong phạm vi cả nước;

đ) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và phối hợp hoạt động liên ngành để thực hiện có hiệu quả Chương trình;

e) Tổ chức công tác truyền thông và hợp tác quốc tế cho xây dựng NTM;

g) Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc đôn đốc các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương trong việc xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn cơ chế chính sách liên quan đến quản lý, điều hành Chương trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong quá trình thực Chương trình.

## **2.2. Cấp địa phương**

**2.2.1.** Văn phòng Điều phối NTM tỉnh thực hiện chức năng giúp Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG cấp tỉnh (*gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh*) quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn. Chánh Văn phòng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, Phó Chánh Văn phòng không quá 02 người, 01 Phó Chánh văn phòng do Chi cục trưởng Chi cục PTNT kiêm nhiệm.

Tùy điều kiện thực tế, bố trí 01 Phó Chánh Văn phòng làm việc chuyên trách. Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ nhiệm.

### **2.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh**

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình;

b) Tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác để xây dựng NTM trên địa bàn;

c) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh;

d) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và cơ chế phối hợp hoạt động liên ngành để thực hiện có hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh;

đ) Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo và tiến độ thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh để báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp tỉnh;

e) Chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban Chỉ đạo tỉnh và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo;

g) Tổ chức công tác thông tin truyền thông về xây dựng NTM.

**2.2.3.** Văn phòng NTM huyện do Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế làm cơ quan thường trực, thực hiện chức năng giúp Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG cấp huyện (*gọi tắt là Ban Chỉ đạo huyện*) quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn. Chánh Văn phòng và 01 Phó Chánh Văn phòng. Chánh Văn phòng do Phó Chủ tịch UBND huyện kiêm nhiệm, Phó Chánh Văn phòng do Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT (*hoặc Phòng Kinh tế*) kiêm nhiệm.

### **2.2.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện**

a) Giúp Ban Chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đánh giá đồng bộ, toàn diện Chương trình trên địa bàn huyện;

b) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình về thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện;

c) Chuẩn bị nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban Chỉ đạo huyện và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo;

d) Bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi, tổng hợp, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình;

đ) Thực hiện công tác thông tin, truyền thông về xây dựng NTM trên địa bàn huyện;

e) Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo cấp huyện trong việc đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**2.2.3.** UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí 01 công chức cấp xã chuyên trách về nông nghiệp, xây dựng NTM theo quy định.

## **PHẦN 5 - NGUỒN LỰC XÂY DỰNG NTM**

### **1. Vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp**

Tổng mức vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước tối thiểu là 193.155,6 tỷ đồng, trong đó:

**1.1.** Ngân sách Trung ương: 63.155,6 tỷ đồng;

**1.2.** Ngân sách địa phương: 130.000 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương để có thể hỗ trợ thêm cho Chương trình và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

### **2. Cơ cấu nguồn vốn**

**2.1. Vốn ngân sách** (*Trung ương và địa phương*), bao gồm:

**2.1.1.** Vốn trực tiếp cho Chương trình để thực hiện các nội dung của Chương trình: Khoảng 24%;

**2.1.2.** Vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; các chương trình hỗ trợ có mục tiêu; các Dự án vốn ODA thực hiện trên địa bàn: Khoảng 6%;

**2.2. Vốn tín dụng** (*bao gồm tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại*): Khoảng 45%;

**2.3.** Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác: Khoảng 15%;

**2.4.** Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: Khoảng 10%.

*Đa dạng hoá các nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình:*

Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn.



Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (*tỉnh, huyện, xã*) để tổ chức triển khai Chương trình. Từ năm 2017, HĐND tỉnh quy định để lại ít nhất 80% cho ngân sách xã số thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung XDNTM.

Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án, nội dung cụ thể, do HĐND xã thông qua;

Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư;

Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng;

Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

### **3. Cơ chế phân bổ, giám sát và theo dõi các nguồn vốn**

**3.1. Cơ chế phân bổ:** Trung ương hỗ trợ cho các địa phương tổng mức vốn và giao Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể.

**3.2. Cơ chế quản lý tài chính và giám sát việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực ở các cấp:**

**3.2.1.** Hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách của Chương trình MTQG xây dựng NTM trên cơ sở Hệ thống TABMIS (*Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc*).

**3.2.2.** Xây dựng cơ chế giám sát và kiểm tra việc phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình dựa trên kết quả, trong đó, phân công rõ trách nhiệm cụ thể của Bộ, ngành Trung ương, các cấp, các ngành ở địa phương để chủ trì, phối hợp thực hiện.

### **4. Cơ chế hỗ trợ**

**4.1.** Hỗ trợ 100% từ ngân sách Nhà nước cho tất cả các xã để thực hiện: Công tác quy hoạch; tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng NTM các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn (*thuộc phạm vi của Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*).

**4.2.** Hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước cho các xã để thực hiện: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản, các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông

thôn, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ cho xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ), hỗ trợ thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ), kinh phí vận hành Quỹ xây dựng NTM.

Đối với các xã thuộc các huyện nghèo thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ được ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% cho các nội dung nêu trên.

Đối với các xã còn lại: Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, HĐND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.

**4.3.** Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác (do người dân trực tiếp làm ra) khi mua trực tiếp của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình MTQG xây dựng NTM thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận.

**4.4.** Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương được trích 1,0-1,5% nguồn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình để hỗ trợ chi cho: Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, tập huấn của Trung ương, tỉnh, huyện và trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp; tổ chức khảo sát, thẩm định xã, huyện đạt chuẩn NTM. UBND tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí cho Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, UBND tỉnh có thể hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan chỉ đạo Chương trình từ nguồn ngân sách địa phương.

**4.5.** Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình từ ngân sách đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

**4.6.** Kinh phí duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng: Khoảng 6% vốn đầu tư xây dựng cơ bản của từng xã.

**4.7.** Chính quyền địa phương (*tỉnh, huyện, xã*) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị HĐND xã thông qua.

Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được chính quyền địa phương xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương. UBND địa phương xem xét, quyết định mức thù lao cụ thể sau khi trình Thường trực HĐND cùng cấp. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, huyện, xã triển khai thực hiện.

**4.8.** UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và phân bổ kinh phí (*bao gồm kinh phí hỗ trợ của ngân sách Trung ương và nguồn của ngân sách địa phương các cấp*) để thực hiện các dự án, nội dung công việc theo quy định.

## **5. Cơ chế đầu tư**

**5.1.** Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý Chương trình MTQG xã (*gọi tắt là Ban Quản lý xã*) do UBND xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban Quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì UBND huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của UBND xã.

**5.2.** Đối với các Dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù rút gọn theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020.

Đối với các Dự án khác thực hiện theo các quy định hiện hành.

**5.3.** Lựa chọn nhà thầu: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 2 hình thức:

**5.3.1.** Lựa chọn theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng: Lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương nơi có gói thầu thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu;

**5.3.2.** Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu.

Khuyến khích thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng.

## **PHẦN 6 - QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ XÉT CÔNG NHẬN ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHUẨN NTM**

### **1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn**

#### **1.1. Đăng ký xã đạt chuẩn NTM**

**1.1.1.** UBND xã đăng ký công nhận xã đạt chuẩn NTM trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.

Trường hợp xã chưa đăng ký công nhận xã đạt chuẩn NTM theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá.

**1.1.2.** UBND xã nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký xã đạt chuẩn NTM đến UBND cấp huyện.

**1.1.3.** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn NTM; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn NTM.

## **1.2. Trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn NTM gồm các bước**

**1.2.1.** UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn NTM.

**1.2.2.** UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM.

**1.2.3.** UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM.

## **1.3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn NTM**

UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn NTM như sau:

### **1.3.1. Tổ chức tự đánh giá**

UBND xã thành lập Đoàn đánh giá để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí; Ban Quản lý xã xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí, báo cáo UBND xã.

### **1.3.2. Tổ chức lấy ý kiến**

a) UBND xã gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến tham gia của MTTQ xã và các tổ chức thành viên của MTTQ xã;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn, bản, ấp (sau đây gọi chung là thôn) và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân.

c) UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của MTTQ xã, các tổ chức thành viên của MTTQ xã và của nhân dân trên địa bàn.

### **1.3.3. Hoàn thiện hồ sơ**

a) UBND xã tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện;

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, UBND xã nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (02 bộ hồ sơ);

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện.

## **1.4. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM**

### **1.4.1. Tổ chức thẩm tra**

a) UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm tra để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã, báo cáo UBND cấp huyện;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; nêu rõ lý do xã chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn NTM.

### **1.4.2. Tổ chức lấy ý kiến**

a) UBND cấp huyện tổng hợp danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn NTM và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình (nếu có) và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện;

b) UBND cấp huyện gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã đủ điều kiện đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM.

c) UBND cấp huyện có văn bản đề nghị MTTQ huyện phản biện về kết quả xây dựng NTM của xã; đồng thời, chủ trì, chỉ đạo MTTQ xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM.

### **1.4.3. Hoàn thiện hồ sơ**

a) UBND cấp huyện tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM cho từng xã đã đủ điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (*trong tổng số hộ gia đình của xã được chọn khảo sát, lấy ý kiến*) hài lòng, trình UBND cấp tỉnh;

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, UBND cấp huyện nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (*01 bộ hồ sơ*),

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh.

## **1.5. Tổ chức thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn NTM**

### **1.5.1 Tổ chức thẩm định**

a) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh*) thành lập Đoàn thẩm định để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh; Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí NTM cho từng xã của từng huyện, báo cáo UBND cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí NTM của từng xã trên địa bàn từng huyện; nêu rõ lý do xã chưa được xét công nhận đạt chuẩn NTM.

### **1.5.2. Tổ chức xét công nhận**

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét công nhận xã đạt chuẩn NTM (*gọi tắt Hội đồng thẩm định*) gồm đại diện lãnh đạo một số Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là một Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh phụ trách Chương trình MTQG xây dựng NTM;

b) Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận xã đạt chuẩn NTM cho từng xã; Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định;

c) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của cơ quan thường trực Chương trình XDNTM cấp tỉnh.

## **2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM**

### **2.1. Đăng ký huyện đạt chuẩn NTM**

**2.1.1.** UBND huyện đăng ký huyện đạt chuẩn NTM trước ngày 15 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. UBND cấp tỉnh chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với huyện đã có 70% số xã đạt chuẩn, 30% số xã còn lại phải đạt chuẩn từ 14 tiêu chí trở lên, huyện đã đạt ít nhất 06 tiêu chí huyện NTM tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn trong năm đánh giá.

**2.1.2.** UBND huyện nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký huyện đạt chuẩn NTM đến UBND cấp tỉnh để xác nhận.

**2.1.3.** Trong thời hạn 05 ngày làm việc (*kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND huyện*), UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND huyện về kết quả đưa

vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn NTM; nêu rõ lý do đối với huyện chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện huyện đạt chuẩn NTM.

## **2.2. Trình tự, thủ tục công nhận huyện đạt chuẩn NTM gồm các bước**

**2.2.1.** UBND huyện tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM.

**2.2.2.** UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM.

**2.2.3.** Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM.

## **2.3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM**

UBND huyện tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM như sau:

### **2.3.1. Tổ chức tự đánh giá**

UBND huyện thành lập Đoàn đánh giá để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí; Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí NTM của huyện, báo cáo UBND huyện.

### **2.3.2. Tổ chức lấy ý kiến**

a) UBND huyện gửi báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM để lấy ý kiến tham gia của MTTQ huyện, các tổ chức thành viên của MTTQ huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện trong thời gian 15 ngày để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện;

c) UBND huyện bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của huyện sau khi nhận được ý kiến tham gia (*bằng văn bản*) của MTTQ huyện, các tổ chức thành viên của MTTQ huyện, UBND các xã và nhân dân trên địa bàn huyện.

### **2.3.3. Hoàn thiện hồ sơ**

a) UBND huyện tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh;

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM, UBND huyện nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra (*02 bộ hồ sơ*);

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh.

## **2.4. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM**

### **2.4.1. Tổ chức thẩm tra**

a) UBND cấp tỉnh thành lập Đoàn thẩm tra để thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện NTM của từng huyện; Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh xây dựng báo cáo

kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện NTM của từng huyện, báo cáo UBND cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND huyện về kết quả thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện NTM của từng huyện; nêu rõ lý do huyện chưa được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn NTM.

#### **2.4.2. Tổ chức lấy ý kiến**

a) UBND cấp tỉnh tổng hợp danh sách các huyện đủ điều kiện đề nghị xét công nhận đạt chuẩn NTM và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh;

b) UBND cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện NTM cho từng huyện để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND các huyện trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí huyện NTM cho từng huyện đủ điều kiện đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM;

c) UBND cấp tỉnh có văn bản đề nghị MTTQ tỉnh phản biện về kết quả xây dựng NTM của huyện; đồng thời, chủ trì, chỉ đạo MTTQ huyện và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn huyện đối với việc đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn NTM.

#### **2.4.3. Hoàn thiện hồ sơ**

a) UBND cấp tỉnh tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM cho từng huyện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình hài lòng, gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT;

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM, UBND cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ);

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Bộ Nông nghiệp và PTNT (*Văn phòng Điều phối NTM Trung ương*).

### **2.5. Tổ chức thẩm định, công nhận huyện đạt chuẩn NTM**

#### **2.5.1. Tổ chức thẩm định**

a) Bộ Nông nghiệp và PTNT thành lập Đoàn thẩm định để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng huyện; Văn phòng Điều phối NTM Trung ương xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí NTM cho từng huyện, báo cáo Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Bộ Nông nghiệp và PTNT trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh, huyện về kết quả thẩm định mức độ đạt tiêu chí NTM của từng huyện; nêu rõ lý do huyện chưa được xét công nhận đạt chuẩn NTM.



### **2.5.2. Tổ chức xét công nhận**

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng thẩm định Trung ương xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM (*gọi tắt Hội đồng thẩm định Trung ương*) gồm đại diện lãnh đạo một số Bộ, ngành liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT - Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG;

b) Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương mời một số chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá kết quả xây dựng NTM của huyện, tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu: Môi trường, quy hoạch, an ninh trật tự, văn hóa...;

c) Hội đồng thẩm định Trung ương tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM cho từng huyện; Văn phòng Điều phối NTM Trung ương hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định Trung ương dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

## **3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM**

### **3.1. Đăng ký thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM**

**3.1.1.** UBND thị xã, thành phố đăng ký thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trước ngày 15 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. UBND cấp tỉnh chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thị xã, thành phố đã có từ 70% số xã đạt chuẩn tính đến thời điểm đăng ký và có đủ điều kiện phân đầu hoàn thành trong năm đánh giá.

**3.1.2.** UBND thị xã, thành phố nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đến UBND cấp tỉnh.

**3.1.3.** Trong thời hạn 05 ngày làm việc (*kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND thị xã, thành phố*), UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND thị xã, thành phố về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; nêu rõ lý do đối với thị xã, thành phố chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

### **3.2. Công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM**

Trình tự, thủ tục công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM gồm các bước:

**3.2.1.** UBND thị xã, thành phố tổ chức tự đánh giá kết quả xây dựng NTM.

**3.2.2.** UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

**3.2.3.** Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

### **3.3. Tổ chức tự đánh giá kết quả xây dựng NTM của thị xã, thành phố**

UBND thị xã, thành phố tổ chức tự đánh giá kết quả xây dựng NTM như sau:

#### **3.3.1. Tổ chức tự đánh giá**

UBND thị xã, thành phố thành lập Đoàn đánh giá để đánh giá cụ thể kết quả xây dựng NTM của thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối NTM thị xã, thành phố xây dựng báo cáo đánh giá kết quả xây dựng NTM của thị xã, thành phố, báo cáo UBND thị xã, thành phố.

#### **3.3.2. Tổ chức lấy ý kiến**

a) UBND thị xã, thành phố gửi báo cáo kết quả xây dựng NTM để lấy ý kiến tham gia của MTTQ thị xã, thành phố, các tổ chức thành viên của MTTQ thị xã, thành phố để hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí NTM;

b) Báo cáo kết quả xây dựng NTM của thị xã, thành phố được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên cổng thông tin điện tử của UBND thị xã, thành phố trong thời gian 15 ngày để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn thị xã, thành phố;

c) UBND thị xã, thành phố bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả xây dựng chỉ NTM sau khi nhận được ý kiến tham gia (*bằng văn bản*) của MTTQ thị xã, thành phố, các tổ chức thành viên của MTTQ thị xã, thành phố, UBND các xã và nhân dân trên địa bàn thị xã, thành phố.

#### **3.3.3. Hoàn thiện hồ sơ**

a) UBND thị xã, thành phố tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh;

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, UBND thị xã, thành phố nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm tra;

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh.

### **3.4. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM**

#### **3.4.1. Tổ chức thẩm tra**

a) UBND cấp tỉnh thành lập Đoàn thẩm tra để thẩm tra kết quả xây dựng NTM của từng thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ của từng thị xã, thành phố, báo cáo UBND cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND thị xã, thành phố về kết quả thẩm tra hồ sơ của từng thị xã, thành phố; nêu rõ lý do thị xã, thành phố chưa được đề nghị xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

#### **3.4.2. Tổ chức lấy ý kiến**

a) UBND cấp tỉnh tổng hợp danh sách các thị xã, thành phố đủ điều kiện đề nghị xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình của cấp tỉnh để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn cấp tỉnh;

b) UBND cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ cho từng thị xã, thành phố để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thị trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ xây dựng NTM cho từng thị xã, thành phố đủ điều kiện đề nghị xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM;

c) UBND cấp tỉnh có văn bản đề nghị MTTQ tỉnh phản biện về kết quả xây dựng NTM của thị xã, thành phố; đồng thời, chủ trì, chỉ đạo MTTQ thị xã, thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội của thị xã, thành phố tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn thị xã, thành phố đối với việc đề nghị công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

#### **3.4.3. Hoàn thiện hồ sơ**

a) UBND cấp tỉnh tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM cho từng thị xã, thành phố;

Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi kết quả ý kiến nhất trí tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình hài lòng, gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT;

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, UBND cấp tỉnh nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để thẩm định;

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

### **3.5. Tổ chức thẩm định, công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM**

#### **3.5.1. Tổ chức thẩm định**

a) Bộ Nông nghiệp và PTNT thành lập Đoàn thẩm định để thẩm định kết quả xây dựng NTM của từng thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối NTM Trung ương xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ xây dựng NTM cho từng thị xã, thành phố, báo cáo Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Bộ Nông nghiệp và PTNT trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh, thị xã, thành phố về kết quả thẩm định mức độ xây dựng

NTM của từng thị xã, thành phố; nêu rõ lý do thị xã, thành phố chưa được xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

### **3.5.2. Tổ chức xét, công nhận**

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng thẩm định Trung ương gồm đại diện lãnh đạo một số Bộ, ngành liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT - Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG;

b) Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trung ương mời một số chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá kết quả xây dựng NTM của thị xã, thành phố, tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu: Môi trường, quy hoạch, an ninh trật tự, văn hóa...;

c) Hội đồng thẩm định Trung ương tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM cho từng thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối NTM Trung ương hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định Trung ương dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

d) Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định công nhận thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và PTNT./.

## CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Đề nghị Anh/Chị tóm lược một số điểm mới của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2 (2016-2020) so với giai đoạn 1 (2011-2015), nhất là về mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện.

Gợi ý thảo luận về một số điểm mới giữa Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình XDNTM giai đoạn 2010-2020:

- Về mục tiêu tổng quát, về mục tiêu cụ thể (có quy định mục tiêu cụ thể cho từng vùng);

- Về nội dung: vẫn bao gồm 11 nội dung nhưng nội hàm của từng nội dung có sự khác biệt;

- Về nguồn lực: Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương được xác định rõ.

2. Căn cứ vào thực tiễn triển khai Chương trình trên địa bàn, đề nghị các Anh/Chị xác định 03-04 nội dung trọng tâm cần ưu tiên triển khai của địa phương mình;

3. Theo Anh/Chị khi triển khai xây dựng NTM, có thể không để xảy ra nợ xây dựng cơ bản không? Nếu có thì giải pháp khắc phục như thế nào?

4. Để xây dựng NTM thành công, cần huy động các nguồn lực xã hội. Từ thực tiễn của địa phương, đề nghị Anh/Chị xác định những khó khăn cơ bản khi huy động nguồn lực xã hội, nhất là các thành phần kinh tế, người dân và cộng đồng. Các Anh/Chị tâm đắc hay hài lòng nhất về sáng kiến nào của địa phương về huy động nguồn lực xã hội cho NTM?

5. Về quy trình thẩm định và xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, theo Anh/Chị bước nào là quan trọng nhất? Theo Anh/Chị, làm thế nào để đảm bảo việc lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân là chính xác và công minh?

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Báo cáo tổng kết 05 năm giai đoạn 2011-2015. Tháng 12/2015.
2. Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội khoá 13 về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020.
3. Nghị quyết số 32/2016/QH 14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội khoá 14 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.
4. Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới.
5. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
6. Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”.
7. Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp.
8. Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
9. Quyết định số 317/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 20/10/2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 về ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương.
10. Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

**CHUYÊN ĐỀ 2**

**MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC  
VÀ QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN VÀ XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI**

## GIỚI THIỆU CHUNG

Chuyên đề “Một số kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới” giúp người học nắm được những thông tin và bài học kinh nghiệm để có thể vận dụng vào thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trong phần bài học kinh nghiệm trong nước, chuyên đề nêu kinh nghiệm từ các chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2000 – 2011 (*gồm 03 chương trình: Chương trình phát triển nông thôn cấp xã theo hướng CNH, HDH, hợp tác hóa và dân chủ hóa giai đoạn 2001 – 2004; Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản giai đoạn 2006 – 2009 và Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới cấp xã trong thời kỳ đẩy nhanh CNH-HDH giai đoạn 2009 – 2011*); kinh nghiệm từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015.

Ở phần bài học kinh nghiệm quốc tế, trên cơ sở nghiên cứu nhiều bài học kinh nghiệm hay về phát triển nông thôn, chuyên đề có nêu một số bài học có tính chất tham khảo để có thể vận dụng phù hợp với đặc điểm xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam như: Phong trào làng mới (Saemaul Undong) ở Hàn Quốc; Chương trình mỗi làng một nghề (OVOP) ở Nhật Bản; Mô hình xí nghiệp hương trôn ở Trung Quốc.



## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>ABCD</b>	Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực
<b>BCĐ</b>	Ban Chỉ đạo
<b>BQL</b>	Ban Quản lý
<b>CNH</b>	Công nghiệp hóa
<b>CSHT</b>	Cơ sở hạ tầng
<b>ĐTH</b>	Đô thị hóa
<b>HDH</b>	Hiện đại hóa
<b>HTX</b>	Hợp tác xã
<b>KHCN</b>	Khoa học công nghệ
<b>KHĐT</b>	Kế hoạch và Đầu tư
<b>KTKT</b>	Kinh tế Kỹ thuật
<b>KTXH</b>	Kinh tế - xã hội
<b>LĐTBXH</b>	Lao động, Thương binh, Xã hội
<b>MTQG</b>	Mục tiêu Quốc gia
<b>NN&amp;PTNT</b>	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
<b>NTM</b>	Nông thôn mới
<b>OVOP</b>	Mỗi làng một sản phẩm
<b>PTCD</b>	Phát triển cộng đồng
<b>Saemaul Undong</b>	Phong trào làng mới
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân
<b>VHXH</b>	Văn hóa – xã hội
<b>VSMT</b>	Vệ sinh môi trường
<b>XDCB</b>	Xây dựng cơ bản
<b>XNHT</b>	Xí nghiệp hương trấn

## PHẦN 1 – MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC

### 1. Chương trình phát triển nông thôn theo hướng CNH, HĐH, hợp tác hóa, dân chủ hóa (2001-2004)

#### 1.1. Bối cảnh

Sau 10 năm đổi mới (1988-1998), sản xuất nông nghiệp nước ta phát triển tương đối toàn diện, liên tục, tốc độ cao, góp phần rất quan trọng vào sự ổn định và phát triển KTXH đất nước. Tuy nhiên, trong giai đoạn này nông nghiệp, nông thôn nước ta cũng bộc lộ nhiều vấn đề tồn tại cần khắc phục: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; ứng dụng tiến bộ KH-CN hạn chế; công nghiệp chế biến và ngành nghề kém phát triển; thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa gặp nhiều khó khăn, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa yếu; lao động dư thừa; CSHT phục vụ sản xuất và đời sống ở một số vùng còn rất thấp; quan hệ sản xuất ở nông thôn chậm đổi mới; tiềm năng to lớn về đất đai, rừng, biển và lao động ở một số vùng chưa được khai thác có hiệu quả; đời sống của một bộ phận nông dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn rất khó khăn...

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và hạn chế đó, ngày 10/11/1998, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 06-NQ/TW về một số vấn đề nông nghiệp và nông thôn, trong đó nhấn mạnh vai trò của phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn trong quá trình CNH, HĐH. Thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW, Ban Kinh tế Trung ương và Bộ NN&PTNT đã ban hành Đề cương số 185/KTTW-BNN ngày 07/05/2001 để hướng dẫn các địa phương thực hiện *Chương trình xây dựng mô hình phát triển nông thôn theo hướng CNH, HĐH, hợp tác hóa, dân chủ hóa*. Đây có thể được xem là chương trình xây dựng NTM đầu tiên ở nước ta. Tuy vậy, trong giai đoạn này, thuật ngữ “nông thôn mới” chưa được sử dụng phổ biến. Bộ NN&PTNT và các địa phương thường gọi đây là chương trình phát triển nông thôn cấp xã.

#### 1.2. Mục tiêu, phạm vi

Chương trình phát triển nông thôn cấp xã được thực hiện nhằm mục tiêu xây dựng các mô hình điểm về phát triển nông thôn tại các khu vực KTXH khác nhau trên cả nước. Trên cơ sở đó, rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm xây dựng cơ chế, chính sách cho chương trình phát triển nông thôn trên toàn quốc.

Căn cứ tiêu chí lựa chọn xã điểm đã nêu trong Đề cương 185, tất cả 61 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mỗi địa phương chọn ra 3 xã điểm, tổng cộng có 183 xã điểm. Trong số đó, Bộ NN&PTNT chọn ra 14 xã để xây dựng mô hình điểm của trung ương (*gồm 12 xã chọn từ năm 2001 và 02 xã bổ sung năm 2002*). Năm 2004, Bộ NN&PTNT bổ sung thêm 04 xã điểm, nâng tổng số xã thí điểm trong chương trình thành 18 xã.

#### 1.3. Nội dung

Chương trình phát triển nông thôn cấp xã thực hiện 05 nội dung cơ bản, gồm:

- Phát triển kinh tế hàng hoá với một cơ chế phù hợp, khai thác được lợi thế của địa phương, có thị trường tiêu thụ;
- Phát triển CSHT phù hợp với nền nông nghiệp hàng hoá, đáp ứng yêu cầu CNH;
- Xây dựng khu dân cư văn minh;
- Tăng cường công tác văn hoá, y tế, giáo dục trong nông thôn và xây dựng đội ngũ cán bộ;
- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, phát huy vai trò của cán bộ tổ chức quần chúng, thực hiện tập trung dân chủ.

Như vậy, có thể nhận thấy, ngay từ giai đoạn này, các yếu tố về NTM đã được quan tâm một cách tương đối toàn diện, với nhiều vấn đề được quan tâm, từ phát triển kinh tế, xây dựng CSHT cho đến vấn đề văn hóa – xã hội – chính trị... Tuy nhiên, các nội dung đưa ra còn khá chung chung, mang tính định hướng, chưa có các tiêu chí cụ thể như Bộ tiêu chí NTM hiện nay.

#### **1.4. Kết quả và tồn tại**

Chương trình phát triển nông thôn cấp xã đã triển khai được một số hoạt động, như: Đào tạo cho cán bộ các xã điểm, triển khai quy hoạch cho 18 xã điểm, lồng ghép các chương trình, dự án về khuyến nông, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn... Nhờ vậy, CSHT và bộ mặt nông thôn của các xã điểm đã có sự thay đổi đáng kể, nhiều hệ thống nước sạch, xử lý nước thải đã hình thành và đi vào hoạt động có hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp và ngành nghề có hiệu quả cao hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, mô hình phát triển nông thôn cấp xã đã bộc lộ một số tồn tại:

- Kế hoạch xây dựng mô hình đòi hỏi nhu cầu vốn rất lớn lại không có nguồn lực đảm bảo nên hầu hết các mô hình cấp xã đều không có tính khả thi. Mặt khác, mô hình được xây dựng theo dạng dự án đầu tư phát triển nên cán bộ và người dân ở "điểm" có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào nhà nước, chưa huy động được nguồn lực của người dân và cộng đồng nên chưa mang tính xã hội sâu sắc, vì vậy thiếu tính bền vững.
- Về tư tưởng chỉ đạo: Việc xây dựng dự án phát triển nông thôn là cơ sở để tổ chức thực hiện mô hình, trong đó bao gồm cả những nội dung cần đầu tư từ các nguồn vốn khác nhau. Mục tiêu chủ yếu là thí điểm các cơ chế, chính sách để phát triển nhanh hơn, đạt hiệu quả cao hơn. Tuy vậy, một số xã đã quá chú trọng đến đầu tư XDCB và mong đợi sự trợ giúp từ bên ngoài là chưa đúng với chủ trương xây dựng mô hình.
- Việc xây dựng các dự án: Các dự án phát triển sản xuất còn nặng về nông nghiệp mà chưa quan tâm thỏa đáng vào phát triển ngành nghề, công nghiệp nông thôn, dịch vụ và các vấn đề VHXH. Nội dung dân chủ hóa chưa được thể hiện rõ trong

các dự án. Đa số các dự án còn dàn trải, chưa làm nổi bật các trọng tâm để tập trung triển khai.

- Đội ngũ cán bộ xã tuy có được đào tạo, nhưng năng lực sau đào tạo còn hạn chế, tình trạng phổ biến là chưa nắm vững yêu cầu và phương pháp triển khai dự án.

- Việc phối kết hợp giữa các cơ quan nhà nước: Bộ máy tổ chức chỉ đạo triển khai chương trình không được hình thành thống nhất, đồng bộ từ cấp Trung ương xuống các địa phương, không phân định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, các cấp chính quyền trong việc tổ chức chỉ đạo, triển khai, theo dõi và đánh giá chương trình.

- Sự tham gia của đơn vị tư vấn: Phần lớn cán bộ địa phương và tổ tư vấn đã nắm vững phương pháp và tiến trình lập dự án phát triển nông thôn. Tổ tư vấn và cán bộ địa phương đã được quán triệt tinh thần tạo điều kiện để cho địa phương làm là chính. Tuy nhiên, vẫn còn một số xã, cán bộ tư vấn làm thay địa phương, nên tính thuyết phục của các giải pháp đưa ra trong dự án bị hạn chế và làm giảm tính bền vững của dự án.

### **1.5. Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn**

Những tồn tại và hạn chế nêu trên cũng chính là những kinh nghiệm để xây dựng một chương trình phát triển nông thôn có hiệu quả hơn. Chúng ta có thể rút ra bốn kinh nghiệm từ chương trình này:

- *Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân cũng như cán bộ địa phương là hết sức quan trọng, để mọi người hiểu rõ quan điểm triển khai của chương trình.* Đây là một chương trình mang tính lồng ghép, trong đó hỗ trợ từ nhà nước chỉ là một phần, làm động lực thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng. Cộng đồng phải là chủ thể cả trong triển khai cũng như đóng góp nguồn lực. Việc tuyên truyền, vận động kém là nguyên nhân dẫn đến tâm lý ỷ lại, trông chờ vào hỗ trợ từ bên ngoài trong quá trình thử nghiệm này.

- *Việc phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương là điều kiện cần thiết để thực hiện thành công mô hình.* Chương trình do Bộ NN&PTNT chủ trì, nhưng có sự chỉ đạo chung của Ban Kinh tế Trung ương nên trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan cũng hết sức quan trọng, đặc biệt trong việc triển khai lồng ghép các chương trình, dự án. Vấn đề bộc lộ từ chương trình cho thấy, không chỉ có cán bộ địa phương và người dân ỷ lại, mà ngay cả nhiều Bộ, ngành các cấp cũng không thực sự tích cực vào cuộc. Thực tế cho thấy, ở địa phương nào có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành thì ở nơi đó có mô hình tốt.

- *Cần thành lập một nguồn kinh phí riêng hỗ trợ để đảm bảo đủ vốn đầu tư và huy động được tối đa sự tham gia đóng góp của nhân dân địa phương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện mô hình phát triển nông thôn.* Xây dựng mô hình phát triển nông thôn cấp xã là mô hình cho dân, vì dân, dân biết, dân bàn, dân đóng góp và hưởng lợi, với phương châm “nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ”, phát huy được tối đa nội lực trong dân. Tuy nhiên, trong điều kiện nguồn lực các xã điểm còn hạn chế, kinh tế chưa phát

triển, nên mức độ tham gia đóng góp chưa cao, nếu chỉ dựa vào các chương trình lồng ghép thì nguồn vốn đầu tư cho xã điểm sẽ rất hạn hẹp.

- *Xây dựng mô hình phát triển nông thôn phải phù hợp với đặc điểm dân sinh, kinh tế, trình độ sản xuất và đáp ứng được nhu cầu của địa phương, được nhân dân đồng tình ủng hộ.* Điều kiện tự nhiên và dân sinh kinh tế cũng như trình độ sản xuất của các xã điểm khác nhau, trong xây dựng mô hình phải cân nhắc, chọn lựa xây dựng các CSHT, áp dụng các tiến bộ KHKT phù hợp với trình độ sản xuất của địa phương đem lại hiệu quả kinh tế, tránh áp dụng công nghệ không phù hợp gây phản tác dụng.

## **2. Chương trình thí điểm xây dựng mô hình NTM cấp thôn, bản (2006-2009)**

### **2.1. Bối cảnh**

Sau khi chương trình thí điểm xây dựng mô hình phát triển nông thôn cấp xã kết thúc, Bộ NN&PTNT đã có một số nhận định sau:

- Các mô hình được xây dựng theo cách tiếp cận truyền thống là phát triển dựa vào nhu cầu, bù đắp sự thiếu hụt. Vì vậy, các mô hình điểm đã làm nảy sinh tâm lý cho cả cấp hỗ trợ, cấp thực hiện và người dân coi đây là các dự án đầu tư của nhà nước.

- Hầu hết các phương án quy hoạch các xã điểm đều do các đơn vị tư vấn xây dựng thay cho cấp xã và người dân. Do vậy, hầu hết các bản quy hoạch thiếu tính khả thi, không thực tế và chưa thu hút được sự tham gia tích cực của người dân vào các hoạt động của chương trình.

- Việc phối hợp tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương chưa tập trung, thiếu đồng bộ. Đội ngũ cán bộ địa phương đã được đi tham quan, học tập ở trong, ngoài nước và tăng cường năng lực, song nhận thức chưa đầy đủ nên đứng ngoài cuộc, không sâu sát với nhu cầu của người dân.

Nhìn chung, trong giai đoạn nửa đầu những năm 2000, bên cạnh những thành tựu nhất định đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn thì những vấn đề tồn tại, yếu kém trong phát triển nông thôn vẫn chưa được giải quyết. Bộ NN&PTNT nhấn mạnh *nguyên nhân chính là những hạn chế trong phát huy vai trò của cộng đồng, vai trò của cấp thôn, bản trong phát triển nông thôn và vai trò của các cơ quan, ban, ngành các cấp trong việc triển khai, lồng ghép các hoạt động hỗ trợ, phát triển nông nghiệp, nông thôn.*

Trước những tồn tại đó, ngày 08/9/2006, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 2614/QĐ/BNN-HTX về việc phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng mô hình NTM. Ngày 09/4/2007, Bộ NN&PTNT ban hành Thông tư 985/BNN-HTX về việc hướng dẫn thực hiện thí điểm xây dựng mô hình NTM.

### **2.2. Mục tiêu, phạm vi**

- Mục tiêu chung của chương trình là: Thí điểm xây dựng mô hình NTM cấp thôn, bản theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực cộng đồng để tổng kết, làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình xây dựng NTM.

Có thể nhận thấy, chương trình thí điểm này đã khác với trước đây khi lựa chọn cấp thôn, bản làm đơn vị để triển khai. Ngay từ giai đoạn này, các bài học kinh nghiệm quốc tế đã được Bộ NN&PTNT vận dụng, đặc biệt là kinh nghiệm từ phong trào làng mới ở Hàn Quốc những năm 1970 cũng áp dụng ở phạm vi cấp thôn, bản và phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng dựa vào nội lực do Viện Coady (Canada) giới thiệu.

Theo Quyết định 2614, địa bàn cấp thôn được lựa chọn vì những lý do sau đây: (1) Tính đến nay, các chương trình, dự án đầu tư của trung ương mới chỉ vươn tới cấp xã, hầu như chưa có chương trình, dự án nào đến được cấp thôn và tác động trực tiếp đến đời sống của người dân và cộng đồng; (2) Mô hình NTM ở cấp thôn sẽ tập trung được các nguồn lực và cho kết quả thay đổi nhanh chóng; (3) Thôn có quy mô nhỏ, trong đó mọi hộ dân có quan hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ với nhau. Do vậy, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân cùng tham gia bàn bạc, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và cùng nhau triển khai.

Dựa trên những bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế, Bộ NN&PTNT xác định rõ 3 nguyên tắc khi triển khai chương trình thí điểm NTM cấp thôn, bản giai đoạn 2006-2009:

+ Thực hiện theo phương châm dựa vào nội lực cộng đồng địa phương. Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần làm động lực để phát huy sự đóng góp của người dân và cộng đồng.

+ Các hoạt động cụ thể ở từng mô hình thí điểm do chính người dân của thôn, bản tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định thông qua cộng đồng.

+ Các mô hình thí điểm được triển khai phải đảm bảo phát triển nông thôn bền vững, hài hòa với môi trường, góp phần bảo tồn giá trị truyền thống của địa phương.

- Năm 2007, Bộ NN&PTNT lựa chọn 10 thôn, bản để thí điểm mô hình. Năm 2008 bổ sung thêm 5 thôn, bản và năm 2009 là năm kết thúc chương trình nhưng vẫn bổ sung thêm 2 thôn. Tổng cộng, chương trình thử nghiệm tại 15 thôn thuộc 14 tỉnh, thành phố (*Nghệ An có 2 thôn*).

### **2.3. Nội dung**

Nội dung thí điểm mô hình NTM do người dân và cộng đồng quyết định tùy thuộc vào các điều kiện và thế mạnh của địa phương. Để các địa phương lựa chọn nội dung theo định hướng và mục tiêu của chương trình, Thông tư 985 đưa ra 4 hợp phần cụ thể, trong đó hợp phần 1 được xác định là cần thiết đối với tất cả các điểm, hợp phần 2, 3, 4 mang tính chất định hướng cho việc chọn lựa. Cụ thể:

**2.3.1. Hợp phần 1:** Đào tạo nâng cao năng lực phát triển cộng đồng. Nội dung của hợp phần này bao gồm: (i) Đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở và cán bộ phát triển nông thôn; (ii) Nâng cao năng lực cộng đồng.

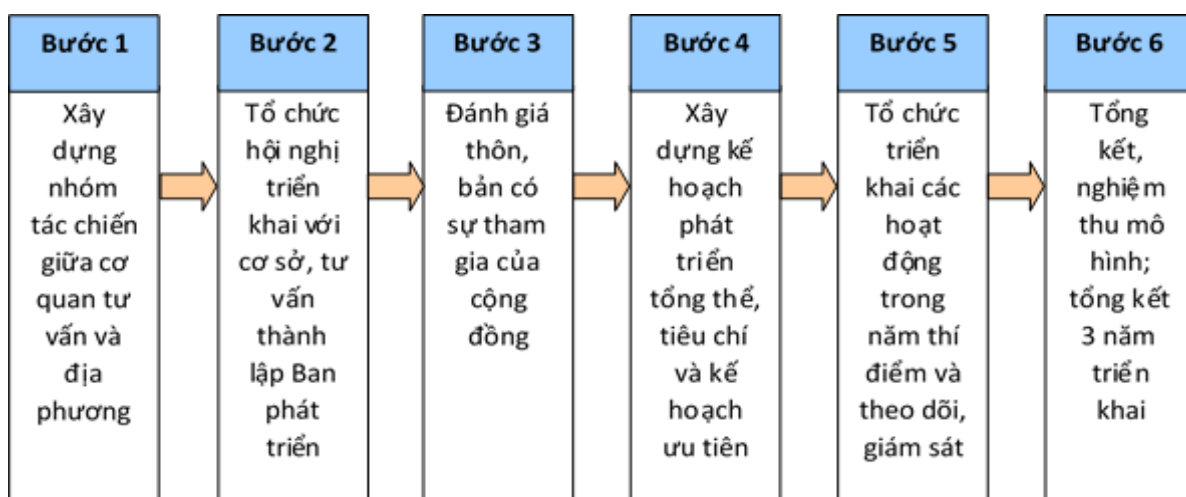
**2.3.2. Hợp phần 2:** Nâng cấp điều kiện sống cho người dân nông thôn. Nội dung của hợp phần này bao gồm: (i) Quy hoạch lại các khu dân cư nông thôn; (ii) Cải thiện điều kiện sinh hoạt của khu dân cư; (iii) Cải thiện nhà ở của các hộ nông dân.

**2.3.3. Hợp phần 3:** Hỗ trợ người dân phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp, dịch vụ nông thôn để nâng cao thu nhập. Nội dung của hợp phần này bao gồm: (i) Lựa chọn phát triển cây trồng, vật nuôi có lợi thế; (ii) Cung ứng các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống; (iii) Trang bị kiến thức và kỹ năng; (iv) Hỗ trợ hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác.

**2.3.4. Hợp phần 4:** Mỗi làng một nghề. Nội dung của hợp phần này bao gồm: (i) Đối với thôn chưa có nghề phi nông nghiệp, tiến hành xây dựng các dự án khôi phục nghề cũ (nếu có) hoặc phát triển nghề phi nông nghiệp mới; (ii) Đối với thôn đã có nghề nhưng chưa đạt tiêu chí làng nghề, chọn ra ít nhất một nghề có lợi thế để lập kế hoạch phát triển dài hạn...

## 2.4. Kết quả và tồn tại

Quá trình triển khai chương trình thí điểm xây dựng NTM cấp thôn, bản được triển khai qua các bước cơ bản sau đây:



Năm 2010, Bộ NN&PTNT đã tổ chức đánh giá kết quả triển khai chương trình. Một số kết quả đạt được là:

- Đã hình thành được 15 mô hình thực tiễn về xây dựng NTM theo phương pháp tiếp cận mới từ cộng đồng và do cộng đồng làm chủ.

- Bước đầu thay đổi được nhận thức của cán bộ cơ sở và người dân trong việc xác định nội dung xây dựng NTM, các bước công việc phải làm và trình tự tiến hành, cách thức huy động nội lực tại chỗ cho xây dựng NTM.

- Đã hình thành được tổ chức của người dân (Ban phát triển thôn bản), là đại diện của cộng đồng dân cư thôn, bản để tự chủ trong việc bàn bạc, lựa chọn, quyết định các nội dung xây dựng NTM và cuộc sống trên địa bàn của họ.

- Đã khơi dậy ý thức tự chủ, sáng tạo của người dân trong phát huy nội lực xây dựng NTM, không ỷ lại vào trợ giúp bên ngoài.

- Đã xác định rõ hơn nội dung, phương pháp, cách làm, mối quan hệ phối hợp giữa các cấp trong xây dựng mô hình NTM theo phương pháp tiếp cận từ cộng đồng thôn, bản.

- Tuy mô hình chưa hoàn thiện, nhưng đã thu hút sự quan tâm của nhiều địa phương tổ chức xây dựng thêm mô hình NTM ở địa phương (ngoài 15 mô hình thí điểm của Bộ).

Những mặt còn hạn chế của chương trình:

- Nhận thức của các ngành, các cấp ở một số địa phương về xây dựng NTM còn chưa đầy đủ, chưa đúng với chủ trương của đề án.

- Do chưa có tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn NTM, nên việc xác định mục tiêu nhằm xác định kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là khái niệm, nội hàm NTM còn hiểu theo nhiều cách khác nhau, không chỉ với cán bộ các cấp và người dân ở các điểm mà còn cả trong các đơn vị triển khai.

- Thiếu lực lượng cán bộ xây dựng NTM theo phương pháp tiếp cận mới, nên khi thực hiện, hầu hết các cán bộ và người dân đều rất lúng túng, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng.

- Do chưa có cơ chế đặc thù, do vậy, việc triển khai xây dựng mô hình NTM gặp nhiều vướng mắc, nhất là cơ chế quản lý đầu tư, tài chính.

- Các nội dung thí điểm tập trung nhiều đến xây dựng CSHT. Các nội dung về kinh tế, văn hoá, xã hội chưa được thử nghiệm nhiều trong thời gian thí điểm. Một số nội dung thiếu hợp lý do thiếu tính cân đối, hài hoà và chưa phù hợp với mục tiêu thí điểm mô hình.

## **2.5. Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn**

Chương trình thử nghiệm ở cấp thôn, bản đạt được nhiều thành công nhờ việc rút ra những kinh nghiệm từ chương trình cấp xã trước đó, cũng như áp dụng một số kinh nghiệm quốc tế. Hạn chế lớn nhất của chương trình chính là tính chất của một chương trình thí điểm. Mô hình điểm có thể đạt được những thành công, nhưng chưa tạo được phong trào thi đua bởi chương trình chỉ áp dụng với các thôn, bản được lựa chọn. Một số kinh nghiệm chính rút ra từ chương trình này là:

**2.5.1.** Cần có một cơ chế triển khai đặc thù cho xây dựng mô hình NTM. Đây là một chương trình thí điểm xây dựng mô hình, song các phương pháp thí điểm lại không thể áp dụng được đầy đủ do thiếu cơ chế. Nói cách khác, thí điểm mô hình mới nhưng không thí điểm cơ chế mới phù hợp. Ví dụ: Vai trò làm chủ của cộng đồng không được phát huy do người dân không thể tự quyết trong việc thực hiện các nội dung được duyệt. Người dân có thể tự phát huy nội lực để thực hiện nhiều hạng mục hạ tầng không quá phức tạp như làm đường, xây kè, làm cột điện... Tuy vậy, các nội



dung từ thiết kế, lập bản vẽ, dự toán, cho đến thi công, nghiệm thu lại bắt buộc phải do các cơ quan có chức năng thực hiện thì mới được duyệt. Điều này vừa gây lãng phí, mất nhiều thời gian, lại không thử nghiệm được năng lực của cộng đồng.

**2.5.2.** Xây dựng mô hình cần có các tiêu chí để định hướng cho các thôn, bản thực hiện. Chương trình đưa ra các ưu tiên chính trong việc nâng cao điều kiện sống cho người dân, cải thiện bộ mặt nông thôn, phát triển kinh tế và thực hiện các hoạt động văn hoá, xã hội. Các nội dung này bao quát hầu hết những nội dung mà một mô hình NTM cấp thôn, bản cần có, tuy nhiên lại thiếu các chỉ tiêu cụ thể làm cơ sở để thực hiện. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu định hướng trong lựa chọn các nội dung thử nghiệm ở các mô hình thí điểm. Tại nhiều địa phương, Ban phát triển thôn bản và thống nhất sử dụng nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một vài công trình hạ tầng, thiếu quan tâm đến khơi dậy nội lực để kết hợp với ngoại lực nhằm phát huy thế mạnh cộng đồng. Cách làm này lại rơi vào “vết xe” của chương trình phát triển nông thôn cấp xã, đồng thời không đúng với cách tiếp cận của chương trình NTM cấp thôn.

**2.5.3.** Sự tham gia của cộng đồng chỉ được phát huy nếu tạo được động lực thúc đẩy. Động lực thúc đẩy ở đây một phần là từ các khoản ngân sách nhà nước hỗ trợ, một phần khác còn thiếu, đó là phong trào thi đua. Đây là bài học từ chương trình phát triển nông thôn cấp xã, cũng như một số chương trình phát triển nông thôn khác trong cùng giai đoạn. Thực tế cho thấy, do các mô hình được chọn để làm điểm nên các nguồn lực được tập trung cho xây dựng mô hình. Điều này tạo ra tâm lý trông đợi hỗ trợ, chứ không thúc đẩy sự thi đua của cộng đồng. Bài học này cần được quan tâm khi triển khai chương trình NTM ở phạm vi rộng. Khi đó, các thôn, các xã phải đạt được các chỉ tiêu nhất định mới được hỗ trợ từ ngân sách. Điều này sẽ tạo động lực và phong trào, thúc đẩy sự tham gia mạnh mẽ của cộng đồng.

**2.5.4.** Xây dựng NTM ở cấp cộng đồng thôn bản có thể động viên sức mạnh truyền thống, văn hóa truyền thống làng xã Việt Nam. Nhưng ở Việt Nam, nếu chỉ dựa vào thôn, bản mà thiếu trách nhiệm và sự chỉ đạo của xã cùng với chính quyền và hệ thống chính trị hoàn chỉnh của cấp xã, sẽ không thể triển khai tốt được. Vì thế, phải kết hợp địa bàn xã kết nối với truyền thống làng, bản Việt Nam.

### **3. Chương trình thí điểm NTM thời kỳ đẩy mạnh CNH, HDH (2009-2011)**

#### **3.1. Bối cảnh**

Ngày 05/8/2008, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết đã tổng kết hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới với nhiều thành tựu và hạn chế đối với vấn đề “tam nông”. Để phát huy những thành quả đạt được và giải quyết những vấn đề yếu kém, Nghị quyết 26 xác định xây dựng NTM là một trong những mục tiêu trọng điểm đến năm 2020.

Để cụ thể hóa các nội dung về NTM theo tinh thần Nghị quyết 26, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về Bộ tiêu chí

Quốc gia về NTM. Bộ tiêu chí áp dụng cho cấp xã, chia thành 5 phần, gồm 19 tiêu chí lớn và 39 chỉ tiêu cụ thể. Trước khi triển khai chương trình MTQG về NTM trên diện rộng, Bộ Chính trị (khóa X) đã giao Ban Bí thư chỉ đạo tổ chức làm thí điểm để rút kinh nghiệm. Ban Bí thư đã thành lập Ban Chỉ đạo và thông qua Đề án về Chương trình thí điểm NTM thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH giai đoạn 2009-2011.

### **3.2. Mục tiêu, phạm vi**

#### **3.2.1. Mục tiêu của Chương trình**

- Xây dựng các mô hình thực tế về NTM thời kỳ CNH-HĐH.
- Thử nghiệm đổi mới một số cơ chế, chính sách mới, đặc thù cho xây dựng NTM.
- Tổng kết rút kinh nghiệm về nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, trách nhiệm và mối quan hệ giữa các cấp, các ngành của hệ thống chính trị... nhằm thúc đẩy nhanh, đảm bảo tính nhân rộng của mô hình khi thực hiện Chương trình MTQG trên phạm vi cả nước.

Chương trình lựa chọn thí điểm trên địa bàn 11 xã trung bình khá đại diện cho các vùng kinh tế - xã hội.

**3.2.2.** Nguyên tắc, quan điểm thực hiện các hoạt động thí điểm tiếp tục nhấn mạnh đến sự cần thiết phát huy vai trò tham gia của cộng đồng dân cư nông thôn, đồng thời xác định đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Cụ thể:

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và thực hiện chương trình, các nội dung cụ thể của chương trình trên địa bàn phải được nhân dân địa phương dân chủ bàn bạc, quyết định;
- Dựa vào nội lực của cộng đồng là chính, với sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính quyền các cấp;
- Phối hợp, kế thừa, phát huy kết quả của các chương trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn, những CSHT đã được xây dựng;
- Xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, cả hệ thống chính trị phải chung tay xây dựng NTM;
- Trong triển khai xây dựng thí điểm mô hình NTM, được phép thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

### **3.3. Nội dung**

Căn cứ Đề án được Ban Bí thư thông qua, Ban Chỉ đạo Trung ương đã ban hành các văn bản hướng dẫn các xã điểm đánh giá tình hình, xây dựng Đề án xây dựng NTM ở xã, tổ chức đề Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân xã thảo luận, góp ý, sau đó nghe báo cáo, góp ý với đề án của 11 xã để các xã hoàn thiện, báo cáo các Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố phê duyệt, làm căn cứ triển khai thực hiện. Ban Chỉ đạo cũng chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương có liên quan, ban hành các văn

bản hướng dẫn trong phạm vi thẩm quyền của mình để thực hiện các nội dung của Đề án, như: Bộ Tài chính có Thông tư số 174/2009/TT-BTC ngày 08/9/2009 hướng dẫn cơ chế đặc thù về huy động và quản lý các nguồn vốn, Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11/5/2010 hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư thực hiện Chương trình ở 11 xã điểm; Bộ KH&ĐT ban hành Thông tư số 18/TT-BKH&ĐT ngày 27/7/2010 hướng dẫn cơ chế đặc thù về cơ chế đầu tư XDCB ở 11 xã điểm; Bộ NN&PTNT phát hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng NTM; Tổng cục Dạy nghề (Bộ LĐTBXH) triển khai dự án đào tạo nghề cho nông dân ở các xã điểm; Ngân hàng Nhà nước ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn... Các văn bản này đã giúp các xã điểm tháo gỡ khó khăn và có căn cứ pháp lý để chủ động triển khai thực hiện chương trình.

Trong quá trình thực hiện chương trình, các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương được phân công đã phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo các tỉnh, thành phố kiểm tra, đôn đốc các xã điểm; Thường trực Ban Chỉ đạo mỗi tháng một lần, Ban Chỉ đạo ba tháng một lần họp, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai Đề án, phát hiện để chỉ đạo tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho xã, nhất là trong những năm đầu triển khai thực hiện Đề án. Định kỳ sáu tháng, một năm, Ban Chỉ đạo tổ chức sơ kết kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm về nội dung và phương pháp tổ chức thực hiện. Đầu năm 2012, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức tổng kết, báo cáo Ban Bí thư về kết quả thực hiện Chương trình.

### **3.4. Kết quả và tồn tại**

Sau 3 năm triển khai chương trình thí điểm, với sự quyết tâm và nỗ lực cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các xã điểm, Ban Chỉ đạo các cấp, các Bộ, ngành liên quan, các nội dung trong Chương trình xây dựng thí điểm mô hình NTM đã được triển khai thực hiện toàn diện, tích cực và đạt được yêu cầu, mục tiêu đề ra về công tác quy hoạch NTM; xây dựng CSHT; phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, hình thành các mô hình kinh tế tập thể; phát triển các hoạt động văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh... Chương trình có sự vào cuộc mạnh mẽ từ các cơ quan Trung ương cho đến địa phương, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và người dân nông thôn.

Kết quả này cho thấy, các mục tiêu và nội dung xây dựng NTM có thể đạt được nếu có sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương và sự hưởng ứng của người dân, và quan trọng nhất là, đã hình thành mô hình NTM hiện thực với 19 tiêu chí NTM được hoàn thành tại các mô hình thí điểm. Điều này đã giúp hình dung được NTM như thế nào, chính sách, cách làm như thế nào, làm cơ sở cho việc xây dựng một chương trình xây dựng NTM trong thời kỳ CNH của đất nước.

Tuy nhiên, chương trình cũng tồn tại một số hạn chế như:

- Do là chương trình thí điểm nên chính sách hỗ trợ nguồn lực đầu tư cho các xã điểm khá lớn (*mặc dù vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu*), vấn đề đặt ra là, khi triển khai Chương trình trên diện rộng, sẽ không đảm bảo đủ ngân sách để đầu tư.

- Năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu, công việc mang tính kiêm nhiệm, nên chất lượng các chỉ tiêu đạt được chưa cao.

Nhìn chung, với ba năm triển khai thí điểm (*thực tế thực hiện chỉ trong 1,5-2 năm*) một chương trình lớn, toàn diện, khó khăn phức tạp, những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu, chưa vững chắc, cần phải tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực quản lý của xã phù hợp với yêu cầu xây dựng NTM. Đồng thời, Chương trình thí điểm đã kiểm nghiệm thực tiễn đối với các tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, cho thấy một số tiêu chí cần nghiên cứu để có sự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế của các vùng khác nhau; giúp Chính phủ, các Bộ, ngành có cơ sở ban hành cơ chế, chính sách phù hợp, nhất là chính sách về động viên và tạo nguồn lực và rút ra những kinh nghiệm thực tiễn về phương pháp, cách làm chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên phạm vi cả nước.

### **3.5. Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn**

- Xây dựng NTM là giải pháp đúng đắn để tiến hành CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn, vì vậy phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của Ban Bí thư, Chính phủ và trách nhiệm đồng hành thực thi của các Bộ, ngành, các tỉnh, thành, tạo ra một sự chuyển động mạnh mẽ, đột phá quyết liệt mới làm được.

- Để tiến hành xây dựng NTM đạt kết quả tốt, trước tiên phải xây dựng được mô hình phù hợp, chính sách, cơ chế hỗ trợ phù hợp, tổ chức bộ máy chỉ đạo mạnh mẽ, hiệu quả. Tiếp theo là làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tạo được sự thống nhất cao về nhận thức trong Đảng, trong nhân dân các xã về quan điểm, nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế, chính sách của nhà nước về xây dựng NTM, để cả hệ thống chính trị ở cơ sở và mỗi người dân hiểu rõ, từ đó đồng tâm, chung sức, tự giác, chủ động tham gia. Khác với trước đây, Chương trình xây dựng NTM lần này không phải chủ yếu là dựa vào đầu tư của Nhà nước, không phải chỉ là một dự án đầu tư xây dựng các công trình CSHT ở nông thôn. Nếu hiểu Chương trình xây dựng NTM là dự án đầu tư của Nhà nước vào xây dựng CSHT ở nông thôn, rồi trông chờ, ỷ lại thì sẽ thất bại, mà cần nhận thức rằng, đây là Chương trình phát triển KTXH toàn diện ở nông thôn, tiến hành cùng với quá trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn, do nhân dân trong xã làm chủ, phát huy cao nhất nội lực, các nguồn lực xã hội với sự hỗ trợ của Nhà nước thì mới thành công, bền vững. Thực tế cho thấy, xã nào ngay từ đầu đã tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt để mọi người hiểu đúng, thống nhất nhận thức, tạo được sự đồng thuận, thì công việc triển khai thuận lợi, có nhiều sáng kiến, đạt kết quả tốt; xã nào quán triệt không đầy đủ, khi thực hiện sẽ có vướng mắc, phải giải thích, quán triệt lại.

- Cần phải coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và tập huấn về kiến thức xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ ở cơ sở xã, thôn, bản, những người trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Giai đoạn đầu, đội ngũ cán bộ các xã đều lúng túng trong triển khai thực hiện Chương trình. Sau đó từ thực tiễn, khi Ban chỉ đạo, các Bộ, ngành Trung ương có các văn bản hướng dẫn cụ thể cho từng lĩnh vực, về phương pháp xây dựng đề án, phương pháp xây dựng và quản lý quy hoạch, huy động các nguồn lực, quản lý tài chính, quản lý xây dựng cơ bản, thủ tục thanh, quyết toán..., tổ chức tập huấn, hướng dẫn tháo gỡ những vướng mắc cụ thể trong quá trình triển khai thì công việc từng bước đi dần vào nề nếp. Đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cơ sở càng năng động, sáng tạo, trưởng thành thì kết quả đạt được càng tích cực và hiệu quả hơn.

- Trên cơ sở mục tiêu, nội dung chung của Chương trình, các cơ chế, chính sách chung của Nhà nước, mỗi địa phương phải căn cứ vào đặc điểm, lợi thế và yêu cầu bức thiết của người dân, cần phát huy dân chủ rộng rãi, người dân phải được tham gia thảo luận và ra quyết định, có cách làm chủ động, sáng tạo, lựa chọn những nội dung bức thiết cần làm trước, cần tập trung đầu tư, những nội dung có thể làm sau, cách thức huy động nguồn lực tổng hợp, tạo ra sự liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, phân công thực hiện cho các tổ chức trong hệ thống chính trị... phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của từng xã, không rập khuôn, máy móc.

- Cần phải đa dạng hóa việc huy động các nguồn lực cho xây dựng NTM. Khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình, sự hỗ trợ một phần vốn từ ngân sách Trung ương là cần thiết để tạo đà, tạo niềm tin cho nhân dân, tạo cơ sở để có thêm ngày càng nhiều các nguồn vốn khác từ ngân sách địa phương, đóng góp của nhân dân dưới nhiều hình thức, vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu trên địa bàn; cần hết sức chú ý huy động vốn của các doanh nghiệp thông qua các hình thức thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết và nhất là tăng vốn tín dụng cho các hộ, các tổ hợp tác, hợp tác xã vay để phát triển sản xuất... Về cơ bản và lâu dài, để NTM được xây dựng, phát triển bền vững thì phải tập trung phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao nội lực của nhân dân, kết hợp với vốn đầu tư, liên doanh, liên kết của các doanh nghiệp và vốn tín dụng ngân hàng phải trở thành những nguồn lực chủ yếu nhất.

- Cần có sự chỉ đạo tập trung, sâu sát, cụ thể; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và thu hút được sự tham gia chủ động, tích cực của cả hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn. Cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở phải xem đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng và thường xuyên của mình. Các Bộ, sở, ngành có liên quan phải xây dựng các cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn, giúp đỡ cơ sở tháo gỡ kịp thời khó khăn. Ban chỉ đạo các cấp phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, phát hiện sai lệch để uốn nắn, cách làm hay để nhân rộng...

## **4. Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015**

### **4.1. Bối cảnh**

Ở phần 3.1, chúng ta đã biết chủ trương xây dựng NTM của Ban Chấp hành Trung ương tại Nghị quyết 26-NQ/TW, trên cơ sở đó Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM và Ban Bí thư chỉ đạo triển khai thí điểm mô hình NTM tại 11 xã điểm. Mặc dù chương trình thí điểm do Ban Bí thư chỉ đạo đến năm 2011 mới kết thúc, song các nội dung và vấn đề liên quan đến xây dựng NTM trên phạm vi toàn quốc đã được xác định rõ, đủ cơ sở và điều kiện để Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020.

Sau 10 năm thí điểm các chương trình xây dựng NTM, giai đoạn 2010-2020 là 10 năm cần thiết phải bắt đầu tập trung cho các nội dung phát triển nông thôn trên diện rộng, quan tâm đến tất cả các khu vực nông thôn trên toàn quốc. Do đó, Quyết định 800 đã sớm được ban hành từ năm 2010, đây là năm để tất cả các địa phương trên cả nước cũng như Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương chuẩn bị cho các nội dung về hình thành bộ máy chỉ đạo, quản lý, xây dựng các văn bản, thông tư hướng dẫn thực hiện.

Cũng trong thời điểm này, Chính phủ cũng ban hành nhiều chương trình, chính sách khác gián tiếp phục vụ mục tiêu xây dựng NTM, đáng chú ý gồm: (1) Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; (2) Nghị định 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 về khuyến nông; (3) Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; (4) Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

### **4.2. Mục tiêu, phạm vi**

Mục tiêu chung của Chương trình MTQG xây dựng NTM: Xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng KTXH từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng XHCN.

Mục tiêu cụ thể: Đến năm 2015: 20% số xã đạt tiêu chuẩn NTM; đến năm 2020: 50% số xã đạt tiêu chuẩn NTM.

Phạm vi của chương trình được triển khai tại khu vực nông thôn trên toàn quốc trong giai đoạn 2010-2020.

### 4.3. Nội dung

Chương trình MTQG xây dựng NTM lựa chọn cấp xã làm đơn vị triển khai. Đây là một chương trình tổng thể về phát triển KTXH, chính trị và an ninh quốc phòng, gồm 11 nội dung cơ bản dựa theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM.

- a) Quy hoạch xây dựng NTM
- b) Phát triển hạ tầng KTXH
- c) Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập
- d) Giảm nghèo và an sinh xã hội
- đ) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất
- e) Phát triển giáo dục - đào tạo
- g) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn
- h) Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn
- i) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
- k) Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn
- l) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

Năm 2016, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm giai đoạn 2010-2015 và trước những yêu cầu mới, bối cảnh mới, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 (thay thế cho Quyết định 800 và Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020).

Từ năm 2016, nhằm phát huy vai trò và sự tham gia của cấp huyện, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 ban hành bộ tiêu chí huyện NTM với 9 tiêu chí NTM cấp huyện. Huyện đạt chuẩn NTM là huyện hoàn thành 9 tiêu chí huyện NTM và có 100% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn NTM.

Có thể nói, Chương trình MTQG xây dựng NTM là một chương trình phát triển nông thôn toàn diện, quan tâm đến hầu hết các lĩnh vực khác nhau ở khu vực nông thôn (*quy hoạch, hạ tầng, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, chính trị, an ninh trật tự*), được thực hiện trên địa bàn tất cả các xã, huyện trong cả nước và là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Để tổ chức thực hiện Chương trình, một hệ thống bộ máy chỉ đạo, điều hành đã được thành lập từ Trung ương đến địa phương (*tỉnh, huyện, xã*). Phó Thủ tướng Chính phủ là Trưởng BCD Chương trình, Bộ NN&PTNT là cơ quan thường trực. Ở cấp Trung ương có VPĐP NTM trực thuộc Bộ NN&PTNT là đơn vị điều phối các hoạt động xây

dựng NTM trên cả nước. Ở các địa phương hình thành BCD và VPĐP NTM cấp tỉnh, huyện; ở cấp xã có BCD và BQL; ở cấp thôn có BPT thôn.

Chương trình xây dựng NTM được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn: (i) Vốn ngân sách (*Trung ương và địa phương*), gồm vốn từ các chương trình MTQG, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu và vốn bố trí trực tiếp cho Chương trình; (ii) Vốn trái phiếu chính phủ để đầu tư các dự án, chương trình theo Nghị quyết của Quốc hội; (iii) Vốn tín dụng, gồm vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn tín dụng thương mại; (iv) Vốn đầu tư của doanh nghiệp; (v) Các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân, huy động từ cộng đồng; (vi) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm trong xây dựng NTM ở các địa phương đóng vai trò quan trọng trong công tác tổ chức thực hiện. Do đó, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định 1003/QĐ-BNNPTNT ngày 18/5/2011 phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020. Bước sang giai đoạn 2016-2020, do có nhiều điều chỉnh về mục tiêu, nội dung xây dựng NTM phù hợp với những yêu cầu mới, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định 4072/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/10/2016 phê duyệt một khung chương trình tập huấn, bồi dưỡng mới, phân loại theo chủ đề, phù hợp với nhóm đối tượng cần tập huấn, nhấn mạnh đến các nội dung cần quan tâm như môi trường, phát triển cộng đồng, nhận thức về các vấn đề biến đổi khí hậu, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, hội nhập quốc tế...

Bên cạnh việc hoàn thiện bộ máy và công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, không thể không nhắc đến vai trò của các tổ chức đoàn thể CTXH trong xây dựng NTM. Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” do Thủ tướng Chính phủ phát động tại Quyết định 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã tiếp tục tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” hướng tới việc thực hiện các nội dung xây dựng NTM; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, Hội Nông dân Việt Nam tiếp tục thực hiện phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng”... Tất cả các phong trào, cuộc vận động của các tổ chức CTXH các cấp đã góp phần quan trọng trong công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM.

#### **4.4. Kết quả và tồn tại**

Kết quả xây dựng NTM sau 5 năm đầu triển khai đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, diện mạo nông thôn nông thôn chuyển biến tích cực, nhiều hình thức tổ chức sản xuất được hình thành mang lại hiệu quả cao, các giá trị văn hóa truyền thống được phát huy, cải thiện và tạo tiền đề thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, sau những khó khăn ban đầu, cho đến nay, nhận thức về xây dựng NTM của đại bộ phận cán bộ các cấp cũng như người dân đã thay đổi đáng kể. Xây



dựng NTM đã tạo động lực thúc đẩy cộng đồng dân cư nông thôn phấn đấu thi đua để cải thiện và phát triển đời sống KTXH ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình triển khai các hoạt động xây dựng NTM cũng bộc lộ nhiều hạn chế, nhiều vấn đề nảy sinh, như: Vấn đề nợ đọng XDCB, chạy đua thành tích, tiêu chí chưa phù hợp, thiếu cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án, tâm lý trông chờ sự hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, áp lực đóng góp...

#### **4.5. Một số kinh nghiệm trong triển khai chương trình**

- Không nên nặng nề về vấn đề tiêu chí và đạt chuẩn trong xây dựng NTM. Như đã khẳng định từ kết quả các chương trình thí điểm, Bộ tiêu chí NTM được ban hành là thực sự cần thiết, để mỗi địa phương có căn cứ xây dựng mục tiêu, kế hoạch một cách tổng thể, hài hòa đối với các lĩnh vực khác nhau cần quan tâm. Tuy nhiên, quá trình xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015 có tình trạng một số địa phương cố gắng vì mục tiêu đạt chuẩn nên đã tìm mọi cách để đầu tư cho các tiêu chí chưa đạt. Điều này vừa gây ra nợ đọng XDCB, vừa tạo áp lực đóng góp lên người dân. Bộ tiêu chí là công cụ để các địa phương hướng tới thực hiện trong khả năng có thể, do đó, trong giai đoạn tới, công tác tuyên truyền trong xây dựng NTM cần quan tâm hơn nữa đến thay đổi nhận thức của cán bộ và người dân về vấn đề này, giúp các hoạt động triển khai thực hiện được đúng theo nguyên tắc phát huy nội lực cộng đồng, do cộng đồng làm chủ.

- Đơn vị áp dụng triển khai chương trình nằm ở cấp xã, điều này khẳng định sự đúng đắn trên cơ sở kinh nghiệm từ các chương trình trước đây cũng như đặc thù tổ chức hành chính và đặc điểm chính trị, KTXH của Việt Nam. Tuy nhiên, vai trò của cấp huyện cần được phát huy hơn nữa. Giai đoạn 2011-2015, cấp huyện chủ yếu tham gia như một đơn vị trung gian, thực hiện các hoạt động thẩm định, đánh giá, phê duyệt, chưa thực sự trở thành một tác nhân thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động xây dựng NTM ở các xã trên địa bàn. Chính vì thế, ngày 05/4/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định 558/QĐ-TTg về việc ban hành tiêu chí huyện NTM và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Quyết định này đòi hỏi sự tham gia nhiều hơn của cấp huyện trong xây dựng NTM. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và những ảnh hưởng tiêu cực từ biến đổi khí hậu, việc thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM là một yêu cầu cấp thiết đã được Đảng, Chính phủ đặt ra. Vấn đề quy hoạch vùng sản xuất, vấn đề thu hút đầu tư của doanh nghiệp... khó có thể thực hiện ở xã, mà cần có vai trò của huyện. Không chỉ có vậy, một số tiêu chí NTM ở cấp xã vừa khó đạt, vừa lãng phí (*như tiêu chí môi trường, y tế, trường học...*), nếu như huyện có thể giải quyết được thì xem như xã cũng hoàn thành tiêu chí này, điều này cũng làm giảm gánh nặng về tiêu chí như đề cập ở trên.

- Vai trò tham gia của cấp thôn, bản cần được phát huy. Kinh nghiệm ở trên nhấn mạnh yêu cầu về việc tăng cường sự tham gia của cấp huyện trong xây dựng NTM. Song song với việc này, cần phải quan tâm hơn nữa đến vai trò của cấp thôn, bản, nơi có sự gắn kết chặt chẽ của cộng đồng dân cư. Thực tế chương trình thí điểm NTM cấp

thôn và kinh nghiệm từ phong trào làng mới ở Hàn Quốc (*trong phần bài học kinh nghiệm quốc tế*) đã khẳng định cấp thôn, bản mới là đơn vị có tính cộng đồng cao nhất. Trong cùng một thôn, mọi người có thể cùng nhau bàn bạc và đi đến sự đồng thuận, thể hiện được tính dân chủ và phát huy vai trò làm chủ của cộng đồng.

- Công tác giám sát - đánh giá kết quả xây dựng NTM cần quan tâm đến kết quả và chất lượng thực hiện hơn là chỉ quan tâm khen thưởng các xã đạt đủ 19 tiêu chí NTM. Các xã đạt chuẩn NTM thường là các xã đã có điều kiện thuận lợi, trong quá trình thực hiện, chỉ cần phấn đấu thêm một số nội dung là có thể đạt chỉ tiêu. Trong khi đó, nhiều xã có nỗ lực trong huy động cộng đồng, đạt các thành tích tốt trong xây dựng CSHT, phát triển kinh tế, phát triển các phong trào VHXXH..., tuy chưa đạt chuẩn NTM nhưng cần có hình thức khen thưởng phù hợp.

- Vai trò của người đứng đầu các cấp đóng vai trò đặc biệt quan trọng, cán bộ thế nào thì phong trào thế ấy. Kết luận 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết 26 cũng đã chỉ rõ trách nhiệm của Bí thư cấp ủy.

- Ba chương trình thí điểm xây dựng NTM triển khai tiếp nối nhau, chương trình sau rút kinh nghiệm từ chương trình trước, qua đó đã giúp tổng kết được những bài học kinh nghiệm đầy đủ, làm cơ sở để xây dựng chương trình NTM trên phạm vi toàn quốc. Một số bài học chính từ các chương trình thí điểm đã được tổng kết và qua thực hiện trên phạm vi toàn quốc, đã tiếp tục khẳng định là đúng: Cần phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng; nhà nước chỉ đứng vai trò hỗ trợ; công tác triển khai cần công khai, minh bạch; năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

#### **4.6. Đánh giá chung**

Tính đến hết năm 2015, theo báo cáo của Bộ NN&PTNT, cả nước đã có 1.761 xã đạt chuẩn NTM (chiếm 19,7% tổng số xã cả nước). Giai đoạn 2016-2020, số xã, huyện “về đích” sẽ tiếp tục tăng mạnh, hướng tới mục tiêu đến năm 2020 cả nước có 50% số xã đạt chuẩn NTM và mỗi tỉnh có ít nhất một huyện đạt chuẩn NTM. Cho đến nay, hoạt động xây dựng NTM đã thực sự đi vào cuộc sống với sự tham gia mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Nhận thức của các cấp chính quyền địa phương và người dân về NTM từng bước được nâng cao, nhờ đó đã khắc phục dần những tồn tại về tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản, huy động quá sức dân, chạy đua thành tích...

Có thể nói, Chương trình MTQG xây dựng NTM đã trở thành phong trào hành động của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng của nhân dân. Có một số nguyên nhân chính như sau:

*Thứ nhất*, Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X đã đưa ra Nghị quyết 26 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn rất đúng lúc. Theo kinh nghiệm quốc tế, chỉ khi nào GDP bình quân đầu người của một quốc gia đạt trên 1.000 USD/người thì quốc gia đó mới đủ năng lực tập trung cho nông thôn. Tại thời điểm cuối năm 2008 là năm ban hành Nghị quyết 26, GDP của nước ta là 1.024 USD/người (*theo số liệu*

*của Tổng cục Thống kê*). Những năm trước đó, chúng ta chưa đủ lực để đầu tư cho nông thôn, khả năng để xã hội hóa cho chương trình là khó, chưa đủ khả năng để tạo hạt nhân trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sản xuất hàng hóa chất lượng cao trong nông nghiệp.

*Thứ hai*, sau nhiều năm tiến hành CNH-HĐH đất nước, nông nghiệp, nông thôn chưa được quan tâm đúng mức; quá trình đô thị hóa và CNH-HĐH đã làm cho chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và đô thị có xu hướng ngày càng tăng. Việt Nam là một đất nước nông nghiệp với gần 70% dân số sống ở khu vực nông thôn, việc quan tâm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là cấp bách và tất yếu, hợp lòng dân.

*Thứ ba*, trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình, nhiều phong trào, chương trình, chính sách cụ thể đã được ban hành và điều chỉnh kịp thời, đã thu hút được sự quan tâm trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng các cấp, đã từng bước thực hiện chủ trương xã hội hóa được mọi nguồn lực gắn với phát huy quyền làm chủ của người dân và tranh thủ được sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế.

Tóm lại, tuy còn một số tồn tại, song Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015 đã thực sự có tác động thay đổi bộ mặt nông thôn, khắc phục những hạn chế của giai đoạn trước đó. Quá trình triển khai đã động viên tính chủ động, sáng tạo và tự tin của nông dân; động viên và tập hợp được sức mạnh của hệ thống chính trị để xây dựng NTM.

## **TỔNG HỢP, THẢO LUẬN CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC ÁP DỤNG CHO CÔNG TÁC TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Trên cơ sở các bài học kinh nghiệm từ các chương trình thí điểm và chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, chúng ta có thể tổng hợp những vấn đề cần quan tâm trong xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 là:

### **(1) Phát huy vai trò của cộng đồng**

- Phát huy vai trò của cấp thôn
- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội
- Tiếp cận dựa trên khả năng thực hiện, không dựa trên nhu cầu

### **(2) Nâng cao năng lực cán bộ xây dựng NTM**

- Kiến thức, nhận thức
- Kỹ năng “cứng”, kỹ năng “mềm”

### **(3) Công tác tổ chức thực hiện**

- Xóa bỏ căn bệnh thành tích, tránh nợ đọng xây dựng cơ bản
- Phân bổ nguồn lực hợp lý, quan tâm đến các xã có điều kiện khó khăn
- Phát huy vai trò của VPĐP NTM cấp huyện và các Ban phát triển ở cấp thôn
- Gắn xây dựng NTM với thực hiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp
- Quan tâm đến các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu
- Tăng cường công tác giám sát - đánh giá có sự tham gia
- Tăng cường phối hợp theo chiều ngang, chiều dọc
- Trao quyền, dân chủ, công khai, minh bạch
- Tiếp tục thúc đẩy xây dựng NTM ở các xã sau đạt chuẩn

**Thảo luận: Với mỗi nội dung trên, công việc cụ thể cần thực hiện là gì? Ai là người thực hiện? Công tác tổ chức thực hiện như thế nào? Cần có những cơ chế, chính sách gì?**

## PHẦN 2 – MỘT SỐ KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC CHÂU Á

### 1. Phong trào làng mới ở Hàn Quốc

#### 1.1. Bối cảnh

Cuối thập kỷ 60, sự tăng trưởng bất cân đối trong nền kinh tế Hàn Quốc lên tới đỉnh điểm. Xã hội Hàn Quốc bị phân chia thành hai khối có đời sống tinh thần khác hẳn nhau. Trong khi một phần nhỏ dân cư đô thị hăng say học tập, cố gắng cạnh tranh làm giàu, mong muốn và quyết tâm đổi đời, thì đại bộ phận nông dân ở nông thôn vẫn sống trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu. Người dân nông thôn Hàn Quốc không được hưởng các khoản đầu tư, hỗ trợ đáng kể nào của nhà nước và không hề nhận được sự viện trợ nào từ các chương trình, dự án của nước ngoài.

Mùa hè năm 1969, Tổng thống Hàn Quốc Park Chung Hee trong một lần đi thăm tình hình khắc phục lũ lụt ở tỉnh Pusan đã đặc biệt chú ý đến một ngôi làng nhỏ. Mặc dù bị thiệt hại nặng nề sau trận lũ lụt, nhưng người dân ở ngôi làng này đã đoàn kết để tự khắc phục hoàn cảnh, dù không được hỗ trợ gì, song người dân đã tự vận động cùng nhau sửa sang lại nhà cửa, đường sá. Nhìn hình ảnh ngôi làng, Tổng thống Park đã nhận ra một điều, nếu cổ vũ tinh thần cần cù, tự lực, hợp tác của nông dân thì nông thôn có thể tự phát triển được. Trên quan điểm đó, Tổng thống Park đã phát động PHONG TRÀO LÀNG MỚI (tiếng Hàn Quốc gọi là Saemaul Undong) trên phạm vi toàn quốc.

#### 1.2. Phương thức triển khai chương trình

##### *1.2.1. Tổ chức bộ máy chương trình từ cơ sở lên Trung ương, phối hợp chặt giữa các Bộ*

Bước đầu tiên trong chương trình làng mới ở Hàn Quốc là hình thành Bộ máy tổ chức, chỉ đạo, quản lý thực hiện chương trình. Cấp quan trọng nhất là cấp cơ sở, mỗi làng bầu ra "Ủy ban Phát triển Làng mới" gồm 5-10 người để vạch kế hoạch và tiến hành dự án phát triển nông thôn. Ngoài ra, ủy ban còn được thiết lập ở mọi cấp của chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) để cố vấn và hướng dẫn ủy viên các làng lập và lựa chọn dự án, quyết định những vấn đề ưu tiên và huy động lao động, vật tư và tiền của. Văn phòng hành chính địa phương yêu cầu nhân dân bầu ra một lãnh đạo nam và một nữ cho các dự án Saemaul Undong, hoàn toàn độc lập với xã trưởng là người đại diện về mặt hành chính.

Ở Trung ương, Chương trình do Tổng thống trực tiếp lãnh đạo. Bộ trưởng Bộ Nội vụ đứng đầu Ủy ban Phối hợp Trung ương với 12 điều phối viên là Thứ trưởng các Bộ Kế hoạch Kinh tế, Ngoại giao, Giáo dục, Nông nghiệp và Thủy sản, Thương mại và Công nghiệp, Xây dựng, Y tế và Các Vấn đề Xã hội, Thông tin và Văn hóa... Ủy ban Trung ương đề xuất những chính sách về tiêu chuẩn nhận đầu tư vốn vay của Chính phủ, hướng dẫn các chương trình tiến hành và tuyên truyền cho phong trào Saemaul Undong. Kiểm điểm chương trình phát triển nông thôn là nội dung định kỳ

các cuộc họp nội các Chính phủ. Nhờ phối hợp tốt, kiểm tra chặt chẽ từ trên xuống và trực tiếp nghe ý kiến phản ánh của nhân dân, nên tình trạng quan liêu, tham nhũng và lãng phí được ngăn chặn, vốn đầu tư của nhà nước được sử dụng có hiệu quả.

### ***1.2.2. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo ở nông thôn làm nòng cốt cho chương trình***

Yếu tố quan trọng nhất để thực hiện chương trình là tổ chức được đội ngũ lãnh đạo làng mới. Ở mỗi làng, nhân dân tự bầu ra người làm lãnh đạo cho phong trào của mình. Tạo điều kiện đảm bảo bình đẳng nam nữ một cách thực sự, mỗi làng chọn ra một lãnh đạo nam và một lãnh đạo nữ, cả hai làm việc phối hợp và có quyền lực như nhau. Để những người lãnh đạo Phong trào ở cấp làng xã thực sự của dân, vì dân, Tổng thống Hàn Quốc chủ trương để những người lãnh đạo này độc lập với hệ thống hành chính và chính trị ở nông thôn và không dành cho họ bất kỳ một khoản trợ cấp vật chất nào. Động lực chính của tinh thần hy sinh cao độ này là sự động viên tinh thần từ phía Chính phủ cũng như sự kính trọng của nông dân. Bởi không bị phụ thuộc vào một sức ép chính trị hay ảnh hưởng kinh tế nào, những người lãnh đạo dân cử chỉ chịu sự phán xét của dân và được dân tin tưởng.

Để đào tạo chính quy đội ngũ quan trọng này, Chính phủ đầu tư ba trung tâm đào tạo quốc gia được trang bị rất hiện đại và sử dụng rộng rãi mạng lưới trường nghiệp vụ của các ngành ở địa phương phục vụ công tác tập huấn ngắn hạn cho nông dân. Chi phí đào tạo do nhà nước đài thọ, các lớp học được tổ chức ngắn trong 1-2 tuần nhằm trang bị những kiến thức thiết thực cho cán bộ tùy theo từng giai đoạn của chương trình (xây dựng CSHT, phát triển ngành nghề, tăng thu nhập cho nông dân...). Các lãnh đạo dự án làng được đào tạo theo hình thức: (1) giới thiệu các trường hợp nông dân thành công tiêu biểu; (2) thảo luận nhóm; (3) thăm các làng thành công; (4) học cách tổ chức cuộc sống mới ở nông thôn.

### ***1.2.3. Đào tạo cán bộ các cấp, gắn cả nước với phong trào***

Nhằm giảm khoảng cách giữa dân thường và quan chức Chính phủ, thực sự gắn bó cán bộ nhà nước với nhân dân, các quan chức của các phòng, ban Trung ương được đưa về cùng sống và theo học với nông dân trong chương trình 1 tuần giành cho lãnh đạo nông thôn ở các trường đào tạo phát triển nông thôn.

Người lãnh đạo các cấp chính quyền cùng sống chung với lãnh đạo nông dân tại ký túc xá nhà trường, cùng nhau tham gia thảo luận, bàn bạc tìm cách xây dựng và lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển nông thôn, nhờ đó, các quan chức cấp cao hiểu được những vai trò lớn lao của Saemaul Undong, thông cảm với những khó khăn của người nông dân và tin tưởng tinh thần của nông dân có thể vượt qua những thách thức của dân tộc. Về phía mình, lãnh đạo nông dân quen thuộc, gắn bó với người lãnh đạo, nâng cao vị thế, sự tự tin và hiểu biết của mình.

Chính quyền đặc biệt coi trọng vai trò của các nhà lãnh đạo tôn giáo, các văn nghệ sỹ và báo chí trong việc giáo dục, tuyên truyền cho toàn xã hội đang đô thị hóa nhanh, hướng trở về nông thôn, kéo dịch thành thị và nông thôn lại gần nhau về tư

tưởng và hành động. Ngoài các cấp lãnh đạo chính quyền, từ năm 1974 đến 1978, 2.300 giáo sư, 800 nhà tu hành và lãnh đạo tôn giáo, khoảng 600 nhà báo, nhà văn đã tham gia khoá đào tạo với các lãnh đạo làng và trở thành những cố động viên rất tích cực cho phong trào. Cả nước nhiệt tình ủng hộ nông thôn vươn lên.

#### ***1.2.4. Phát huy dân chủ, đưa nhân dân tham gia vào quá trình ra quyết định***

Tức hết, nông dân tự bầu ra người lãnh đạo mà họ tín nhiệm, cả nam và nữ. Sau đó, mọi hoạt động của Chương trình đều được tiến hành thông qua các cuộc họp để nông dân tự ra quyết định lựa chọn công trình, phương thức đóng góp, giải pháp xây dựng, tự chịu trách nhiệm quản lý, giám sát công trình. Để hình thành tác phong dân chủ và đưa dân vào tham gia quản lý, phong trào tập trung xây dựng các hội trường làng. Các cuộc họp bàn thực hiện dự án được tổ chức ở hội trường, đây trở thành địa điểm thực hiện quyền làm chủ của nông dân. Qua hàng loạt các cuộc họp hội đồng, nông dân đã học các thực hiện dân chủ bằng hành động xây dựng một cộng đồng tốt đẹp hơn.

Hội trường làng rộng ít nhất 300 m<sup>2</sup>, nằm ở một địa điểm thích hợp cho việc tập họp dân làng. Thông thường, những mảnh đất này thường do nông dân giàu có trong làng sở hữu và xây hội trường để tặng làng. Phần đầu tư trang bị cửa, ghế, đồ chiếu sáng... do dân làng chia nhau đóng góp, cũng có một số khoản do người thành phố gửi tặng quê hương.

Trong nhiều năm liền, hàng tháng, Tổng thống định kỳ mời hai lãnh đạo phong trào ở cấp làng và một số lãnh đạo địa phương của họ đến tham dự cuộc họp của Hội đồng Chính phủ để báo cáo về thành công, thất bại, khó khăn và đề xuất của nông dân. Các Bộ trưởng trực tiếp nghe và bàn với dân dưới sự chủ tọa của Tổng thống để chỉ đạo Chương trình.

Tổng thống, Thủ tướng và các Bộ trưởng thường xuyên đến thăm các cộng đồng nông thôn hoặc những điểm thực hiện dự án, đặc biệt là trong những ngày nghỉ, lễ tết. Tất cả các cuộc thăm, làm việc với nông dân đều không báo trước và không có nghi lễ tốn kém. Trong suốt thời gian cầm quyền, Tổng thống Hàn Quốc đã đi thăm hầu hết các làng trong cả nước để động viên và tìm hiểu tình hình phát triển nông thôn, đã mời cơm để trao đổi với rất nhiều nông dân tiên tiến và lãnh đạo phong trào địa phương. Phát huy dân chủ cơ sở đã tạo sức mạnh quần chúng ngăn chặn mọi hiện tượng tiêu cực ở địa phương, tạo động lực cho nhân dân hào hứng, tin tưởng huy động nội lực vào sự nghiệp chung.

#### ***1.2.5. Phát huy tinh thần thi đua, khơi dậy nhiệt tình phong trào***

Một trong những mục tiêu tâm lý của phong trào là phá tan thái độ ỷ lại, tự ti vốn thường có ở nông dân nghèo. Nếu chỉ vì mục tiêu xóa đói giảm nghèo mà ưu tiên đầu tư cho một số địa phương nghèo, thì có thể xảy ra hiện tượng tranh nhau nhận là xã nghèo và tiếp tục duy trì tiêu chí này để được hỗ trợ. Muốn thay đổi tình trạng này,

phải áp dụng nguyên tắc: Kích thích tinh thần thi đua giữa các làng, xã. Vì vậy, tuy xóa đói giảm nghèo là mục tiêu hàng đầu, nhưng phong trào làng mới không lấy xã nghèo làm tiêu chuẩn lựa chọn đầu tư. Mọi xã đều được cung cấp một sự hỗ trợ như nhau và chỉ ưu tiên nâng đỡ địa phương thành công. Hàng năm, đánh giá hiệu quả tham gia chương trình của mỗi làng rất nghiêm túc theo những tiêu chuẩn rõ ràng và công khai, chỉ nơi nào thực sự thực hiện thành công chương trình thì mới được tiếp tục hỗ trợ. Các đầu tư khác của Chính phủ, ví dụ như xây dựng hệ thống cấp điện nông thôn cũng được làm theo thứ tự ưu tiên các làng xã thực hiện tốt Chương trình phát triển nông thôn. Chủ trương này được Tổng thống chính thức công bố cho nhân dân, tạo nên một khí thế thi đua sôi nổi giữa các địa phương để dành được ưu tiên đầu tư.

Thường, phạt công minh đã kích thích lòng tự hào, tự tin trong từng cộng đồng làng xã, tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ hướng về xây dựng làng mới, thi đua làm giàu, làm đẹp quê hương. Thái độ ỷ lại, tự ti bị loại bỏ ngay từ cách tiến hành chương trình. Địa phương nào cũng muốn vươn lên thành điển hình tốt, tự hào về sự đổi thay và giàu có của làng mình.

Một nguyên tắc khác để phát huy tinh thần chủ động của nhân dân là Nhà nước hỗ trợ vật tư, nhân dân đóng góp công, của: Nhân dân tự quyết định loại công trình nào cần ưu tiên xây dựng và chịu trách nhiệm quyết định toàn bộ về thiết kế, chỉ đạo thi công, nghiệm thu công trình. Nhà nước bỏ ra 1 (*chủ yếu là vật tư xi măng, sắt thép*) thì nhân dân bỏ ra 5-10 (*công sức và tiền của*). Sự giúp đỡ của nhà nước trong năm đầu chiếm tỷ lệ cao, dần dần các năm sau, tỷ lệ hỗ trợ của Nhà nước giảm, trong khi quy mô địa phương và nhân dân tham gia tăng dần. Ngoài ra, nhà nước tiến hành nghiên cứu và phát hành rộng rãi các tiêu chuẩn kỹ thuật, ban hành thiết kế mẫu các công trình CSHT để nhân dân áp dụng dễ dàng.

Người lãnh đạo có tâm, có tài ở cơ sở là yếu tố quan trọng nhất để phát triển nông thôn. Họ được hưởng sự tôn trọng đặc biệt của nhân dân do tự nguyện cống hiến công sức cho cộng đồng mà không đòi hỏi đền bù vật chất nào. Những nhà lãnh đạo của nông dân có quyền đến gặp lãnh đạo ở mọi cấp chính quyền vào bất kỳ thời gian nào theo yêu cầu của nhân dân. Con của các lãnh đạo cộng đồng học trường cấp II sẽ được cấp học bổng. Các địa phương phải trả chi phí cho những chương trình đào tạo lãnh đạo cộng đồng và phí đi lại của những giáo viên tham gia các chương trình tập huấn. Các phương tiện truyền thông, văn hóa tập trung tuyên truyền ca ngợi các tấm gương thành công của cá nhân và địa phương.

Hàng năm, Nhà nước tổ chức các cuộc họp toàn quốc cho lãnh đạo cộng đồng làng xã tham dự. Những người thực hiện dự án thành công được trao giải thưởng và tuyên dương rộng rãi. Huân chương “Saemaul” được trao cho những lãnh đạo cộng đồng xuất sắc hoặc những anh hùng của phong trào và trở thành phần thưởng cao quý của quốc gia. Từ trong phong trào quần chúng, nhiều nhà lãnh đạo cộng đồng có năng lực được nhà nước đề bạt làm lãnh đạo chính quyền địa phương.



### **1.3. Một số nội dung cần nghiên cứu từ kinh nghiệm của Hàn Quốc**

Từ những cách làm và kết quả nêu trên về phong trào làng mới ở Hàn Quốc, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm cho xây dựng NTM, đó là:

- Chính phủ Hàn Quốc có cam kết chính trị mạnh mẽ và quyết liệt đối với việc thực hiện phong trào làng mới;
- Hình thành một hệ thống tổ chức quản lý, điều hành vững chắc từ cấp cơ sở đến cấp trung ương, tạo ra các cơ chế phối hợp tốt theo chiều ngang và chiều dọc;
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo từ cấp làng độc lập với hệ thống chính quyền. Đội ngũ này do dân bầu, được trao quyền, được đào tạo, không được hưởng trợ cấp nhưng con cái được hỗ trợ học tập...
- Quan tâm đến công tác đào tạo cán bộ triển khai phong trào làng mới các cấp cùng với cán bộ chính quyền, giáo sư, nhà báo... để tạo phong trào cho toàn xã hội;
- Thúc đẩy tinh thần thi đua, cạnh tranh lành mạnh giữa các làng, làm tốt thì được hưởng hỗ trợ nhiều;
- Triển khai theo từng bước, từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, hình thành dần sự tự tin thay thế cho tự ti trong tâm lý cộng đồng.

## **2. Mỗi làng một sản phẩm (OVOP) ở Nhật Bản**

### **2.1. Giới thiệu chung**

**2.1.1.** Phong trào “Mỗi làng một sản phẩm” (viết tắt là OVOP theo tiếng Anh: One Village One Product) được khởi xướng từ thành phố Oita (Nhật Bản) từ năm 1979. Phong trào này đạt được thành công theo cách tiếp cận chuyển đổi các sản phẩm tại chỗ thành các sản phẩm có sức cạnh tranh ở cấp vùng, cấp quốc gia và toàn cầu. Phong trào OVOP đã đem lại thành công cho sự phát triển KTXH của tỉnh Oita và lan rộng toàn nước Nhật. Từ một tỉnh nghèo, Oita không lâu sau đó đã được thế giới biết đến nhờ các nông sản tuyệt hảo như nấm hương, chanh kakosu, rượu shouchu, lúa mạch... Phong trào này sớm trở nên nổi tiếng như một điển hình của việc phát triển ngành nghề nông thôn trên cơ sở tận dụng các nguồn lực địa phương.

Cách thức cơ bản của phong trào OVOP, theo đúng tên gọi của nó là “mỗi làng một sản phẩm”, nghĩa là mỗi làng chọn cho mình một sản phẩm đặc biệt nổi trội, có tính cạnh tranh cao nhất so với các phương khác, để chính quyền hỗ trợ về chính sách, kỹ thuật, vốn và thị trường, nhằm mang lại giá trị gia tăng cao nhất.

### **2.1.2. Phong trào OVOP được xây dựng dựa trên ba nguyên tắc chính**

- Thứ nhất là “*Từ địa phương tiến ra toàn cầu*”: Nguyên tắc này thể hiện mục tiêu cao nhất của sản xuất hàng hóa nông nghiệp Nhật Bản là chiếm lĩnh thị trường nông sản thế giới. Sản phẩm của OVOP được xác định ngay từ đầu là không những phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng tại địa phương, trong nước, mà còn để cạnh tranh với sản phẩm của các nước khác trên thị trường thế giới. Do đó, chất lượng nông sản phải

không ngừng được nâng cao, đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu và tiêu chuẩn trong nước cũng như quốc tế. Cùng với đó, các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm cũng được tăng cường tại hầu khắp các nước trên thế giới.

- Thứ hai là “*Tự tin - Sáng tạo*”: Phong trào OVOP quan tâm đến tất cả các khâu của chu trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích những cách làm sáng tạo, bao gồm việc nghiên cứu mẫu mã, chất liệu, quy cách đóng gói bao bì; cách tiếp thị, quảng bá, đưa sản phẩm ra thị trường sao cho ấn tượng, thu hút khách hàng... Chất lượng nông sản được đảm bảo cùng với nhiều cách thức bán hàng, tiếp cận người tiêu dùng độc đáo đã giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản Nhật Bản.

- Thứ ba là “*Tập trung phát triển nguồn nhân lực*”: Tại Nhật Bản, nông dân không những được đào tạo bài bản, có kiến thức về sản xuất nông nghiệp, hiểu biết sâu về sản phẩm, ứng dụng thành thạo KHKT, công nghệ tiên tiến vào sản xuất hàng hóa, họ còn được cung cấp những kiến thức về kinh doanh, về nghệ thuật marketing để có thể tự xây dựng các chiến lược kinh doanh, cạnh tranh sản phẩm của mình. Họ còn nhận được sự hỗ trợ từ Chính phủ, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp bằng những chính sách hiệu quả.

Nhờ đó, họ tạo được những sản phẩm có thương hiệu như: Chanh Kobosu; thịt bò Bungo; nấm Oita; đồ gỗ mỹ nghệ ở thị trấn Yufuin; cam, cá khô ở làng Yonouzu; chè và măng tre ở làng Natkatsu... Trong 20 năm (1979-1999), phong trào OVOP đã tạo ra được 329 sản phẩm với tổng doanh thu là 141 tỷ yên/năm (1,1 tỷ USD).

### ***2.1.3. Cùng với ba nguyên tắc kể trên, OVOP còn được thực hiện theo ba tiêu chuẩn đặc trưng gồm***

- Đưa công nghệ mới vào các khâu sản xuất, đồng thời làm rõ nét văn hoá truyền thống của địa phương trong sản phẩm, qua đó, tạo ra sự khác biệt so với sản phẩm cùng loại của địa phương khác;

- Thành lập hiệp hội ngành nghề; xây dựng, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tiếp thị, bán hàng;

- Quan tâm giải quyết vấn đề môi trường.

Ba tiêu chuẩn này làm cho mô hình OVOP khác hẳn mô hình các làng nghề, nhất là các làng nghề truyền thống của nước ta. Các tiêu chuẩn thứ hai và thứ ba là những tiêu chuẩn khó đạt của đa số các làng nghề Việt Nam. Việc phải đảm bảo môi trường trong sản xuất của mô hình OVOP đòi hỏi sự tham gia tích cực của các nhà quản lý và nhà khoa học về môi trường.

Từ hiệu quả của phong trào OVOP, ngay từ năm 2005, Bộ NN&PTNT đã xây dựng đề án thí điểm: “Chương trình phát triển mỗi làng một nghề giai đoạn 2006-2015”. Theo đó, mỗi làng sẽ tự chọn và quyết định hình thành, phát triển một nghề có nhiều hộ và doanh nghiệp tham gia. Mỗi xã quyết định phát triển ít nhất một làng nghề có sản phẩm đặc trưng của địa phương. Từ đó, đưa mức tăng trưởng ngành nghề nông thôn đạt 15%/năm; mức tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm ngành nghề đạt 20-22%/năm,

thu hút 300 nghìn lao động mỗi năm làm việc tại các làng nghề... để khuyến khích nỗ lực của người dân trong việc tận dụng nguồn lực địa phương, phát huy sức mạnh cộng đồng, bảo tồn các làng nghề truyền thống và nhất là phù hợp với chủ trương xây dựng NTM hiện nay.

### **Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh trong mô hình OCOP**

Hiện nay, mô hình OVOP đang được áp dụng rất hiệu quả tại tỉnh Quảng Ninh. Mô hình tại Quảng Ninh được gọi là OCOP, nghĩa là “Một xã, phường một sản phẩm” (One Commune One Product). Quan điểm triển khai của tỉnh là nhà nước đóng vai trò tạo ra “sân chơi” bằng cách ban hành các cơ chế, chính sách hợp lý để hỗ trợ phát triển, như: Đào tạo nâng cao kiến thức, hỗ trợ lãi suất tín dụng, đề ra các tiêu chuẩn sản phẩm, quảng bá và định hướng hình thành lên các kênh phân phối sản phẩm... Còn người dân đóng vai trò chính trong “sân chơi” này, họ tự quyết định lựa chọn và phát triển các sản phẩm gì có lợi thế cạnh tranh của địa phương mình, đồng thời phải làm sao để các sản phẩm đó có chất lượng tốt nhất theo đúng quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chất lượng sản phẩm chính là yếu tố quyết định sự thành công của Chương trình. Yếu tố này không chỉ thể hiện ở bản thân chất lượng của hàng hóa được kết tinh ở khâu sản xuất nguyên liệu, công nghệ chế biến và bảo quản đã được giám định kỹ lưỡng, mà phải làm thế nào tạo ra được ý thức sản xuất hàng hóa chất lượng cao trong hành vi của mỗi người dân. Ngoài ra, nó còn thể hiện ở nghệ thuật bao bì, đóng gói sao cho hấp dẫn và thuận tiện nhất cho người tiêu dùng.

Đề án OCOP tỉnh Quảng Ninh triển khai nhằm thực hiện việc phát triển hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, có lợi thế ở khu vực nông thôn, góp phần tái cơ cấu nền kinh tế nông thôn Quảng Ninh theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị. Thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM. Thông qua việc phát triển sản xuất tại các địa bàn nông thôn, góp phần hạn chế việc giảm dân số nông thôn di cư ra thành phố, bảo vệ môi trường và gìn giữ ổn định xã hội nông thôn.

Việc phát triển Đề án “Một xã, phường một sản phẩm” ở Quảng Ninh có một ý nghĩa to lớn trong phát triển KTXH. Thứ nhất là, khi triển khai thành công, nó sẽ giúp nâng cao thu nhập tạo ra nhiều công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân và thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất” trong xây dựng NTM; Thứ hai là, làm thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu, hướng người dân vào kinh tế thị trường, tạo ra hướng đi mới trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống có lợi thế ở khu vực nông thôn, góp phần tái cơ cấu kinh tế nông thôn Quảng Ninh; Thứ ba là, góp phần làm giảm việc di dân từ nông thôn ra thành phố, thực hiện có hiệu quả tinh thần “Ly nông, bất ly hương”; Thứ tư là, thông qua chương trình, góp phần đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đây chính là yếu tố thúc đẩy sự phát triển

một cách bền vững kinh tế nông thôn của tỉnh. Thứ năm là, OCOP tạo ra các sản phẩm dịch vụ có chất lượng phục vụ phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ninh.

Đề án OCOP Quảng Ninh tập trung thực hiện 6 nội dung chính gồm:

(1) Khởi động: Ở nội dung này, tỉnh Quảng Ninh tập trung chỉ đạo xây dựng Đề án và tuyên truyền sâu rộng đến các cấp các ngành, nhất là các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh biết, hiểu và đăng ký tham gia Chương trình. Thành lập bộ máy là Ban điều hành OCOP các cấp để tổ chức thực hiện đề án.

(2) Đánh giá thực trạng sản phẩm truyền thống tỉnh Quảng Ninh: Tổng hợp và phân tích các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến phát triển thị trường các sản phẩm truyền thống. Rà soát tài liệu tham khảo, thu thập số liệu thứ cấp của tỉnh Quảng Ninh. Điều tra, khảo sát lấy số liệu sơ cấp trên toàn tỉnh về hiện trạng các sản phẩm truyền thống và các chương trình đang triển khai trong tỉnh (như Chương trình xây dựng thương hiệu...). Phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo đánh giá ưu thế, khả năng cạnh tranh và đề xuất giải pháp hỗ trợ phát triển một số sản phẩm OCOP bằng các công cụ như phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức), phân tích “cây vấn đề”, phân tích chính sách và phân tích chuỗi giá trị. Tổ chức các đoàn tham quan học tập kinh nghiệm chương trình mỗi làng một sản phẩm ở trong và ngoài nước.

(3) Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết: Trên cơ sở điều tra, đánh giá, đề xuất, xây dựng kế hoạch chi tiết các hoạt động nhằm triển khai OCOP của Quảng Ninh, từng bước hình thành và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và thương mại hóa các sản phẩm truyền thống ưu tiên của tỉnh. Các hoạt động cụ thể bao gồm: (i) Rà soát các kế hoạch phát triển KT-XH, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án phát triển nông thôn của Quảng Ninh nhằm xây dựng kế hoạch lồng ghép hiệu quả; (ii) Hội thảo tham vấn lãnh đạo và chuyên gia trong nước (trong và ngoài tỉnh) và quốc tế (Thái Lan, Nhật Bản và các tổ chức quốc tế); (iii) Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án.

(4) Xây dựng hệ thống tổ chức OCOP Quảng Ninh: Để triển khai kế hoạch có hiệu quả, hệ thống tổ chức hỗ trợ cho làng xã trong đề án OCOP sẽ được xây dựng nhằm phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và thương mại hoá sản phẩm truyền thống. Gồm các hoạt động cụ thể sau: (i) Xây dựng hệ thống tổ chức và cơ chế cho hệ thống OCOP từ tỉnh - huyện - xã nhằm hỗ trợ các cộng đồng trong tỉnh phát triển và thương mại hoá sản phẩm truyền thống. Ban điều hành OCOP-QN được đặt tại Ban xây dựng Nông thôn mới Quảng Ninh. Ban điều hành là một cơ quan có nhiệm vụ tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình OCOP gắn với Chương trình xây dựng NTM. Cấp huyện, xã không có văn phòng riêng, mà được đặt trên cơ sở là các Ban quản lý Xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã, có quy định thêm nhiệm vụ của Ban và của các cá nhân (trong bản mô tả công việc); (ii) Xây dựng chu trình chuẩn (lựa chọn, hỗ trợ phát triển, đầu tư...) cho Đề án OCOP Quảng Ninh; (iii) Xây dựng và công khai hệ thống các tiêu chí; (iv) Tham vấn lãnh đạo và chuyên gia trong nước và quốc tế; (v) Triển khai tập huấn cho các cán bộ được lựa chọn vào hệ thống

tổ chức OCOP- QN về mọi mặt liên quan đến Đề án; (vi) Tuyên truyền tới các cộng đồng về OCOP Quảng Ninh; (vii) Triển khai giám sát hoạt động của bộ máy trong năm đầu tiên.

(5) Triển khai thực hiện OCOP: Để triển khai Đề án OCOP Quảng Ninh, cần thực hiện các công việc sau: (i) Ban điều hành OCOP và nhóm tư vấn hỗ trợ hệ thống tổ chức OCOP Quảng Ninh (các cấp tỉnh - huyện - xã) thực hiện áp dụng chu trình chuẩn của OCOP; (ii) Xây dựng website cho OCOP-QN; (iii) Tổ chức triển khai chu trình OCOP cho 40- 60 sản phẩm; (iv) Xây dựng hệ thống hỗ trợ xúc tiến và quảng bá các sản phẩm OCOP Quảng Ninh, như: Xây dựng các điểm giới thiệu sản phẩm OCOP liên kết với hoạt động du lịch, lễ hội trong tỉnh. Tổ chức Festival sản phẩm truyền thống gắn với du lịch. Hỗ trợ cộng đồng quảng bá và tiếp thị sản phẩm.

(6) Tổng kết Đề án OCOP: Tổng kết kinh nghiệm, xây dựng giáo trình tập huấn và tổ chức đào tạo nhằm mở rộng đề án, phát triển và thương mại hoá các sản phẩm truyền thống toàn tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể các hoạt động cần triển khai gồm: (i) Giám sát, đánh giá và tổng kết kinh nghiệm; (ii) Tổng hợp từ các giáo trình đào tạo tập huấn, kế hoạch hoạt động đã có để xây dựng giáo trình tập huấn phát triển OCOP (Hình thành và quản lý tổ chức kinh tế làng xã, phát triển sản phẩm, phát triển kinh doanh...); (iii) Thực hiện các dự án truyền thông nhằm tuyên truyền về OCOP Quảng Ninh; (iv) Xuất bản các sản phẩm nghiên cứu và kinh nghiệm phát triển đề án OCOP Quảng Ninh; (v) Hội thảo về OCOP Quảng Ninh (Hội thảo 2) nhằm chia sẻ các bài học kinh nghiệm và hình thành kế hoạch mới.

## **2.2. Một số kinh nghiệm từ mô hình OVOP có thể áp dụng ở Việt Nam**

**2.2.1. Nhóm giải pháp phát triển sản phẩm:** Với những làng có nhiều nghề, nhiều sản phẩm thì cần lựa chọn những nghề có sản phẩm đặc trưng nhất để tập trung nguồn lực đầu tư, tạo ra sự khác biệt so với sản phẩm cùng loại của địa phương khác. Công nghệ mới cần được đưa vào quá trình sản xuất, vừa nâng cao được chất lượng sản phẩm, cải thiện năng suất lao động, vừa bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư. Khâu thiết kế mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm cũng cần được chú trọng.

**2.2.2. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:** Các làng nghề cần tăng cường xây dựng, quảng bá thương hiệu, hình ảnh về làng nghề, về sản phẩm. Chủ động tìm kiếm các cách làm hay, độc đáo trong công tác tiếp thị, bán hàng, tạo ấn tượng đối với người tiêu dùng. Bên cạnh đó, cần tăng cường các dịch vụ sau bán hàng như: Bảo hành, bảo trì, dịch vụ chăm sóc khách hàng, có các chế độ ưu đãi đối với khách hàng truyền thống, quan tâm phát triển khách hàng tiềm năng. Các làng nghề nói riêng và hiệp hội các làng nghề nói chung cần phối hợp với các cơ quan xúc tiến thương mại của địa phương và quốc gia để giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm đối tác để xuất khẩu ra thị trường thế giới.

**2.2.3. Nhóm giải pháp từ các cơ quan hoạch định chính sách.** Các Bộ, ngành có liên quan cần có những chính sách hỗ trợ để các làng nghề đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, đầu tư kỹ thuật, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, tạo chuỗi liên kết trong hoạt động sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ. Bên cạnh sự hỗ trợ về chính sách từ các cấp quản lý, cần hỗ trợ giải quyết cho vay vốn ưu đãi để đầu tư mở rộng sản xuất, hiện đại hóa công nghệ sản xuất.

### **3. Xí nghiệp hương trấn ở Trung Quốc**

Từ sau khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa cuối năm 1978, với phương châm “ly nông bất ly hương - rời ruộng không rời làng”, “vào nhà máy mà không vào thành phố”, các loại hình xí nghiệp hương trấn (XNHT) đã phát triển mạnh mẽ và phát huy tác dụng to lớn đối với sự phát triển của nông thôn. Việc phát triển XNHT được coi là con đường tất yếu vừa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống nông dân, qua đó từng bước hoàn thành mục tiêu CNH nông thôn và nhất thể hóa nông thôn - thành thị.

XNHT là tên chung chỉ loại hình xí nghiệp tập thể do chính quyền hoặc tập thể nông dân ở các hương và trấn ở Trung Quốc thành lập từ sau cải cách 1978. Đây là những doanh nghiệp vừa và nhỏ hoặc rất nhỏ. Có tới 99% XNHT có không quá 50 lao động.

Sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của các XNHT bắt đầu từ đầu những năm 1980 được cả thế giới ghi nhận. Năm 1978, có chưa đầy 10% lực lượng lao động nông thôn tham gia vào các hoạt động công nghiệp, và khu vực phi nông nghiệp chỉ chiếm 8% thu nhập nông thôn; đến năm 1996, 30% lực lượng lao động nông thôn đã làm việc trong các ngành công nghiệp địa phương và thu nhập phi nông nghiệp đã chiếm tới 34% tổng thu nhập nông thôn.

Trong vòng hơn 20 năm phát triển, hệ thống XNHT đã làm thay đổi hẳn điều kiện kinh tế của nông thôn Trung Quốc. Từ năm 1978 đến năm 1997, số lượng XNHT đã tăng từ 1,5 triệu lên đến 20,2 triệu; số công nhân làm việc cho hệ thống XNHT đã tăng từ 28,3 triệu lên đến 130,5 triệu (từ 9% lên đến 28% lực lượng lao động nông thôn). Tỷ trọng của các XNHT trong toàn bộ tổng giá trị sản lượng nông thôn tăng từ 24% năm 1978 lên đến 79% năm 1995. Các XNHT đã trở thành lực lượng chính tạo nên sự tăng trưởng của Trung Quốc. Năm 1978, giá trị sản lượng của các XNHT trong khu vực công nghiệp chiếm 9% tổng sản lượng toàn quốc, đến năm 1997, đã đạt tới 58%. Bên cạnh đó, đóng góp vào xuất khẩu là một thành công rực rỡ của các XNHT. Năm 1986, tỷ trọng của XNHT trong tổng kim ngạch xuất khẩu là 9%, đến năm 1997 đã lên đến 46%.

Về phương diện vùng, sự phát triển của XNHT gắn liền với chiến lược xuất khẩu. Trong những năm 1980, để tránh những mâu thuẫn tiềm tàng phát triển đến độ bùng nổ, các nhà hoạch định chiến lược phát triển của Trung Quốc đã chọn vùng ven biển cho việc ưu tiên phát triển hệ thống XNHT định hướng xuất khẩu. Để thực hiện chủ trương đó, Quốc vụ viện Trung Quốc đã đề xuất quyết sách chiến lược “phải đi tới

thị trường quốc tế một cách có lãnh đạo, có kế hoạch, từng bước, tham gia nhiều hơn nữa vào trao đổi và cạnh tranh quốc tế, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế theo mô hình hướng ra bên ngoài”. Chiến lược đó đã được hệ thống XNHT triệt để tuân thủ và phát huy. Họ đã tận dụng chính sách mở cửa lấy tam giác châu Châu Giang, tam giác châu Trường Giang, tam giác châu Mân Nam Kim, bán đảo Liêu Đông và bán đảo Giao Đông làm những điểm xuất phát để đưa sản phẩm của XNHT hướng ngoại. Các nhà hoạch định chiến lược Trung Quốc cho rằng, đối với các vùng này, kinh doanh quốc tế hóa vừa là cơ hội mở cửa ra với bên ngoài, cũng vừa đồng thời làm biến đổi môi trường phát triển trong nước. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã không đơn thương độc mã phát triển các doanh nghiệp ra ngoài biên giới để đỡ khổ cho nông dân, để giảm nghèo cho nông thôn và để cứu nguy cho nông nghiệp. Ở trong nước, để thực hiện CNH-HĐH nông thôn, nông dân và nông nghiệp, Trung Quốc đã lựa chọn chiến lược sản nghiệp hóa nông nghiệp.

Sản nghiệp hóa nông nghiệp được hiểu là “lấy thị trường trong và ngoài nước làm phương hướng, lấy nâng cao hiệu quả kinh tế làm trung tâm, tiến hành phân bố vùng chuyên doanh, sản xuất chuyên nghiệp hóa, kinh doanh nhất thể hóa, dịch vụ xã hội hóa, quản lý xí nghiệp hóa đối với ngành nghề trụ cột và sản phẩm chủ đạo của nông nghiệp các địa phương. Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất - cung ứng và tiêu thụ, giữa mậu dịch - công nghiệp - nông nghiệp, giữa kinh doanh - khoa học - giáo dục, hình thành cơ chế kinh doanh sâu chuỗi”.

Sản nghiệp hóa còn được giải thích thêm là “lấy định hướng thị trường, lấy nông hộ làm cơ sở, lấy xí nghiệp đầu tàu làm chỗ dựa, lấy lợi ích kinh tế làm trung tâm, lấy dịch vụ làm biện pháp, thông qua sản xuất - cung ứng - tiêu thụ, nuôi trồng, gia công, liên kết các khâu trước - trong và sau của quá trình tái sản xuất nông nghiệp trở thành một hệ thống ngành nghề hoàn chỉnh”.

Tuy nhiên, trong những năm 1984-1985, các XNHT này gặp phải đợt suy thoái thứ nhất, do chính quyền Trung Quốc thắt chặt tín dụng. Trong các năm 1996 và 1997, khu vực xí nghiệp hương trấn gặp phải đợt suy thoái thứ hai do kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại và khu vực Đông Á bị khủng hoảng kinh tế. Năm 1997, Trung Quốc có Luật về XNHT và khu vực này có sự chuyển biến. Nhiều XNHT đã chuyển đổi thành các doanh nghiệp tư nhân hoặc doanh nghiệp cổ phần.

Năm 2007, XNHT đã đóng góp cho nền kinh tế Trung Quốc 6.962 tỷ NDT, chiếm 1/3 tăng trưởng GDP, tăng 332 lần so với giá trị tạo ra trong 30 năm cải cách mở cửa.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước có nhiều nét tương đồng về lịch sử, KTXH. Trong bối cảnh xây dựng NTM hiện nay, Việt Nam đang đặc biệt quan tâm đến phát triển các tổ chức kinh tế tập thể, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Những bài học từ quá trình ra đời và phát triển của mô hình XNHT ở Trung Quốc có thể giúp những người làm công tác xây dựng NTM trang bị thêm nhiều kinh nghiệm.

## **TỔNG HỢP, THẢO LUẬN KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á CÓ THỂ VẬN DỤNG PHÙ HỢP CHO XÂY DỰNG NTM Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **(1) Kinh nghiệm Hàn Quốc**

- Quyết tâm của người lãnh đạo
- Công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cán bộ phong trào làng mới
- Phát huy vai trò chủ thể của người dân từ cấp thôn, bản
- Tạo động lực thay cho áp lực, hình thành phong trào thi đua làm nhiều được thưởng nhiều, gắn với tinh thần “cần cù, tự lực, hợp tác”
- Làm theo lộ trình, từ nhỏ đến lớn, hình thành sự tự tin “chúng ta có thể làm được”
- Các kinh nghiệm khác

### **(2) Kinh nghiệm Nhật Bản**

- Ba nguyên tắc: “Từ địa phương tiến ra toàn cầu”; “Tự tin - Sáng tạo”; “Tập trung phát triển nguồn nhân lực”
- Vận dụng đối với các làng nghề, các vùng có sản phẩm đặc sản, vấn đề xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

### **(3) Kinh nghiệm Trung Quốc**

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: Tạo cơ chế khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, hình thành được mối liên kết theo chuỗi giá trị và thực hiện các cam kết giữa nông dân - doanh nghiệp.



## CÂU HỎI THẢO LUẬN

Chuyên đề này giới thiệu một số kinh nghiệm trong nước và quốc tế có thể áp dụng phù hợp với thực tiễn xây dựng NTM hiện nay ở Việt Nam. Những kinh nghiệm trong nước xuất phát từ thực tiễn quá trình triển khai qua các chương trình thí điểm và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015. Những kinh nghiệm quốc tế mang tính chất tham khảo để người học nghiên cứu và vận dụng vào thực tế từng địa phương.

Một số câu hỏi thảo luận:

1. Anh/chị đánh giá như thế nào về tình hình xây dựng NTM ở Việt Nam hiện nay và trong những năm sắp tới?
2. Anh/chị nhận thấy đâu là những thành công và hạn chế lớn nhất trong xây dựng NTM ở Việt Nam hiện nay?
3. Anh/chị nhận thấy kinh nghiệm nào trong nước và quốc tế có ý nghĩa và phù hợp để áp dụng cho xây dựng NTM giai đoạn tới?
4. Anh/chị còn biết những kinh nghiệm nào có thể chia sẻ để áp dụng cho xây dựng NTM trong giai đoạn sắp tới?
5. Việc áp dụng các kinh nghiệm đã học vào xây dựng NTM gặp những khó khăn, trở ngại nào?

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015.
2. Các báo cáo sơ kết, tổng kết của các chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới.
3. Chu Tiên Quang. 2012. Một số kinh nghiệm quốc tế về chính sách phát triển nguồn nhân lực nông thôn.
4. Cù Ngọc Hương. 2006. Lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.
5. Đặng Kim Sơn, Nguyễn Minh Tiến. 2000. Phát triển Hợp tác xã và Nông hội ở Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc.
6. Đặng Kim Sơn, Phan Sỹ Hiếu. 2001. Phát triển nông thôn bằng phong trào nông thôn mới (Saemaul Undong) ở Hàn Quốc.
7. Đặng Kim Sơn. 2008. Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa.
8. Đỗ Tiên Sâm. 1994. Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Hương Trán ở nông thôn Trung Quốc (1978-1992).
9. Hoàng Vũ Quang. 2016. Thực tiễn xây dựng nông thôn mới của các nước Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Malaysia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.
10. Hoàng Vũ Quang. 2016. Thực trạng xây dựng nông thôn mới và những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam.
11. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn. 2015. Tiếp cận mới cho xây dựng nông thôn mới.
12. Nguyễn Ngọc Luân. 2013. Bài học kinh nghiệm từ Phong trào Làng mới (Saemaul Undong) ở Hàn Quốc và giải pháp áp dụng cho chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam.
13. Nguyễn Ngọc Luân. 2015. Một số kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới.
14. Vũ Văn Đông. 2010. Mỗi làng một sản phẩm (One Tampon, One Product) là giải pháp để phát triển du lịch bền vững - kinh nghiệm từ các nước và Việt Nam.
15. Website nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh (<http://ntm.quangninh.gov.vn>). Một số vấn đề cơ bản về chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP).

**CHUYÊN ĐỀ 3**

**VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC  
NGÀNH, CÁC CẤP VÀ CÁC TỔ CHỨC  
TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

## GIỚI THIỆU CHUNG

Việt Nam là quốc gia nông nghiệp, với khoảng hơn 60% dân số sống ở nông thôn, trong đó đại đa số là nông dân, vì thế, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng những vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết 26-NQ/TW được Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X ban hành (ngày 5/8/2008) là một bước ngoặt, đánh dấu sự phát triển mới trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn của Đảng về vị trí trọng yếu của nông nghiệp, nông dân, nông thôn thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 16 tháng 8 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1600/QĐ-TTg). Để thực hiện thắng lợi Chương trình này, cần phát huy tối đa vai trò lãnh đạo, quản lý, điều hành, tuyên truyền, vận động... của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp. Do đó, chuyên đề này tập trung giới thiệu khái quát vai trò, vị trí của các tổ chức trên trong xây dựng nông thôn mới.

Trong chuyên đề, ngoài phần quy định chung, sau mỗi nội dung, có giới thiệu bài học kinh nghiệm của một số địa phương, hay câu hỏi để học viên thảo luận. Tuy nhiên, đây chỉ là phần gợi ý, tùy theo tình hình thực tế, người dạy/học có thể lựa chọn vấn đề khác phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

# **PHẦN 1 - VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

## **1. Vai trò của cấp ủy**

Căn cứ vào điều 23 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Thông tư 51/TTLT/BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của liên Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, đảng bộ/chi bộ các cấp có vai trò sau:

**1.1.** Lãnh đạo chính quyền và nhân dân tổ chức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Để thực hiện vai trò đó, cấp ủy ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới, Nghị quyết phải nêu rõ được mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng tổ chức, cá nhân phụ trách từng công việc cụ thể;

**1.2.** Cấp ủy tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của cấp ủy về xây dựng nông thôn mới;

**1.3.** Cấp ủy tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của cấp ủy về xây dựng nông thôn mới (từng năm, nhiệm kỳ);

**1.4.** Mỗi đảng viên trong cấp ủy gương mẫu, tự giác thực hiện; tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân hăng hái thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cấp ủy về xây dựng nông thôn mới;

**1.5.** Đối với cấp xã, để trực tiếp lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, Ban chấp hành đảng bộ ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã. Thành phần bao gồm: Bí thư đảng ủy làm Trưởng ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) làm Phó trưởng ban, lãnh đạo Hội đồng nhân dân (HĐND), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và một số cán bộ, công chức khác làm thành viên. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu giúp Đảng ủy, HĐND, UBND lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

## **2. Vai trò, trách nhiệm của chính quyền**

Theo khoản 1, điều 4, Luật Chính quyền địa phương 2015<sup>4</sup>, chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND. Căn cứ các điều 19, 21, 26, 28, 33, 35 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND các cấp; căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; chính quyền địa phương có một số vai trò cơ bản sau:

### **2.1. Vai trò, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

**2.1.1.** Ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới, Nghị quyết nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp thực hiện;

---

<sup>4</sup> Luật chính quyền địa phương được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015

**2.1.2.** Thông qua kế hoạch xây dựng nông thôn mới dài hạn, trung hạn và hàng năm (do UBND trình) theo quy định;

**2.1.3.** Quyết định những nội dung cơ bản xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh như: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quyết định các biện pháp phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học công nghệ, thông tin, thể dục thể thao, việc làm, chính sách xã hội...; quyết định các chủ trương, biện pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội như: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ; các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn công cộng, trật tự an toàn giao thông...

**2.1.4.** Quyết định dự toán thu - chi, phân bổ, điều chỉnh dự toán, phê chuẩn quyết toán ngân sách đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

**2.1.5.** Quyết định việc huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới như: Các khoản đóng góp của nhân dân, vay các nguồn vốn trong nước thông qua phát hành trái phiếu địa phương, trái phiếu công trình và các hình thức huy động vốn khác theo quy định pháp luật;

**2.1.6.** Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐND về xây dựng nông thôn mới.

## **2.2. Vai trò, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp huyện**

**2.2.1.** Ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới cấp huyện, Nghị quyết nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp thực hiện;

**2.2.2.** Thông qua kế hoạch xây dựng nông thôn mới trung hạn và hàng năm do UBND huyện trình;

**2.2.3.** Quyết định các nội dung, biện pháp xây dựng nông thôn mới cấp huyện như: Quy hoạch nông thôn mới, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; các biện pháp phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học; các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật;

**2.2.4.** Quyết định thu - chi, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách; chủ trương đầu tư chương trình, dự án xây dựng nông thôn mới cấp huyện;

**2.2.5.** Giám sát thực hiện Nghị quyết của HĐND về xây dựng nông thôn mới.

## **2.3. Vai trò, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp xã**

**2.3.1.** Ban hành Nghị quyết xây dựng nông thôn mới cấp xã, Nghị quyết nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp thực hiện;

**2.3.2.** Quyết định các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã;

**2.3.3.** Quyết định dự toán thu - chi, quyết toán ngân sách; chủ trương đầu tư chương trình, dự án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

**2.3.4.** Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về xây dựng nông thôn mới.

#### **2.4. Vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**2.4.1.** Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới dài hạn, trung hạn, hàng năm của tỉnh, bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi cơ quan chủ trì nội dung thành phần, cơ quan chủ trì chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định;

**2.4.2.** Tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh;

**2.4.3.** Phân công, phân cấp trách nhiệm cho từng cấp, từng ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao trách nhiệm cho cơ sở;

**2.4.4.** Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh;

**2.4.5.** Kiện toàn Ban chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc các cấp thống nhất, đồng bộ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 15/7/2014 về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp;

**2.4.6** Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới cấp huyện trên địa bàn phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới chung của tỉnh;

**2.4.7.** Quy hoạch và thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh theo hướng liên kết chuỗi giá trị phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

#### **2.5. Vai trò, trách nhiệm cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh (Văn phòng Điều phối):**

**2.5.1.** Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, phân bổ vốn thực hiện Chương trình hàng năm theo kế hoạch trung hạn của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

**2.5.2.** Trên cơ sở chỉ tiêu phân đấu, nhiệm vụ và nguồn vốn ngân sách hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh về phương án giao chỉ tiêu phân đấu, nhiệm vụ cụ thể cho các huyện, xã, trình HĐND tỉnh quyết định;

**2.5.3.** Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát (định kỳ, đột xuất) tình hình sử dụng nguồn vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện Chương trình;

**2.5.4.** Tổng hợp kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình trên địa bàn tỉnh theo từng nội dung, lĩnh vực để báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

**2.5.5.** Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

## **2.6. Vai trò, trách nhiệm của UBND cấp huyện**

**2.6.1.** Hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn huyện;

**2.6.2.** Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện và chỉ đạo các xã rà soát, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch nông thôn mới cấp xã phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện;

**2.6.3.** Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện;

**2.6.4.** Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn (giao thông, thủy lợi, điện) đảm bảo kết nối đồng bộ với cơ sở hạ tầng của các xã trên địa bàn huyện;

**2.6.5.** Chỉ đạo và phân công các phòng, ban cấp huyện trực tiếp hỗ trợ các xã triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới một cách thống nhất, đồng bộ, hiệu quả;

**2.6.6.** Quy hoạch và thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo hướng liên kết chuỗi giá trị phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

## **2.7. Vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

**2.7.1.** Xây dựng, trình HĐND quyết định chủ trương xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã; tổ chức thực hiện Nghị quyết của HĐND về xây dựng nông thôn mới;

**2.7.2.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; phê duyệt dự toán và quyết toán kinh phí quản lý dự án của chủ đầu tư với các dự án, công trình do xã quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;

**2.7.3.** Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới (định kỳ, đột xuất) đến các cơ quan có thẩm quyền (HĐND, UBND cấp trên);

**2.7.4.** Tạo điều kiện thuận lợi để các ban, ngành, đoàn thể, cộng đồng dân cư giám sát quá trình thực hiện Chương trình<sup>5</sup>;

**2.7.5.** Giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân liên quan đến xây dựng nông thôn mới (nếu có);

---

<sup>5</sup> Thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTU'MTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính



**2.7.6.** Giao nhiệm vụ, chỉ đạo Ban phát triển thôn tiến hành thực hiện các nội dung công việc cụ thể đạt hiệu quả;

**2.7.7.** Ban hành quyết định thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã, thành phần gồm: Chủ tịch UBND làm Trưởng ban, Phó chủ tịch UBND làm Phó trưởng ban, một số cán bộ, công chức của các ban, ngành, đoàn thể, đại diện các thôn/bản làm thành viên. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của UBND xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

a) Là chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

b) Tổ chức xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng nông thôn mới của xã, lấy ý kiến nhân dân và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tổ chức và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia thực hiện, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

d) Quản lý, triển khai thực hiện các dự án, bao gồm: chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng.

đ) Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng dân cư hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

e) Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý cấp xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư, UBND xã có thể thuê một đơn vị có đủ năng lực quản lý để hỗ trợ hoặc chuyên cho UBND huyện làm chủ đầu tư có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản lý xã.

## **PHẦN 2 - VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay, có các tổ chức chính trị - xã hội sau: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam. Vai trò của từng tổ chức trong xây dựng nông thôn mới như sau:

### **1. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp**

#### **1.1. Vai trò tuyên truyền**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tích cực tuyên truyền, phổ biến đến các thành viên, nhân dân chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước; qua đó, làm cho các thành viên, tầng lớp nhân dân hiểu rõ mục đích, ý

nghĩa, nội dung Chương trình; nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi thành viên tự giác tham gia phong trào một cách tích cực phù hợp với điều kiện của mình.

## **1.2. Vai trò vận động**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp vận động thành viên, nhân dân tích cực tham gia thực hiện các nội dung cụ thể thông qua các phong trào do Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam phát động. Trong thời gian qua, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát động nhiều cuộc vận động xây dựng nông thôn mới như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Ngày vì người nghèo”...

Từ năm 2016, Mặt trận tập trung vào cuộc vận động **“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”** với năm nhóm nội dung cụ thể, thiết thực góp phần thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gồm:

*1.2.1. Toàn dân đoàn kết, giúp nhau giảm nghèo bền vững, tích cực tham gia phát triển kinh tế, ổn định đời sống, khuyến khích làm giàu chính đáng.*

a) Vận động nhân dân giúp nhau phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững, vươn lên làm giàu hợp pháp; thực hiện quy hoạch và chỉnh trang khu dân cư; hiến đất, góp công xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn. Vận động, hướng dẫn, hỗ trợ các gia đình đăng ký sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn. Vận động người thân ở xa quê đóng góp xây dựng quê hương. Từ hỗ trợ của quỹ “Vì người nghèo”, các chương trình, dự án và hỗ trợ từ cộng đồng giúp các hộ nghèo nâng cấp nhà ở, cải thiện đời sống.

b) Mặt trận các cấp ở nông thôn vận động nhân dân tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp (theo luật mới); hỗ trợ liên kết giữa các hợp tác và hộ nông dân với doanh nghiệp để phát triển chuỗi liên kết có sức cạnh tranh và hiệu quả cao; phát triển kinh tế vườn, trang trại; phát huy nghề truyền thống của địa phương; tích cực chuyển đổi cơ cấu sản xuất để không ngừng nâng cao năng xuất lao động và hiệu quả kinh tế.

(Các hoạt động trên góp phần tích cực thực hiện các tiêu chí 1, 2, 6, 9, 10, 11, 12, 13 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới)

*1.2.2. Toàn dân đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hóa; chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc; phát huy truyền thống đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái.*

a) Mặt trận Tổ quốc các cấp vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, ứng xử văn minh, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ các công trình văn hóa lịch sử. Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; khuyến khích học nghề và phát triển nguồn nhân lực, tích cực xây dựng xã hội học tập. Vận động nhân dân tập luyện thể dục thể thao, phòng chống các dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe; mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Tích cực xây dựng gia đình hạnh phúc, nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa.

b) Thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các gia đình chính sách, người có công với nước, Mẹ Việt Nam anh hùng. Tích cực tham gia công tác nhân đạo từ thiện, giúp đỡ gia đình bị thiên tai, người nhiễm chất độc da cam, người già yếu không nơi nương tựa, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

(Các hoạt động trên góp phần thực hiện các tiêu chí 14, 15, 16 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới).

**1.2.3. Toàn dân đoàn kết tham gia bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp.**

a) Vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; xử lý chất thải trong sản xuất, sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường; trồng cây xanh; xây dựng các mô hình công nhà, sân, vườn, đường làng, ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp. Hướng dẫn để người dân biết cách ứng phó với biến đổi khí hậu, tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã hiệp thương với các tổ chức thành viên để phân công thực hiện các công trình, phần việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ở từng xã, khu dân cư.

(Các hoạt động trên tích cực góp phần thực hiện tiêu chí 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới).

**1.2.4. Toàn dân đoàn kết, chấp hành pháp luật, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.**

a) Mặt trận Tổ quốc các cấp vận động nhân dân thực hiện tốt hương ước, quy ước của cộng đồng; sống và làm việc theo pháp luật, tích cực phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội; giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội, không vi phạm pháp luật về giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Phát huy vai trò của các tổ hòa giải, giải quyết hiệu quả những mâu thuẫn, bất hòa trong nội bộ nhân dân, tạo không khí hòa thuận ở khu dân cư.

(Các hoạt động trên góp phần thực hiện tiêu chí 19 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới).

**1.2.5. Toàn dân đoàn kết, phát huy dân chủ, tích cực tham gia giám sát và phản biện xã hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh.**

Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng đạt hiệu quả cao. Tích cực tham gia góp ý với cán bộ, đảng viên, chi bộ, chi đoàn, chi hội các đoàn thể trong các cuộc họp khu dân cư; giám sát chính quyền xã trong thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tích cực đấu tranh với những hành vi tham nhũng, lãng phí của cán bộ, đảng viên; đấu tranh với các phần tử lợi dụng dân chủ, có hành vi gây rối trật tự xã hội, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.

(Các hoạt động trên góp phần thực hiện tiêu chí 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới).

Kết quả thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” góp phần vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được đánh giá qua:

- Chất lượng và số lượng các gia đình được công nhận gia đình văn hóa với các tiêu chí phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Chất lượng và số lượng các khu dân cư được công nhận khu dân cư văn hóa (làng văn hóa, thôn văn hóa...) với các tiêu chí phù hợp yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Số lượng và tác dụng của các công trình, phần việc mà Mặt trận Tổ quốc ở xã, Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư, các tổ chức thành viên đã thực hiện góp phần thiết thực hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới.

### **1.3. Vai trò giám sát, phản biện xã hội**

Theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp là một trong những chủ thể thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

#### **1.3.1. Về giám sát xã hội**

a) Đối tượng giám sát: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

b) Nội dung giám sát: Việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

c) Phương pháp giám sát: Mặt trận Tổ quốc có 05 phương pháp giám sát như sau:

- Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, Mặt trận Tổ quốc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát báo cáo cấp ủy, chính quyền cùng cấp trước khi triển khai; khi cần thiết có thể giám sát ngoài kế hoạch (đột xuất). Chương trình, kế hoạch giám sát được thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để hỗ trợ triển khai, bảo đảm giám sát thiết thực, đúng thực tế, có tác dụng tốt.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp thu ý kiến của các thành viên, lấy ý kiến của nhân dân, các chuyên gia và tổ chức khảo sát thực tế để có cơ sở kiến nghị với cấp ủy, chính quyền cùng cấp.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp giám sát thông qua thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, hoạt động Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp giám sát thông qua các văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức; đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân gửi Mặt trận, qua phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia giám sát do HĐND các cấp đề nghị.

### **1.3.2. Về phản biện xã hội**

a) Đối tượng phản biện: Các văn bản dự thảo (chủ trương, chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình, dự án...) xây dựng nông thôn mới.

b) Nội dung phản biện: (1) Sự cần thiết của việc ban hành dự thảo văn bản; (2) Sự phù hợp của dự thảo văn bản với chủ trương, chính sách và thực tế địa phương; (3) Tính đúng đắn, khoa học, khả thi của dự thảo văn bản; (4) Dự báo tác động, hiệu quả của dự thảo văn bản.

c) Phương pháp phản biện: (1) Tổ chức Hội nghị các cơ quan lãnh đạo trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (2) Lấy ý kiến phản biện của các chuyên gia trong Mặt trận; (3) Tổ chức đối thoại trực tiếp với cơ quan ban hành dự thảo được phản biện

#### **Hộp 1. Kinh nghiệm thực hiện giám sát cộng đồng của Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Ninh Bình trong xây dựng nông thôn mới**

Để nâng cao hiệu quả giám sát cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Ninh Bình đã thực hiện các bước sau:

Bước 1: Ban thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh đã hướng dẫn, chỉ đạo Ban thường trực Ủy ban MTTQVN các cấp trong tỉnh tham mưu với cấp ủy, phối hợp với chính quyền thành lập, củng cố, kiện toàn Ban giám sát của cộng đồng, đặc biệt chú trọng 31 xã làm điểm về xây dựng nông thôn mới.

Bước 2: Số lượng thành viên Ban giám sát đầu tư cộng đồng từ 5 đến 9 người, do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban MTTQVN xã là Trưởng ban, các thành viên là Trưởng ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.

Bước 3: Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh phối hợp với các ngành chức năng tham mưu cho ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện; phối hợp với các cơ quan báo chí, tuyên truyền như: Báo Ninh Bình, Đài PTTH tỉnh, Đài Truyền thanh các huyện, thành phố, thị xã và cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về công tác giám sát đầu tư cộng đồng, từ đó có thái độ đúng đắn, ủng hộ, tạo điều kiện cho ban Giám sát đầu tư cộng đồng hoạt động có hiệu quả.

Bước 4: Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch đầu tư tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Giám sát đầu tư cộng đồng cho cán bộ Ủy ban MTTQVN các cấp, Trưởng ban giám sát đầu tư cộng đồng...

Kinh nghiệm thực hiện có hiệu quả là: (1) Phải có sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và cấp ủy, chính quyền các cấp; (2) Phải quan tâm công tác thông tin, tuyên truyền tạo ra nhận thức đúng về vị trí, vai trò của giám sát cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới; (3) Cán bộ giám sát cộng đồng phải được bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ.

## **2. Vai trò của Công đoàn Việt Nam**

### **2.1. Vai trò tuyên truyền**

Công đoàn Việt Nam các cấp tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân viên chức lao động chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước; Nghị quyết liên tịch số 02/NQLT-TLĐ-NN&PTNT giữa Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đẩy mạnh phong trào công nhân viên chức lao động thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2010-2020; qua đó, nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi đoàn viên công đoàn tự giác tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới một cách tích cực phù hợp với điều kiện của mình.

### **2.2. Vai trò vận động**

Công đoàn các cấp vận động đoàn viên công đoàn, công nhân viên chức lao động hăng hái thực hiện tốt các nội dung sau:

**2.2.1.** Vận động cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân viên chức lao động cả nước thực hiện thắng lợi nghị quyết của Chính phủ, chương trình của các Bộ, ngành, địa phương về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương khóa X.

**2.2.2.** Vận động cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân viên chức lao động phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng kịp thời, đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ khác, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong các khâu giống, quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ, đẩy mạnh hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn.

**2.2.3.** Tăng cường xây dựng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân bền chặt, tin cậy; thực hiện tốt liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; đẩy mạnh xúc tiến thương mại. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, hình thành và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp nông thôn, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; doanh nghiệp dịch vụ vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân. Phát triển mạnh doanh nghiệp công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu... phục vụ nông nghiệp.

**2.2.4.** Thực hiện tốt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; đào tạo nghề cho con em nông dân để chuyển đổi nghề nghiệp, xuất khẩu lao động; tập trung đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở (*mục tiêu đặt ra mỗi năm đào tạo được khoảng 1 triệu lao động*).

**2.2.5.** Công đoàn các cấp vận động sự ủng hộ, đóng góp của công nhân viên chức lao động tạo nguồn kinh phí trực tiếp giúp đỡ hoặc tham gia chỉ đạo làm điểm xây dựng nông thôn mới: như phát triển hạ tầng; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, xóa nhà tạm ở nông thôn.

### **2.3. Vai trò giám sát, phản biện xã hội**

Theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Công đoàn Việt Nam các cấp là một trong những chủ thể thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**2.3.1.** Về đối tượng, nội dung, phương pháp giám sát (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**2.3.2.** Phạm vi giám sát: Công đoàn Việt Nam chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn, công nhân viên chức lao động; chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

**2.3.3.** Về đối tượng, nội dung, phương pháp phản biện (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**2.3.4.** Về phạm vi phản biện: Công đoàn Việt Nam các cấp chủ trì phản biện đối với dự thảo các văn bản về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến đoàn viên công đoàn, công nhân viên chức lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

## **3. Vai trò của Hội Nông dân Việt Nam**

### **3.1. Vai trò tuyên truyền**

Hội Nông dân tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến trong hội viên và nông dân chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước. Các cấp hội tuyên truyền để hội viên, nông dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi hội viên, nông dân tự giác tham gia phong trào một cách tích cực phù hợp với điều kiện của mình.

### **3.2. Vai trò vận động**

Hội Nông dân các cấp vận động hội viên, nông dân tích cực tham gia thực hiện những công việc chính như:

**3.2.1. Về kinh tế - xã hội:** Vận động nhân dân đóng góp công sức tham gia xây dựng, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng nông thôn. Tham gia xây dựng đường giao

thông liên thôn, nội thôn; công trình thủy lợi nội đồng, các công trình cấp nước sạch, thu gom, xử lý rác thải... Thực hiện chức năng giám sát các công trình nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương; làm nòng cốt trong công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, xây dựng các câu lạc bộ nông dân sản xuất giỏi...

**3.2.2. Về kinh tế và tổ chức sản xuất:** Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ nông dân thoát nghèo bền vững nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn qua các phương thức thiết thực, hiệu quả; tổng kết thực tiễn, đánh giá các mô hình xóa đói, giảm nghèo do Hội hướng dẫn để nhân rộng mô hình; vận động nông dân tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên kết “bốn nhà”... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

**3.2.3. Về văn hóa xã hội:** Vận động nông dân xây dựng đời sống văn hóa mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; tham gia xây dựng các thiết chế, tổ chức các hoạt động văn hóa lành mạnh, bổ ích ở nông thôn.

**3.2.4. Về bảo vệ môi trường:** Vận động hội viên, nông dân thu gom xử lý chất thải, rác thải, trồng cây, bảo vệ cảnh quan môi trường, chủ động xây dựng các công trình bể nước, nhà tắm, nhà vệ sinh hợp vệ sinh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

**3.2.5 Về xây dựng hệ thống chính trị:** Xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh toàn diện, thực sự là trung tâm và nòng cốt của phong trào nông dân trong công cuộc xây dựng nông thôn mới; tham gia xây dựng đảng, chính quyền ở cơ sở.

### **3.3. Vai trò giám sát, phản biện xã hội**

Theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Hội Nông dân Việt Nam các cấp là một trong những chủ thể thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**3.3.1. Về đối tượng, nội dung, phương pháp giám sát** (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**3.3.2. Phạm vi giám sát:** Hội Nông dân chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên nông dân, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

**3.3.3. Về đối tượng, nội dung, phương pháp phản biện** (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**3.3.4. Về phạm vi phản biện:** Hội Nông dân Việt Nam các cấp chủ trì phản biện đối với dự thảo các văn bản về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến hội



viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ phân biện xã hội.

#### **4. Vai trò Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh**

##### **4.1. Vai trò tuyên truyền**

Các cấp bộ Đoàn tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến trong đoàn viên, thanh niên chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước; qua đó làm cho đoàn viên, thanh niên hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi đoàn viên, thanh niên tự giác tham gia phong trào một cách tích cực phù hợp với điều kiện của mình.

##### **4.2. Vai trò vận động**

Vận động đoàn viên, thanh niên tích cực thực hiện những phần việc trong Bộ tiêu chí phù hợp với khả năng của mình. Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã triển khai phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”; xây dựng đề án “Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 324/QĐ-TTg (18/2/2013). Trong đó, các cấp bộ đoàn tham gia những công việc cụ thể, thiết thực xây dựng nông thôn mới như:

**4.2.1.** Vận động đoàn viên, thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn. Tổ chức Đoàn các cấp hỗ trợ thanh niên phát triển kinh tế thông qua các hoạt động: Tập huấn chuyên giao khoa học công nghệ trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp; trao đổi kinh nghiệm, tham quan học hỏi các mô hình sản xuất, kinh doanh tiêu biểu, tổ chức tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho thanh niên; phối hợp ngân hàng chính sách xã hội, quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm, hướng dẫn thanh niên vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh; tổ chức các hoạt động tôn vinh, biểu dương gương thanh niên nông thôn làm kinh tế giỏi...

**4.2.2.** Vận động đoàn viên, thanh niên tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn. Đoàn thanh niên các cấp tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, tham gia tu sửa, bảo vệ các công trình văn hóa, di tích lịch sử của địa phương; đi đầu trong bài trừ các hủ tục lạc hậu; gương mẫu thực hiện các quy ước của cộng đồng, nhất là thực hiện tiết kiệm, văn minh trong việc cưới, việc tang; tổ chức cho đoàn viên khai thác có hiệu quả các điểm sinh hoạt bưu điện văn hóa xã; thành lập các câu lạc bộ, tổ nhóm cung cấp kiến thức về tình yêu hôn nhân, giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên; duy trì các câu lạc bộ gia đình trẻ, câu lạc bộ dân số...

**4.2.3.** Vận động đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia xây dựng hạ tầng, cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn. Tổ chức Đoàn các cấp đăng ký các công trình,

phần việc cụ thể góp phần xây dựng hạ tầng, cảnh quan ở nông thôn như: Tham gia làm mới, tu sửa, phát quang đường giao thông nông thôn; sửa chữa, làm mới kênh mương nội đồng, nhà văn hóa, trường học, cầu giao thông; vận động nhân dân làm hàng rào, đường điện thấp sáng. Chủ trì phát động thực hiện các phong trào bảo vệ môi trường như: Ngày thứ bảy tình nguyện bảo vệ môi trường, ngày chủ nhật xanh; hướng ứng các phong trào Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới... Thành lập và duy trì các mô hình thanh niên bảo vệ môi trường như: “Đội thanh niên xung kích bảo vệ môi trường”, “Thanh niên tình nguyện vì môi trường xanh - sạch - đẹp”, “Tuyến đường thanh niên tự quản”...

**4.2.4.** Vận động đoàn viên, thanh niên xung kích giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn. Các cấp bộ đoàn tăng cường công tác tuyên truyền việc giữ gìn an ninh trật tự trong sinh hoạt chi đoàn; thành lập các câu lạc bộ tham gia giữ gìn an ninh trật tự như: đội thanh niên tình nguyện; thanh niên xung kích giữ gìn an ninh, trật tự; chi đoàn dân quân tự vệ... nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại địa phương, nhất là trong các ngày lễ, tết; vận động thanh niên đi đầu trong công tác đấu tranh phòng chống, ngăn ngừa, đẩy lùi các hành vi vi phạm trật tự an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội.

Trong thời gian qua, ở nhiều địa phương, các cấp bộ đoàn đã sáng tạo xây dựng các mô hình mới như “Chi đoàn thôn, xóm năm không” (không có tội phạm, không có tệ nạn xã hội, không có hộ thanh niên nghèo, không mất đoàn kết trong cộng đồng, không có đơn thư khiếu nại vượt cấp); “Xã ba không” (không vi phạm pháp luật giao thông, không có tệ nạn xã hội và ma túy, không tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức), các Câu lạc bộ giúp đỡ thanh niên lầm lỡ, hòa nhập cộng đồng...

**4.2.5.** Đoàn thanh niên tổ chức các đội trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai dự án “Trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch UBND xã thuộc 62 huyện nghèo”. Bước đầu, các trí thức trẻ đã phát huy được năng lực của bản thân vào thực tiễn công tác góp phần xây dựng nông thôn mới.

Trung ương Đoàn phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai đưa giảng viên trẻ, sinh viên tình nguyện tham gia thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tổ chức các hoạt động bao gồm: Hướng dẫn người dân phát triển nông nghiệp, vận động nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến nông sản; tuyên truyền người dân thu gom rác thải sinh hoạt và hướng dẫn các biện pháp xử lý; huy động thanh niên và nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, khơi thông cống rãnh, bảo vệ cảnh quan, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nhân đạo từ thiện ở nông thôn.

Nhiều cơ sở đoàn nhất là các trường đại học, lực lượng vũ trang đã tổ chức các chiến dịch thanh niên tình nguyện, tạo dấu ấn sâu sắc, thiết thực, hiệu quả, góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

**4.2.6.** Đoàn thanh niên các cấp tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị ở nông thôn. Tổ chức Đoàn các cấp đóng vai trò nòng cốt trong đoàn kết, tập hợp thanh niên hăng hái thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, giới thiệu các đoàn viên ưu tú cho Đảng; phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội khác thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội là những biện pháp cụ thể, thiết thực đóng góp vào xây dựng nông thôn mới.

### **4.3. Vai trò giám sát, phản biện xã hội**

Theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là một trong những chủ thể thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**4.3.1.** Về đối tượng, nội dung, phương pháp giám sát (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**4.3.2.** Phạm vi giám sát: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, thanh niên, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đoàn; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

**4.3.3.** Về đối tượng, nội dung, phương pháp phản biện (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**4.3.4.** Về phạm vi phản biện: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp chủ trì phản biện đối với dự thảo các văn bản về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến đoàn viên, thanh niên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Đoàn; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

## **5. Vai trò của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam**

### **5.1. Vai trò tuyên truyền**

Hội Phụ nữ các cấp tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, hội viên, phụ nữ chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước. Các cấp hội tuyên truyền để hội viên, phụ nữ hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi hội viên, phụ nữ tự giác tham gia phong trào một cách tích cực phù hợp với điều kiện của mình.

### **5.2. Vai trò vận động**

**5.2.1.** Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới thông qua các chương trình của mình và các phong trào do Mặt trận Tổ quốc phát động. Hiện nay, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt

Nam đang phát động phong trào xây dựng “Gia đình 5 không 3 sạch” trên phạm vi toàn quốc. Đây là cuộc vận động có nhiều nội dung thiết thực góp phần xây dựng nông thôn mới.

Các tiêu chí của gia đình 5 không 3 sạch: 5 không gồm có: Không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ ba trở lên, không có trẻ em suy dinh dưỡng và trẻ em bỏ học; 3 sạch gồm có: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ. Các tiêu chí “Gia đình 5 không 3 sạch” phù hợp với mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vì đều hướng tới xây dựng gia đình và cộng đồng ấm no, hạnh phúc, văn minh.

**5.2.2.** Tầm tiêu chí cụ thể của phong trào xây dựng “Gia đình 5 không, 3 sạch” thiết thực góp phần xây dựng nông thôn mới như:

a) Gia đình không đói nghèo góp phần thực hiện tiêu chí 9 (nhà ở dân cư), tiêu chí 10 (thu nhập), tiêu chí 11 (hộ nghèo).

b) Nội dung “gia đình không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội” góp phần thực hiện tiêu chí 16 (văn hóa), tiêu chí 19 (an ninh trật tự).

c) Nội dung “gia đình không có trẻ em suy dinh dưỡng và trẻ em bỏ học” góp phần thực hiện tiêu chí 14 (giáo dục), 15 (y tế).

d) Nội dung “sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ” góp phần thực hiện tiêu chí 17 (môi trường).

Ngoài ra, hiện nay ở các địa phương, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam còn có nhiều phong trào khác cũng góp phần xây dựng nông thôn mới như: “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế”; “Chương trình hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, tăng thu nhập”; “Ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo”; “Phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường”... đây là những hình thức hoạt động hiệu quả, khơi dậy được tiềm năng, sức sáng tạo, truyền thống nhân ái... của chị em phụ nữ.

### **5.3. Vai trò giám sát, phản biện xã hội**

Theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Hội Phụ nữ Việt Nam các cấp là một trong những chủ thể thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Về đối tượng, nội dung, phương pháp giám sát (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

- Phạm vi giám sát: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên phụ nữ, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

- Về đối tượng, nội dung, phương pháp phản biện (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

- Về phạm vi phản biện: Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp chủ trì phản biện đối với dự thảo các văn bản về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến hội viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

## **6. Vai trò Hội cựu chiến binh Việt Nam**

### **6.1. Vai trò tuyên truyền**

Các cấp Hội tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến trong hội viên, cựu chiến binh chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới; qua đó làm cho hội viên, cựu chiến binh hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung Chương trình; giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi hội viên, cựu chiến binh ý thức trách nhiệm, tinh tiên phong, gương mẫu tự giác tham gia phong trào một cách tích cực phù hợp với điều kiện của mình.

### **6.2. Vai trò vận động**

Hội có vai trò vận động hội viên, cựu chiến binh tham gia xây dựng nông thôn mới thông qua các chương trình cụ thể.

**6.2.1. Về kinh tế - xã hội:** Vận động cựu chiến binh đóng góp công sức, tài sản, trí tuệ tham gia xây dựng, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng nông thôn. Các cấp hội tổ chức các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ cựu chiến binh đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển sản xuất; khuyến khích phát triển các hợp tác xã cựu chiến binh trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.

**6.2.2. Về văn hóa xã hội:** Các cấp hội vận động cựu chiến binh gương mẫu xây dựng đời sống văn hóa mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; xây dựng các thiết chế văn hóa lành mạnh ở nông thôn.

**6.2.3. Về bảo vệ môi trường:** Vận động cựu chiến binh thu gom xử lý chất thải, rác thải, trồng cây, bảo vệ cảnh quan môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

**6.2.4. Về xây dựng hệ thống chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nông thôn:** Xây dựng Hội Cựu chiến binh Việt Nam vững mạnh toàn diện, thực sự là trung tâm và nòng cốt của cựu chiến binh trong công cuộc xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn, giúp đỡ, dẫn dắt thế hệ trẻ phát huy truyền thống anh hùng, nối tiếp cha anh trong sự nghiệp cách mạng; tham gia xây dựng đảng, chính quyền ở cơ sở.

Hội cựu chiến binh đóng vai trò nòng cốt tích cực tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nông thôn, tham gia tổ hòa giải ở cơ sở, vận động các hộ gia đình nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật.

**6.3. Vai trò giám sát, phản biện xã hội:** Theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị

- xã hội, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một trong những chủ thể thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**6.3.1.** Về đối tượng, nội dung, phương pháp giám sát (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**6.3.2.** Phạm vi giám sát: Hội Cựu chiến binh chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên cựu chiến binh, chức năng, nhiệm vụ của Hội; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

**6.3.3.** Về đối tượng, nội dung, phương pháp phản biện (thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc).

**6.3.4.** Về phạm vi phản biện: Hội Cựu chiến binh các cấp chủ trì phản biện đối với dự thảo các văn bản về xây dựng nông thôn mới có liên quan trực tiếp đến hội viên, cựu chiến binh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội phối hợp với Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

## **Hộp 2. Một số điểm lưu ý**

- Trong xây dựng nông thôn mới, cần phát huy vai trò tuyên truyền, vận động của tất cả các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, ở cấp cơ sở (xã, thôn), căn cứ vào điều kiện cụ thể, cấp ủy, chính quyền nên có sự phân công mỗi tổ chức phụ trách trực tiếp một mảng công việc mà tổ chức đó có thế mạnh. Ví dụ, công tác bảo vệ môi trường nên giao cho Hội Phụ nữ (vì gắn với phong trào “Năm không, ba sạch”); công tác quốc phòng, an ninh nên giao cho Hội cựu chiến binh (vì là những người có uy tín và am hiểu về lĩnh vực này); tiêu chí văn hóa nên giao cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội người cao tuổi phối hợp thực hiện...

- Trong thực tế hiện nay, việc thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn còn tương đối khó khăn. Một mặt do năng lực, trình độ của cán bộ còn hạn chế; mặt khác, việc giám sát, phản biện chỉ thực hiện theo quy định của Đảng mà chưa có các quy định pháp luật cụ thể. Do vậy, để nâng cao năng lực giám sát, phản biện, cần có chương trình tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở.

- Theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp còn có vai trò lấy ý kiến về sự hài lòng của nhân dân đối với việc đề nghị xã, huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã.

## **7. Vai trò của các tổ chức xã hội trong xây dựng nông thôn mới**

Ở nước ta hiện nay, ngoài các tổ chức chính trị - xã hội như trên còn có nhiều tổ chức xã hội khác cũng có vai trò tích cực trong xây dựng nông thôn mới (tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội). Hình thức của các tổ chức này rất đa dạng như các hội, hiệp hội, liên hiệp hội, liên minh, câu lạc bộ...

Có những tổ chức hoạt động trên phạm vi toàn quốc (Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên minh hợp tác xã, Hội người cao tuổi, Hội khuyến học...), nhưng cũng có những hội, hiệp hội chỉ hoạt động trong phạm vi địa phương (ví dụ: Hiệp hội người trồng nho Ninh Thuận).

Các tổ chức xã hội có thể tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào thực hiện xây dựng nông thôn mới trên rất nhiều lĩnh vực như: Chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển sản xuất, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, thực hiện dân chủ ở cơ sở...

Có thể khái quát vai trò của các tổ chức xã hội trong xây dựng nông thôn mới như sau:

**7.1.** Vai trò tuyên truyền, các tổ chức xã hội dù tồn tại ở trung ương hay địa phương đều có thể tham gia tuyên truyền xây dựng nông thôn mới. Đối tượng tuyên truyền là các thành viên, hội viên của các tổ chức đó và bà con nông dân.

Nội dung tuyên truyền là các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới; chương trình, kế hoạch của hội, hiệp hội tham gia thực hiện các phần việc cụ thể. Hình thức tuyên truyền thông qua các cuộc hội thảo, tọa đàm, bản tin, thông tin chuyên đề của hội, hiệp hội.

**7.2.** Vai trò vận động, các tổ chức xã hội (hội, hiệp hội) vận động hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện các phần việc (tiêu chí) phù hợp với điều kiện, khả năng của mình.

Ví dụ, Hội khuyến học tham gia vận động nhân dân đưa trẻ tới trường, vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm xây dựng cơ sở vật chất giáo dục cho các địa phương khó khăn, xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn...

**7.3.** Một số tổ chức tham gia tư vấn, giám sát việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Ví dụ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh hợp tác xã Việt Nam là thành viên ban soạn thảo một số luật, chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**7.4.** Một số tổ chức cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Ví dụ, Hiệp hội chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) thường xuyên cung cấp thông tin thị trường thủy sản qua Bản tin thương mại thủy sản hàng tuần, Tạp chí thương mại thủy sản hàng tháng, Báo cáo

xuất khẩu thủy sản hàng quý... Qua đó, người dân, doanh nghiệp nắm được thị trường thủy sản trong và ngoài nước.

**7.5.** Một số tổ chức thực hiện sự ủy nhiệm của nhà nước tham gia quản lý, điều tiết thị trường. Ví dụ, Hiệp hội mía đường Việt Nam là thành viên của tổ điều hành thị trường trong nước của Chính phủ.

**7.6.** Vai trò tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân và doanh nghiệp. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp thông qua xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu tìm cách mở rộng thị trường cho nông sản, nhất là thị trường ngoài nước.

**7.7.** Các hội, hiệp hội chuyên giao khoa học công nghệ cho nông dân và doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, Hội làm vườn... chuyên giao khoa học, kinh nghiệm sản xuất cho nông dân, các hợp tác xã, tổ hợp tác.

## **8. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới**

**8.1.** Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tìm hiểu, nghiên cứu, quán triệt sâu sắc nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng các Chỉ thị, Nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở hiểu biết như vậy để vận dụng vào thực tế công tác lãnh đạo, quản lý của mình.

**8.2.** Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cần xác định các mục tiêu cụ thể trong xây dựng nông thôn mới phù hợp với phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình theo các mốc thời gian (dài hạn, trung hạn, ngắn hạn), có cam kết trách nhiệm chính trị với cấp trên và nhân dân về kết quả thực hiện các mục tiêu đó.

Trên cơ sở cam kết trách nhiệm chính trị như vậy, người đứng đầu phải năng động, sáng tạo, quyết liệt tìm kiếm các giải pháp để đạt các mục tiêu đã đề ra.

**8.3.** Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới.

**8.4.** Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội (nhất là cấp cơ sở) phát huy tính nêu gương trong thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

**8.5.** Phân công trách nhiệm mỗi người đứng đầu (cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội) phụ trách một mảng công việc hay địa bàn cụ thể, lấy hiệu quả thực hiện công việc làm thước đo đánh giá năng lực cán bộ; đây cũng là cơ sở để đánh giá, xếp loại cán bộ hàng năm hay cả nhiệm kỳ.



## **PHẦN 3 - VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA BAN PHÁT TRIỂN THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Ban phát triển thôn là tổ chức được thành lập nhằm lãnh đạo cộng đồng dân cư tiến hành xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn. Thành phần tham gia bao gồm: Người đại diện lãnh đạo thôn (Bí thư chi bộ, trưởng/ phó thôn); đại diện các tổ chức, đoàn thể của thôn (Ban công tác Mặt trận cơ sở, thanh niên, phụ nữ, người cao tuổi...) và những người có năng lực, uy tín trong cộng đồng.

Ban phát triển thôn có các nhiệm vụ cơ bản:

### **1. Nhiệm vụ tuyên truyền**

Tổ chức họp dân để tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; phương pháp, cơ chế thực hiện; các quyền lợi, nghĩa vụ của người dân và cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới. Triệu tập nhân dân trong thôn tham dự các cuộc họp, tập huấn theo đề nghị của cơ quan tư vấn nhằm nâng cao năng lực của người dân và cộng đồng về phát triển nông thôn.

### **2. Nhiệm vụ lãnh đạo**

Lãnh đạo cộng đồng dân cư tổ chức thực hiện những nội dung công việc cụ thể do Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã giao như:

**2.1.** Tổ chức lấy ý kiến nhân dân trong thôn tham gia góp ý vào bản dự thảo quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới của xã. Việc lấy ý kiến nhân dân phải được tổ chức công khai, minh bạch, các ý kiến của nhân dân phải được ghi chép đầy đủ để gửi tới Ban quản lý xây dựng nông thôn mới, HĐND xã xem xét.

**2.2.** Tổ chức xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội do Ban quản lý xã giao như: Đường giao thông liên thôn, nội thôn, liên xóm, công trình thủy lợi, trường học, nhà văn hóa, chợ, khu vui chơi...

**2.3.** Tham gia giám sát cộng đồng với các công trình xây dựng cơ bản trong thôn. Thành lập các tổ/ nhóm để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi được bàn giao.

**3. Vai trò vận động nhân dân:** Vận động nhân dân trong thôn thực hiện những tiêu chí cụ thể trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng xã nông thôn mới như:

**3.1. Về hạ tầng kinh tế - xã hội:** Vận động nhân dân hiến đất đai, hoa màu, sức lao động, tài sản tham gia xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội như làm đường giao thông, xây dựng các công trình phúc lợi trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...

**3.2. Về kinh tế và tổ chức sản xuất:** Vận động nhân dân ứng dụng khoa học công nghệ phát triển sản xuất, tăng thu nhập; tham gia thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác; tích cực giúp nhau xóa đói, giảm nghèo.

**3.3. Về văn hóa - xã hội:** Vận động nhân dân đưa trẻ đến trường, tham gia học nghề; tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; thực hiện ăn sạch, uống sạch, phòng chống dịch bệnh; tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, chống các hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn, xóm; thực hiện nếp sống văn hóa mới.

**3.4. Về môi trường:** Vận động nhân dân xây dựng ba công trình (bể nước, nhà vệ sinh, nhà tắm) hợp vệ sinh; các hộ sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; thực hiện mai táng người chết theo phong tục, quy định của địa phương; chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

**3.5.** Vận động nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; thực hiện bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; tích cực hưởng ứng các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động (Phong trào cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; năm không, ba sạch...)

**3.6.** Bảo đảm an ninh, trật tự thôn xóm; xây dựng quy ước, hương ước, nội quy thôn phù hợp với các yêu cầu, chuẩn mực xây dựng nông thôn mới; xây dựng các tổ liên gia tự quản, tổ hòa giải ở cơ sở; phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội, nghiêm túc thực hiện pháp luật giao thông... góp phần xây dựng thôn, xóm bình yên.

### **Hộp 3. Mô hình “Hội đồng quản lý và phát triển thôn” của thôn Chang, xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang trong xây dựng nông thôn mới**

Để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới, được sự đồng ý của cấp ủy, chính quyền xã Việt Lâm, bà con nhân dân thôn Chang đã bầu ra “Hội đồng quản lý và phát triển thôn”, thành phần gồm: Chủ tịch hội đồng là Bí thư chi bộ thôn, Phó chủ tịch là Trưởng thôn, 05 ủy viên còn lại là cán bộ thú ý, khuyến nông, đại diện Hội người cao tuổi, hội phụ nữ, đoàn thanh niên (tất cả đều là cán bộ kiêm nhiệm), nhiệm kỳ của Hội đồng là 01 năm.

Chức năng của Hội đồng: Bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với các quy định của pháp luật trong xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất, xây dựng các công trình phúc lợi, xóa đói, giảm nghèo; xây dựng và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa”, tuyên truyền vận động nhân dân bỏ các hủ tục lạc hậu; tự quản cộng đồng; xây dựng quy chế hoạt động của thôn; vận động nhân dân tích cực thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các cuộc vận động khác do Trung ương MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động... Đây là mô hình đầu tiên được thực hiện ở Vị Xuyên đã góp phần tích cực vào xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

(Nguồn: <http://nongthonmoi.hagiang.gov.vn/index.php/mo-hinh-tieu-bieu>)

## PHẦN 4 – VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Cộng đồng dân cư là một nhóm người sống trong một khu vực địa lý nhất định, có thể được phân theo địa bàn quốc gia, tỉnh, huyện, xã hoặc thôn. Cộng đồng dân cư thôn là toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân cùng sống trong một thôn, buôn, làng, bản, ấp hoặc một đơn vị tương đương.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam lấy xã là đơn vị triển khai, thôn là đơn vị thực hiện cho nên cộng đồng dân cư ở đây chủ yếu là những người dân sống trong một xã hay thôn – những chủ thể trực tiếp xây dựng nông thôn mới. Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 khẳng định chủ thể thụ hưởng Chương trình là “người dân và cộng đồng dân cư sống trên địa bàn nông thôn”; đối tượng thực hiện là “người dân và cộng đồng dân cư nông thôn”. Như vậy, cộng đồng dân cư là vừa là chủ thể thực hiện vừa là người thụ hưởng Chương trình.

Vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới được thể hiện ở những nội dung sau:

1. Cộng đồng dân cư là người trực tiếp tham gia góp ý vào bản dự thảo quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới của xã (*trong quy định hiện hành, dự thảo quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã bắt buộc phải lấy ý kiến nhân dân trước khi được thông qua*).

2. Cộng đồng dân cư tổ chức họp, bàn bạc, thống nhất quyết định lựa chọn thứ tự ưu tiên khi thực hiện các chương trình, dự án thực hiện trên địa bàn thôn (*lựa chọn việc nào làm trước, việc nào làm sau*) trên cơ sở nhu cầu thực tế, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thôn, phù hợp với quy hoạch và kế hoạch của xã/ huyện/ tỉnh.

3. Cộng đồng dân cư dân chủ bàn bạc, thống nhất mức đóng góp tiền bạc, công sức, tài sản vào xây dựng các công trình hạ tầng của địa phương.

4. Cộng đồng dân cư trực tiếp bầu ra Ban phát triển thôn – tổ chức lãnh đạo nhân dân thôn xây dựng nông thôn mới.

5. Cộng đồng dân cư (*cá nhân, hộ gia đình*) là chủ thể thực hiện các nội dung xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường ở nông thôn (*ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất, tăng thu nhập; xây dựng đời sống văn hóa mới, cho con em đến trường, tham gia học nghề; giữ gìn vệ sinh bảo vệ sức khỏe; phòng chống dịch bệnh, tập luyện thể dục thể thao; chỉnh trang nhà cửa, cổng ngõ, vườn tược xanh - sạch - đẹp...*).

6. Cộng đồng dân cư đóng vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới còn được thể hiện ở việc những việc gì mà người dân làm được, làm tốt thì giao cho chính

người dân thực hiện; chỉ những việc người dân không làm được mới phải thuê và phải có sự tham gia giám sát của nhân dân (*trực tiếp hoặc thông qua Ban giám sát thôn*).

**4.7.** Mỗi người dân và cộng đồng dân cư chủ động tham gia duy tu, bảo dưỡng, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các công trình phúc lợi đã được đầu tư và bàn giao.

**4.8.** Mỗi người dân chủ động tham gia xây dựng đảng, chính quyền; giám sát hoạt động của cán bộ xã, thôn; góp ý xây dựng quy ước, hương ước của thôn.

**4.9.** Cộng đồng dân cư (*tập thể và mỗi người dân*) tích cực vận động những người con ở xa quê, nhất là những người thành đạt tham gia đóng góp công sức, tiền của, trí tuệ tham gia xây dựng nông thôn mới. Bằng các biện pháp khác nhau, cộng đồng (*thôn, xóm, xã, huyện*) có hình thức tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các “*mạnh thường quân*” một cách xứng đáng.

## **PHẦN 5 – VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế, có tài sản và tên riêng, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động kinh doanh trên thị trường.

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, để thực hiện thành công Chương trình, phải huy động tổng lực sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế, trong đó có các doanh nghiệp. Trong Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã xác định doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội là một trong những chủ thể thực hiện Chương trình. Mục tiêu xác định giai đoạn 2016-2020 khai thác vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác cho Chương trình chiếm khoảng 15%.

Trong xây dựng nông thôn mới, doanh nghiệp có vai trò sau:

**1.** Doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người lao động nông thôn. Hiện nay, ở nhiều vùng nông thôn tỷ lệ người dân có việc làm thường xuyên còn thấp, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng thuần nông. Do vậy, thu nhập của người dân thường rất thấp, đời sống khó khăn, không có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội. Từ đó đặt ra yêu cầu, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế quan tâm đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

**2.** Doanh nghiệp đóng vai trò hạt nhân trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Doanh nghiệp liên kết với nông dân, thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư giống, vốn, hướng dẫn, chuyển giao khoa học công nghệ, bao tiêu sản phẩm cho nông dân tạo ra chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp. Trong chuỗi giá trị này,

doanh nghiệp đóng vai trò chủ thể từ định hướng thị trường, đầu tư giống, vốn, bao tiêu sản phẩm, người nông dân chỉ tham gia vào một khâu của chuỗi giá trị là sản xuất.

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị là yêu cầu bức xúc ở Việt Nam hiện nay, bởi trong hội nhập quốc tế, hàng hóa nông sản Việt Nam sản xuất không chỉ phải cạnh tranh với mặt hàng trong nước, không chỉ tiêu thụ ở thị trường trong nước mà vươn ra quốc tế. Muốn vậy, nông dân cần được hướng dẫn chuyển giao khoa học công nghệ, đầu tư vốn, định hướng thị trường tiêu thụ... Những việc đó mỗi hộ gia đình nông dân đơn lẻ không làm tốt được mà nên có các doanh nghiệp đứng ra tổ chức thực hiện.

**3.** Doanh nghiệp định hướng thị trường cho tiêu thụ các sản phẩm làng nghề truyền thống. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xác định mục tiêu bảo tồn và phát triển các làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái, khuyến khích phát triển mỗi làng một nghề; hướng dẫn hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm cho sản phẩm làng nghề.

Doanh nghiệp đóng vai trò nòng cốt trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các làng nghề, là cầu nối giữa các làng nghề và thị trường tiêu thụ (*cả thị trường trong và ngoài nước*). Việc xây dựng chỉ dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu, cải tiến mẫu mã, bao bì cũng cần đến các doanh nghiệp chuyên nghiệp thực hiện.

**4.** Doanh nghiệp là một trong những chủ thể thúc đẩy quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Hiện nay, sản xuất nông nghiệp ở nước ta chủ yếu thực hiện với quy mô nhỏ, kỹ thuật lạc hậu; do đó năng suất, hiệu quả không cao. Muốn chuyển sang sản xuất hàng hóa lớn, yêu cầu phải có các doanh nghiệp có năng lực đầu tư để tích tụ ruộng đất, phát triển sản xuất quy mô lớn.

Chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp của ngành nông nghiệp và Chính phủ không thể thiếu vai trò của doanh nghiệp. Từ một nền sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tự phát chuyển sang sản xuất hàng hóa lớn, đại bộ phận nông dân sản xuất theo phong trào và kinh nghiệm trong khi sản phẩm cạnh tranh có tính quốc tế, thị trường quốc tế, điều này đòi hỏi vai trò của doanh nghiệp.

**5.** Nêu cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, doanh nhân trong xây dựng nông thôn mới. Doanh nghiệp trực tiếp hỗ trợ nông dân, cộng đồng dân cư xây dựng nông thôn mới thông qua đầu tư, tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (*trường học, bệnh viện, đường xá, cầu cống...*), tham gia thực hiện chính sách an sinh xã hội (*xây dựng các quỹ nhân ái, hỗ trợ người già, người nghèo, trẻ em... ở nông thôn*).

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp đã thực hiện tương đối tốt vai trò này thông qua việc tham gia các cuộc vận động do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

## **PHẦN 6 – THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Năm 1998, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 30/CT-TW về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; năm 2007, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20/4/2007). Một số nội dung chủ yếu của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn cần lưu ý trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay.

### **1. Những nội dung dân được biết trong xây dựng nông thôn mới**

#### **1.1. Nội dung dân được biết**

- Dự thảo quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới của xã;
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế; dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của xã.
- Dự án, công trình đầu tư, thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã phụ trách xây dựng nông thôn mới, cán bộ Ban phát triển thôn.
- Việc quản lý, sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động đóng góp của nhân dân;
- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.
- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, thôn.
- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến nhân dân đối với dự thảo quy hoạch, đề án và các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới cấp xã.
- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

#### **1.2. Hình thức để nhân dân được biết những nội dung trên:**

- Niêm yết công khai những nội dung trên tại trụ sở xã;
- Thông báo công khai các nội dung nhân dân được biết trên loa truyền thanh xã;
- Công khai các nội dung nhân dân được biết đến các trưởng thôn, trưởng xóm để thông báo đến nhân dân.

## **2. Những công việc nhân dân bàn bạc và quyết định**

### **2.1. Những việc nhân dân bàn bạc và trực tiếp quyết định**

#### **2.1.1. Nội dung**

Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, xóm do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **2.1.2. Hình thức thực hiện**

- Tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, xóm.
- Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trong trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, việc biểu quyết được thực hiện thông qua giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Nếu số lượng tán thành trên 50% thì nội dung biểu quyết có giá trị thi hành; nếu số lượng tán thành không quá 50% thì tổ chức lại cuộc họp. Trường hợp không tổ chức lại cuộc họp, phải phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Chủ tịch UBND xã có trách nhiệm lập biên bản tổng hợp kết quả về những nội dung đã đưa ra nhân dân bàn và quyết định, tổ chức triển khai thực hiện những nội dung đã được nhân dân quyết định. UBND xã báo cáo HĐND cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung nhân dân bàn và quyết định tại kỳ họp gần nhất của HĐND.

#### **2.1.3. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp**

- Có trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý thì có giá trị thi hành.
- Chính quyền cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

## **2.2. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định**

### **2.2.1. Nội dung**

Theo quy định tại Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, nhân dân bàn bạc, biểu quyết để cấp có thẩm quyền ra quyết định đối với những việc sau:

- Hương ước, quy ước của thôn;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn;
- Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;
- Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban phát triển thôn.

Như vậy, trong xây dựng nông thôn mới, một số nội dung có thể đưa vào hương ước, quy ước của thôn; việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban phát triển thôn được thực hiện theo quy định này.

### **2.2.2. Hình thức thực hiện**

- Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn thôn.
- Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín (do hội nghị quyết định); nếu số người tán thành không quá 50% thì tổ chức lại cuộc họp.

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình (trừ việc bầu, bãi, miễn nhiệm với Trưởng thôn).

### **2.2.3. Giá trị thi hành với những việc nhân dân bàn, biểu quyết**

- Đối với việc thông qua hương ước, quy ước, nếu có trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn tán thành thì có giá trị thi hành ngay sau khi UBND cấp huyện ra quyết định công nhận.

- Đối với việc bầu, miễn nhiệm trưởng thôn: Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn tán thành thì có giá trị thi hành ngay sau khi UBND cấp xã ra quyết định.

- Đối với việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì có giá trị thi hành sau khi được UBND cấp xã công nhận.

## **3. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định**

### **3.1. Nội dung**

- Dự thảo quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.
- Dự thảo đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã.
- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất.
- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã, chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch khu dân cư...

### **3.2. Hình thức nhân dân tham gia ý kiến**

- Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn thôn, xóm.
- Phát phiếu lấy ý kiến đến cử tri.
- Thông qua hòm thư góp ý.

### **3.3. Trách nhiệm của chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện những việc nhân dân tham gia góp ý**



- UBND xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã, trong đó nêu rõ cách triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- UBND cấp xã phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến cử tri, nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với nhân dân về tiếp thu ý kiến của nhân dân.

- UBND cấp xã báo cáo HĐND cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân tại kỳ họp gần nhất của HĐND.

#### **4. Những nội dung nhân dân tham gia giám sát**

##### **4.1. Nội dung tham gia giám sát**

- Những nội dung nhân dân được biết (kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế; dự án, công trình đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ xây dựng nông thôn mới cấp xã, thôn...);

- Những nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp (chủ trương, mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng...);

- Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết (như quy ước xây dựng nông thôn mới của thôn; bầu, bãi miễn Ban xây dựng nông thôn mới, Ban giám sát đầu tư cộng đồng...);

- Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định như: Dự thảo quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã; dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã, chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch khu dân cư...

##### **4.2. Hình thức nhân dân giám sát**

- Nhân dân trực tiếp giám sát thông qua thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kiến nghị thông qua Mặt trận Tổ quốc cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban phát triển thôn;

- Nhân dân giám sát gián tiếp thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban phát triển thôn.

##### **4.3. Khi nhân dân thực hiện quyền giám sát, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có nghĩa vụ**

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng

- Xem xét, giải quyết, trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Mặt trận

Tổ quốc hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

*Lưu ý:* việc thực hiện quy chế dân chủ trong xây dựng nông thôn mới không có quy định riêng mà chỉ là sự vận dụng Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 2007), vào quá trình xây dựng nông thôn mới. Do vậy, cấp ủy, chính quyền các cấp cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến Pháp lệnh đến các tầng lớp nhân dân.

## **5. Quy định “Dân làm, dân thụ hưởng” trong xây dựng nông thôn mới**

### **5.1. Dân làm**

Sau khi đã bàn bạc thống nhất các phương án, thứ tự ưu tiên, xác định nguồn lực, nhân dân là chủ thể trực tiếp thực hiện xây dựng nông thôn mới. Những việc dân làm có thể chia làm hai loại:

- Những việc người dân trực tiếp làm như: Tổ chức sản xuất kinh tế theo quy hoạch và kế hoạch chung của xã, huyện, tỉnh; chỉnh trang nhà cửa, vườn tược, bảo vệ môi trường; bảo tồn các di sản văn hóa truyền thống, xây dựng gia đình văn hóa...

- Những việc người dân tham gia với chính quyền để tổ chức thực hiện như: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng hệ thống chính trị, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương...

### **5.2. Dân thụ hưởng**

Người thụ hưởng đầu tiên, trực tiếp kết quả xây dựng nông thôn mới từ xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường... chính là nhân dân sống tại địa bàn.

- Trước hết, khi cơ sở hạ tầng tốt người dân thuận lợi trong sản xuất, năng xuất lao động tăng, kinh doanh buôn bán thuận lợi, đời sống vật chất, tinh thần được nâng lên.

- Việc đầu tư, phát triển các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường... góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Quá trình thực hiện và các thành quả xây dựng nông thôn mới còn làm tình làng nghĩa xóm, mối quan hệ giữa Đảng và dân được củng cố, tăng cường.

Thành quả xây dựng nông thôn mới còn tạo ra các giá trị bền vững cho thế hệ con cháu sau này (ví dụ các giá trị văn hóa, tinh thần, môi trường...). Nhà nước, chính quyền các cấp chỉ là người hỗ trợ, định hướng chính sách còn người làm và hưởng thụ thực thụ là nhân dân. Trong tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, cần đặc biệt quan tâm nhấn mạnh những giá trị này để người dân thấy giá trị đích thực của chủ trương xây dựng nông thôn mới.

## **6. Phương châm “Dân làm, nhà nước hỗ trợ” trong xây dựng nông thôn mới hiện nay**

### **6.1. Phải kết hợp nhà nước và nhân dân cùng làm xuất phát từ các lý do**

- Xây dựng nông thôn mới cần đến một nguồn lực vật chất rất lớn, nếu chỉ trông chờ vào nguồn vốn đầu tư của nhà nước thì sẽ rất khó khăn và lâu mới hoàn thành nhiệm vụ.

- Bản thân Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện với phương châm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư là chính, nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện. Giao quyền tự chủ cho người dân, để người dân phát huy sáng kiến, đóng vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

- Nông dân Việt Nam trong truyền thống cũng như hiện tại có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết cộng đồng, ý chí vươn lên thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu. Do đó, trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay, để chủ trương xây dựng nông thôn mới thành công, cần phát huy vai trò to lớn của nông dân.

## **6.2. Mức hỗ trợ và loại công việc**

- Hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước cho tất cả các xã để thực hiện công tác lập quy hoạch, tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn (thuộc phạm vi của Đề án đào tạo nghề đã được Thủ tướng phê duyệt);

- Đối với các xã thuộc huyện nghèo (theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ) được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa đến 100% cho thực hiện các công việc: Xây dựng đường giao thông nông thôn đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn; cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất, dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, kinh phí vận hành Quỹ xây dựng nông thôn mới.

- Đối với các xã còn lại: Căn cứ vào vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, HĐND cấp tỉnh quyết định cụ thể mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung công việc.

- Kinh phí duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành và đưa vào sử dụng (được trích khoảng 6% từ vốn đầu tư xây dựng cơ bản của từng xã);

- Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương để thực hiện các nhiệm vụ: Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổ chức họp triển

khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự hội nghị, tập huấn, mua trang thiết bị văn phòng... (số tiền này được trích từ 1,0 đến 1,5% nguồn ngân sách hỗ trợ trực tiếp của Chương trình).

- Các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của Nhà nước.

**6.3.** Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, các cấp chính quyền không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Mức đóng góp cụ thể do cộng đồng dân cư dân chủ bàn bạc, thảo luận, quyết định, được HĐND xã nhất trí thông qua. Nếu hộ nghèo trực tiếp tham gia lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thì được trả tiền công lao động phù hợp với giá cả, mức tiền công lao động tại địa phương, UBND xã xem xét quyết định mức tiền công trình HĐND cùng cấp quyết định. Khi chính quyền, Ban quản lý, Ban đầu tư xây dựng nông thôn mới huy động, thu mua vật liệu xây dựng, giống vật nuôi cây trồng và những hàng hóa khác do người dân trực tiếp làm ra để sử dụng vào các dự án của Chương trình, thì việc thu mua phải đảm bảo giá cả phù hợp với mặt bằng chung của thị trường ở địa phương tại thời điểm đó; chứng từ thu mua được thực hiện đơn giản (có giấy biên nhận mua bán, có xác nhận của trưởng thôn, được UBND xã xác nhận).

#### **Hộp 4. Bài học kinh nghiệm về “Dân làm, nhà nước hỗ trợ và phát huy dân chủ” trong xây dựng nông thôn mới của huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.**

“Nét nổi bật trong phong trào xây dựng nông thôn mới của Đan Phượng là đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo trong huy động sức dân với phương châm "lấy sức dân để lo cho dân"; "dân làm có sự hỗ trợ của nhà nước"; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ". Cụ thể, trong xây dựng đường giao thông nông thôn, đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo chính sách hỗ trợ của thành phố (theo quy định của Quyết định 16/2012). Quy định của thành phố là hỗ trợ sau đầu tư, nhưng lãnh đạo huyện đã quyết định vận động các doanh nghiệp cung ứng vật liệu theo hình thức trả chậm để ứng trước vật liệu cho dân xây dựng đường xóm, ngõ. Ban chỉ đạo huyện kiểm tra thực tế và duyệt thiết kế từng tuyến đường, các doanh nghiệp tư vấn chỉ lấy tiền giấy bút, các đơn vị tham gia xây dựng đường giao thông nông thôn, đường giao thông nội đồng ủng hộ 35% giá trị nhân công, máy móc; nhân dân đóng góp ngày công và hiến đất mở đường... Với việc huy động nguồn lực đa dạng nên trong gần 5 năm, huyện đã huy động được trên 1.982 tỷ đồng. Trong đó ngân sách nhà nước là trên 1.552 tỷ đồng, doanh nghiệp, HTX đóng góp hơn 97 tỷ đồng, nhân dân đóng góp hơn 201 tỷ đồng, các nguồn vốn khác là hơn 129 tỷ đồng”.

(Nguồn: “Vinh dự, tự hào huyện nông thôn mới đầu tiên của Thủ đô”, <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Nong-thon-moi/812952/vinh-du-tu-hao-huyen-nong-thon-moi-dau-tien-cua-thu-do>)

## **MỘT SỐ LƯU Ý VỚI NGƯỜI HỌC**

*Một là, đây là chuyên đề được biên soạn phục vụ cho nhiều đối tượng khác nhau. Do vậy, tùy theo vị trí, yêu cầu công tác, mỗi học viên có sự liên hệ, vận dụng khác nhau.*

*Hai là, nắm vững các quy định chung của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành liên quan đến từng nội dung cụ thể của chuyên đề. Ví dụ, quy định trong điều lệ Đảng về vai trò của cấp ủy; quy định của pháp luật về vai trò của HĐND, UBND; quy định của liên bộ về vai trò của Ban phát triển thôn, cộng đồng dân cư... trong xây dựng nông thôn mới;*

*Ba là, từ vị trí và yêu cầu công tác (cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu, tuyên truyền...), mỗi học viên vận dụng các quy định cụ thể để thực hiện nhiệm vụ của mình. Ví dụ, cán bộ lãnh đạo cấp xã, cần nắm vững quy định của Điều lệ Đảng để ban hành Nghị quyết cho phù hợp; cán bộ Mặt trận và các đoàn thể nắm vững và vận dụng các quy định liên quan đến công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện đối với chủ trương, chính sách và quá trình xây dựng nông thôn mới.../.*

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đề án số 04/ĐA-MTTW-BTT (ngày 28/12/2015) Tổ chức thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”
2. Công đoàn Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị quyết liên tịch số 02/NQLT-TLĐ-NN&PTNT về việc đẩy mạnh phong trào công nhân viên chức lao động thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2010-2020.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Nghị quyết 26-NQ/TU ngày 05/8/2008).
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về việc ban hành Quy chế giám sát và phân biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.
5. Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam, Đề án nâng cao vai trò, trách nhiệm Hội nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Chính quyền địa phương.
7. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 324/QĐ-TTg (ngày 18/02/2013) về việc Phê duyệt Đề án Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013-2020.
8. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
9. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
10. Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Nghị quyết số 03/NQ-BCH (ngày 11/1/2013) về việc đẩy mạnh cuộc vận động “xây dựng gia đình 05 không, 03 sạch”.
11. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 20/4/2007).
12. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, Nxb. VHTT, Hà Nội, 1998./.